



THÔNG

ISSN 1145-9557

LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Xã luận:

Trường hợp Đoàn Viết Hoạt được đưa ra công luận thế giới

Ngày 2-11-1997, hai tuần lễ trước ngày khai mạc hội nghị thượng đỉnh Pháp thoại tại Hà Nội, một toán phóng viên truyền hình Pháp đã đột nhập nhà tù Thanh Cẩm, nơi giáo sư Đoàn Viết Hoạt đang bị giam giữ. Cuốn phim này cùng với các cuộc phỏng vấn linh mục Chân Tín, cựu tù nhân chính trị Phan Hữu Văn và bà Đoàn Viết Hoạt đã được chiếu tại giờ cao điểm tại Pháp, Bỉ, Thụy Sĩ và Luxembourg, trước hàng chục triệu khán thính giả Châu Âu và sẽ còn được chiếu tại nhiều nơi khác trong những ngày sắp tới.

Tất cả những người được phỏng vấn đều đã thẳng thắn tố giác chính sách chà đạp nhân quyền thô bạo của chính quyền cộng sản. Sự dũng cảm của hai ông Chân Tín và Phan Hữu Văn buộc mọi người phải kính trọng. Họ đang sống dưới chế độ cộng sản - ông Văn ở Hà Nội, linh mục Chân Tín ở Sài Gòn - nhưng đã bất chấp mọi hậu quả để nói lên tiếng nói bất khuất của những người dân chủ Việt Nam. Bà Đoàn Viết Hoạt chắc chắn đã gây được ấn tượng và cảm tình lớn khi bà phát biểu một cách thật giản dị: "*Tôi không hiểu tại sao một giáo sư đại học ôn hòa và bao dung như chồng tôi lại có thể ngồi tù suốt hai mươi năm qua*".

Một cuốn phim khác về giáo sư Đoàn Viết Hoạt với chủ đề "Để Dừng Quên" đã được thực hiện và sắp được chiếu khắp Âu Châu và cả tại Mỹ.

Ngày 4-11-1997, Hiệp Hội Báo Chí Thế Giới, qui tụ 15.000 tờ báo trên thế giới đã biểu quyết tặng Đoàn Viết Hoạt giải thưởng Ngòi Bút Vàng trong năm.

Ngày 5-11-1997, ngay giữa cuộc họp khoáng đại của các ký giả tiếng Pháp tại

Hà Nội, ký giả Patrick Poivre d'Arvor, nhà báo truyền hình nổi tiếng nhất nước Pháp và cũng là người dẫn đầu toán phóng viên đột nhập trại Thanh Cẩm, đã lớn tiếng trình bày trường hợp Đoàn Viết Hoạt và đòi trả tự do không điều kiện cho ông. Lời tuyên bố này đã gây một tiếng vang rất lớn.

Một ngày trước khi lên đường đi Hà Nội, bà Catherine Colonna, phát ngôn viên phủ tổng thống Pháp, đã thay mặt tổng thống Chirac tiếp bà Đoàn Viết Hoạt và cam kết vấn đề tù nhân chính trị và trường hợp Đoàn Viết Hoạt sẽ được đưa ra trong cuộc thăm viếng Việt Nam của tổng thống Chirac. Tổng thống Chirac đã thực hiện lời hứa đó và theo tuyên bố của ông tại Sài Gòn, ngày 13-11-1997, thì ông đã đạt được kết quả. Chúng ta chờ xem kết quả nào.

Đoàn Viết Hoạt đã được cả thế giới biết đến và ủng hộ. Đó là một thắng lợi quyết định cho đối lập dân chủ Việt Nam. Hà Nội sẽ rất bối rối; họ sẽ phải trả tự do cho Đoàn Viết Hoạt trong một ngày gần đây nếu không muốn là đối tượng lên án và công kích của cả thế giới. Giam giữ Đoàn Viết Hoạt, họ chịu thiệt hại nặng nề hơn là trả tự do cho Đoàn Viết Hoạt. Nhưng Đoàn Viết Hoạt là tù nhân chính trị kiên trì và tiêu biểu nhất tại Việt Nam, việc trả tự do cho Đoàn Viết Hoạt sẽ lộ bịch hóa việc tiếp tục giam giữ các tù nhân chính trị khác: Nguyễn Đan Quế, Quảng Độ, Tuệ Sỹ, Lê Mạnh Thát, Nguyễn Đình Huy, Phạm Thái, Đồng Tuy, v.v... Và nếu trả tự do cho tù nhân chính trị khác là thả lỏng phong trào dân chủ Việt Nam. Vào giữa lúc mà xã hội Việt Nam đã chuyển mình - thể hiện qua các cuộc nổi dậy tại Thái Bình, Hồ Nai - và sắp tới khí thế mới của cuộc vận động dân chủ sẽ chỉ

để lại cho đảng cộng sản một chọn lựa khôn ngoan: chấp nhận đa nguyên chính trị và dân chủ hóa.

Đoàn Viết Hoạt đã trở thành một biểu tượng lớn của cuộc vận động dân chủ cho Việt Nam. Chúng ta cần ý thức tầm quan trọng của sự kiện này. Trước đây tại Liên Xô, Đông Âu và Nam Phi, các cuộc đấu tranh giành dân chủ đã đạt được tầm vóc và vận tốc lớn vào lúc những biểu tượng có tầm vóc quốc tế xuất hiện: Andrei Sakharov tại Nga, Lech Walesa tại Ba Lan, Vaclav Havel tại Tiệp Khắc, Nelson Mandela tại Nam Phi. Những nhân vật này không phải là vĩ đại nhất trong đất nước họ nhưng đã là những biểu tượng để tranh thủ sự chú ý và hưởng ứng của thế giới, hội tụ những đấu tranh vì dân chủ trong nước và cuối cùng đưa dân chủ đến thắng lợi.

Đoàn Viết Hoạt cũng thế và tại sao không thể có vai trò đó? Chúng ta cần phát huy mạnh mẽ biểu tượng Đoàn Viết Hoạt bằng nhiều hành động và sáng kiến mới. Chúng ta không đánh giá thấp các khuôn mặt dân chủ khác, nhưng chúng ta cần một biểu tượng trong thế giới truyền thông này nếu muốn giành thắng lợi.

Và đã là một biểu tượng thì nhân vật Đoàn Viết Hoạt là của chung cuộc vận động dân chủ chứ không còn là của riêng ông và gia đình. Cũng không thuộc quyền sở hữu của riêng một đoàn thể nào. Hãy để Đoàn Viết Hoạt đóng góp cho điều mà mọi người đều mong đợi: sự hình thành của một kết hợp dân chủ rộng lớn. Là tổ chức chính trị gần gũi với Đoàn Viết Hoạt và đã cố gắng tạo uy tín cho Đoàn Viết Hoạt, Thông Luận hiểu rất rõ như vậy.

Thông Luận

Đoạn đường ngoại giao Pháp thoại Paris-Hà Nội

Trung tuần tháng mười một dương lịch vừa qua, hai biến cố đã diễn ra trên bình diện quan hệ ngoại giao Pháp-Việt. Đó là việc tổng thống Pháp Jacques Chirac chính thức viếng thăm ngoại giao Hà Nội và việc Thượng đỉnh Pháp thoại VII nhóm họp tại thủ đô nước Việt Nam. Có ý hay vô tình những người có trách nhiệm trong chính quyền của hai nước đã để cho hai việc này nối đuôi nhau? Thông thường, ít khi có những ngẫu nhiên trong các sắp xếp ngoại giao. Tuy nhiên ẩn ý - cho rằng đã có ẩn ý và mỗi bên đều có những ẩn ý riêng - gắn liền viếng thăm ngoại giao với Thượng đỉnh Pháp thoại cũng không thể xóa bỏ hoàn toàn sự khác biệt về bản chất cũng như về hậu quả giữa hai việc này.

Về mặt bang giao, tổng thống Jacques Chirac đã khuyếch đại những thành quả hoà giải của người tiền nhiệm François Mitterrand để chính thức hóa đoạn đường ngoại giao Paris-Hà Nội. Sự hiện diện vừa qua của nguyên thủ quốc gia Pháp trên đất Thăng Long trong bầu không khí chào đón một quốc khách có ý nghĩa một sự "trở lại". Của người Pháp trên đất Việt. Như người Pháp đã nhiều lần trở lại Việt Nam từ hơn một thế kỷ nay. Nhưng thay vì bằng chiến thuyền, bằng những câu dạy học "tổ tiên chúng ta là những người Gaulois", gia chủ điện Elysées đã chỉ trở lại với một đoàn tùy tùng gồm phần lớn những doanh nhân, với những hành trang đầy hồ sơ doanh thương. Phải chăng lịch sử ngoại giao Pháp-Việt, qua chuyến viếng thăm của tổng thống Jacques Chirac, đã sang trang? Những thù hận vì xâm lăng, đàn áp, bóc lột được đẩy lùi vào dĩ vãng để nhường chỗ cho những hình ảnh tươi sáng của bình đẳng, của hiểu biết, của tương thân tương kính có đi có lại?

Dù sao dưới sự đôn đốc của người thợ cả Jacques Chirac, Paris-Hà Nội đã được nối liền bằng một đoạn đường ngoại giao hai chiều. Việt Nam (xin hiểu là những người cầm quyền cộng sản Việt Nam) sẽ là người đối tác được ưu đãi (partenaire privilégié) của Pháp để giúp cho Pháp đặt được một đầu cầu ở Viễn Đông hầu nối dài quan hệ với khối các nước Đông Nam Á. Ngược lại, Pháp sẽ là cửa ngõ để chính quyền Việt Nam đi vào Liên Hiệp Âu

châu. Một cách giao thiệp cả hai bên đều có lợi. Một cách giao thiệp đã trở thành bình thường trên trường quốc tế trong những thập niên cuối của thế kỷ XX. Chẳng vậy mà điều người ta nói nhiều, người ta còn nhớ về chuyến đi Việt Nam của tổng thống Jacques Chirac là việc một số hợp đồng thương mại trị giá bốn tỉ quan được ký kết. Biết rằng vẫn phải nhờ đến Việt Nam, Pháp mới "chiếm được một vị trí quan trọng ở châu Á", chính quyền cộng sản Việt Nam đã mượn thế ngoại giao với Mỹ, với Pháp để mong bình thường hóa nền độc tài toàn trị phản văn minh, phản tiến bộ mà họ đang áp đặt trên đất nước này. Đúng là ham lợi nhỏ trước mắt mà quên hại lớn sau lưng!

Về mặt văn hóa, Thượng đỉnh Pháp thoại VII là một dịp để biện minh cho tư cách thành viên của Việt Nam trong tổ chức Pháp thoại, cho việc Hà Nội được chọn làm địa điểm họp cho cuộc gặp gỡ thường lệ cấp cao nhất của tổ chức này. Nhưng đoạn đường pháp thoại Paris-Hà Nội sẽ khó có thể là một đoạn đường hai chiều có đi có lại. Người ta sợ rằng Pháp sẽ chỉ "cho rất nhiều mà chẳng được bao nhiêu".

Thật vậy, pháp thoại không phải chỉ là sự giao thiệp song phương giữa Pháp và Việt Nam. Pháp thoại là một hệ thống quan hệ đa phương trong đó Pháp không còn làm mưa làm gió như thời kỳ khởi đầu của Pháp thoại, thời kỳ cực thịnh của Pháp tại châu Phi trong đó Pháp đã làm chủ được tình thế bằng những liên lạc song phương với nhiều nước ở châu Phi. Từ ít lâu nay, chính trong nội bộ Pháp thoại, Pháp đã gặp nhiều đối lực chẳng những từ phía Gia Nã Đại mà ngay từ trong chủ lực của Pháp là các nước thành viên châu Phi. Năm 1994, sự căng thẳng tột độ giữa Pháp và Gia Nã Đại (khiến tổng trưởng văn hóa và Pháp thoại Jacques Toubon đập bàn rời phòng nhóm) đã có cơ đưa tới tan vỡ tổ chức Pháp thoại nếu sau đó không có sự dàn xếp của châu Phi để triệu tập Thượng đỉnh VI ở Cotonou. Mặt khác, việc Pháp tại Thượng đỉnh Hà Nội dùng áp lực để đặt ông Boutros Boutros-Ghali vào chức tổng thư ký Pháp thoại không phải là sẽ chỉ có những hậu quả hoàn toàn thuận lợi cho

Pháp. Cả Gia Nã Đại, Bỉ, châu Phi đều bất mãn trong vụ này.

Ngoài ra, khi phải lên gân cho Hà Nội để Hà Nội "đăng cai" tổ chức Thượng đỉnh VII, Pháp đã ý thức được sự thua kém của tiếng Pháp so với tiếng Anh và một vài tiếng địa phương ở châu Á. Tiếng Pháp đã chịu thua, không đua tranh với tiếng Anh về mặt ngôn ngữ, tại châu Á, tại Việt Nam, bỏ cả ý định cạnh tranh với tiếng Nhật, tiếng Tàu. Pháp hy vọng sẽ sử dụng văn hóa Pháp như một vũ khí cơ bản để tranh đoạt ngôi cao văn hóa tại vùng đất này.

Nhưng vừa xuất quân, chủ soái Jacques Chirac đã thua ngay một trận đầu, trên mặt trận nhân tâm. Trái với sự chờ đợi biết trước của dư luận về vấn đề nhân quyền, rất đáng tiếc là tổng thống Jacques Chirac đã có những lời tuyên bố tạo ra cảm tưởng rằng khi đặt lên bàn cân nhân quyền, ông coi sự tự do của cả một dân tộc nhẹ hơn mối giao hảo với một tập đoàn cầm quyền tuyệt thiểu số. Ông đã phạm một sai lầm lớn, đáng lẽ có thể tránh, là thu hẹp vấn đề nhân quyền ở Việt Nam vào việc phóng thích một vài tù nhân nổi tiếng vì đã bị đàn áp một cách quá thô bạo. Trong khi lẽ ra phải coi đó là vấn đề "quyền tự quyết của nhân dân Việt Nam", của "nhân dân miền Nam Việt Nam" - đối với ngoại bang đã đành, nhưng còn đối với cả nhà cầm quyền bản địa - mà chính nước Pháp cũng như cộng sản Việt Nam đã long trọng công nhận qua ba văn bản lịch sử của luật quốc tế; Hiệp định Genève 1954, Hiệp định Paris và Định ước quốc tế 1973. Có gì bảo đảm rằng tổng thống Jacques Chirac chắc chắn sẽ giải quyết được vấn đề này bằng "thuyết phục"?

Ngoại giao có thể quên các điều ấy nhưng Pháp thoại thì không được quyền quên, trừ phi Pháp thoại, dưới ảnh hưởng nhất thời của ngoại giao, đã mất hết giá trị cao đẹp của nền văn hóa nhân bản xuất phát từ Thế kỷ Ánh sáng, từ cuộc Cách mạng nhân quyền, dân quyền 1789. Nếu đúng vậy, thì những hình ảnh rục rờ của Thượng đỉnh VII sẽ tắt dần. Như những ánh đèn sân khấu khi cuộc trình diễn chấm dứt.

Trần Thanh Hiệp

Tham vọng của Pháp qua tổ chức Pháp thoại

Hội nghị thượng đỉnh Pháp thoại lần thứ 7 tại Hà Nội đã chấm dứt sau ba ngày hội thảo, từ 14 đến 16-11-1997, giữa các quốc trưởng và đại diện chính phủ của 49 quốc gia thành viên cùng chia sẻ tiếng Pháp. Hội nghị đã bầu ông Boutros Boutros-Ghali, cựu tổng thư ký Liên Hiệp Quốc, làm tổng thư ký đầu tiên của tổ chức Pháp thoại (La Francophonie) trong một nhiệm kỳ bốn năm.

Việc đề cử ông Boutros Boutros-Ghali vào chức vụ tổng thư ký của tổ chức đã gây ra nhiều tranh cãi trước đó và ngay trong hậu trường của hội nghị. Đây là lần đầu tiên đại diện các quốc gia Châu Phi da đen, chiếm đa số trong hội nghị, công khai bày tỏ sự bất mãn của họ đối với Pháp trong việc đề cử ông Boutros. Họ muốn đưa một nhân vật da đen nổi tiếng miền Nam Sahara, ông Emile Derlin Zinsou cựu tổng thống cộng hòa Bénin, vào chức vụ này. Lý do là vì phần lớn các quốc gia Châu Phi da đen đang muốn xích lại với Hoa Kỳ, mà Hoa Kỳ thì không mấy thân thiện với vị cựu tổng thư ký Liên Hiệp Quốc, người thường phát biểu những quan điểm trái ngược với quyền lợi của Hoa Kỳ tại nhiều nơi trên thế giới. Chính vì thái độ này mà Pháp muốn dành chức tổng thư ký tổ chức Pháp thoại cho ông Boutros Boutros-Ghali.

Tưởng chừng nên nhắc lại ba mục tiêu chiến lược của tổ chức Pháp thoại là muốn trở thành một tổ chức qui tụ nhiều quốc gia "phi liên kết" thuộc thế giới thứ ba, một diễn đàn chính trị quốc tế mới và một khối kinh tế mạnh, đối trọng với những khối sử dụng tiếng Anh nói chung và Hoa Kỳ nói riêng. Pháp cũng không che dấu tham vọng muốn trở thành nước đầu đàn cho một kết hợp chính trị mới, lấy tiếng Pháp làm mẫu số chung, để có một tiếng nói mạnh mẽ trước những vấn đề lớn của thế giới.

Sự gia nhập của những cộng đồng sử dụng tiếng Pháp là ngôn ngữ chính như Québec (Canada), Bỉ, Thụy Sĩ và Luxembourg là lẽ tự nhiên vì cùng chung truyền thống văn hóa. Việc lôi kéo các quốc gia Châu Phi da đen và Bắc Phi vào khối Pháp thoại cũng là một hiển nhiên, vì đó là những cựu thuộc địa, sau khi được trao trả độc lập vẫn còn lệ thuộc nặng nề vào Pháp về kinh tế lẫn quân sự, và để có số đông. Nhưng tầm quan trọng của các quốc gia Châu Phi da đen ngày nay đang giảm sút, cựu mang các quốc gia này chỉ là một gánh nặng, cả về kinh tế lẫn uy tín chính trị. Nhiều nước đang trên đà tan rã vì kiệt quệ và chia rẽ. Ngân sách tài trợ

các chương trình hợp tác tại Châu Phi ngày càng sút giảm và Pháp đang muốn rút chân. Tài nguyên thiên nhiên dồi dào của Châu Phi da đen, ngoài dầu lửa, không còn hấp dẫn giới tư bản Pháp. Thị trường đầu tư tại đây đang bỏ ngõ. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc hay bất cứ tập đoàn tư bản nào muốn nhảy vô cùng được, Châu Phi da đen không còn là hậu cứ cho nền kinh tế Châu Âu và không cần thiết để gìn giữ. Lành tụ các quốc gia Châu Phi da đen đang đứng trước những chọn lựa khó khăn trong một trật tự thế giới mới đang hình thành, một trật tự không có chỗ đứng cho những quốc gia không tôn trọng những giá trị phổ cập của nhân loại là dân chủ, tự do và nhân quyền. Nghèo đói, chiến tranh, bệnh tật tại các quốc gia Châu Phi không còn là những yếu tố tích cực để kêu gọi sự thương hại của dư luận quốc tế, nhất là các quốc gia giàu có hiện nay cũng đang lo cho chỗ đứng của họ trong một trật tự thế giới mới. Việc ông Laurent-Désiré Kabila, quốc trưởng của nước cộng hòa dân chủ Congo (Zaire cũ) tuyên bố rút chân ra khỏi tổ chức Pháp thoại, kể cả một số quốc gia Châu Phi khác muốn xích gần với Hoa Kỳ, không còn là quan tâm hàng đầu đối với các chiến lược gia Pháp. Pháp đang tìm đồng minh mới, những quốc gia đang phát triển hoặc có tiềm năng phát triển, để xây dựng một trung tâm quyết định mới.

Khi vận động bầu ông Boutros Boutros-Ghali vào chức vụ tổng thư ký tổ chức Pháp thoại, Pháp muốn cụ thể hóa những mục tiêu chiến lược của mình. Một là tranh thủ hậu thuẫn của các quốc gia Trung và Cận Đông, đặc biệt là Ai Cập, một quốc gia lớn và ôn hòa trong khối Ả Rập. Hai là tìm những đồng minh mới trong khối Đông Âu cũ, nhất là những quốc gia có cảm tình với văn hóa Pháp như Romania, Hungary, Bulgaria và Ba Lan. Ba là mở rộng ảnh hưởng của tiếng Pháp sang vùng Đông Á, nơi đang có sự tăng trưởng kinh tế cao. Hội nghị thượng đỉnh về Pháp thoại lần thứ 7 tại Hà Nội do đó đánh dấu một bước đi quan trọng của tổ chức Pháp thoại trong sinh hoạt chính trị quốc tế.

Trong một cuộc phỏng vấn do báo *Ahram Hebdo* (Ai Cập) thực hiện hồi tháng 4-1997, ông Boutros Boutros-Ghali xác nhận: "*Mục đích chính của tổ chức Pháp thoại là tạo ra một không gian liên đới vừa văn hóa vừa chính trị. Nếu sự phát triển của tổ chức Pháp thoại thường được biết đến như là một phản ứng trước sự bành trướng của tiếng Anh trên thế giới*

thì trước hết nó phải là một không gian qui tụ những cộng đồng với những quyền lợi khác biệt nhau. Đối với một số quốc gia, đó là diễn đàn để các quốc gia Bắc-Nam đối thoại... Tiếng Pháp không còn là ngôn ngữ của người giàu, nó là tiếng nói phi liên kết".

Phi liên kết tại đây phải hiểu là phi liên kết với khối Anh ngữ, với Hoa Kỳ. Khi khối cộng sản Đông Âu tan rã và chiến tranh lạnh chấm dứt, Hoa Kỳ gần như giữ độc quyền giải quyết các vấn đề quốc tế, về chính trị, quân sự cũng như về kinh tế. Trong bất cứ tranh chấp nào, tại Châu Phi, Trung Đông hay tại Châu Âu, Hoa Kỳ luôn luôn có tiếng nói cuối cùng. Điều này không làm vui lòng nhiều nước lớn, trong đó có Pháp, Trung Quốc và Nga. Trong lúc Trung Quốc và Nga đang còn đang bận tâm giải quyết những khó khăn nội bộ, Pháp muốn trở thành quốc gia trung tâm của một kết hợp chính trị mới qua việc định chế hóa tổ chức Pháp thoại, qui tụ những quốc gia "phi liên kết" có tiềm năng phát triển cao. Chính vì thế, trong những ngày sắp tới tổ chức Pháp thoại sẽ là một định chế quốc tế có tiếng nói mạnh.

Để thực hiện tham vọng này, Pháp trông cậy chính yếu vào hậu thuẫn của các quốc gia trong Liên Hiệp Châu Âu, một trục có tiềm năng ngang với Hoa Kỳ. Nhờ có chân trong Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc và giữ vị trí trung tâm trong Liên Hiệp Châu Âu, Pháp có đầy đủ điều kiện để trở thành điểm hội tụ. Nước Đức hiện nay, đang muốn thoát khỏi sự lệ thuộc vào Hoa Kỳ về kinh tế lẫn chính trị, thường giữ một thái độ trung lập hoặc đồng tình với Pháp trên một số vấn đề của Châu Âu và quốc tế, vì Đức và Pháp là hai cột trụ chính trong việc phòng thủ Liên Hiệp. Hiện nay Đức không còn sức mạnh tài chánh như trong thời chiến tranh lạnh vì phải cứu mang Đông Đức cũ. Anh Quốc, đồng minh truyền thống của Hoa Kỳ, cũng chỉ bày tỏ thái độ đồng tình với Hoa Kỳ trước những vấn đề của thế giới và không thể làm hơn. Hơn nữa các quốc gia trong khối Thịnh Vượng Chung (Commonwealth) không còn gắn bó với Anh Quốc như trước nữa, đa số đã thiên hẳn về Hoa Kỳ, do đó vì lợi ích lâu dài Anh Quốc gắn liền với Liên Hiệp Châu Âu hơn là Hoa Kỳ. Tiếng nói của các quốc gia khác trong Liên Hiệp Châu Âu không đáng kể.

Tại nhiều nơi khác trên thế giới, Pháp đang gây ảnh hưởng. Những chuyến công du gần đây của tổng thống Jacques Chirac

tại các quốc gia Trung Đông và Đông Âu xác nhận ước muốn này. Tại Trung Đông, Pháp muốn giữ vai trò hòa giải giữa các quốc gia Ả Rập với Do Thái, vì cộng đồng người Do Thái và khối Ả Rập dầu lửa có sức mạnh tài chính, điều kiện chính yếu cho mọi hợp tác. Việc phục hồi danh dự những người Do Thái bị bách hại trong thời quốc xã và tạo cơ hội cho khối Ả Rập có tiếng nói mạnh trên diễn đàn quốc tế không ngoài mục đích đó. Các quốc gia Đông Âu cũ, mất phương hướng kết hợp và không muốn rơi vào quỹ đạo của Nga và Hoa Kỳ, đang tìm cách xích gần với Liên Hiệp Châu Âu. Pháp đã ủng hộ Áo, Phần Lan và Na Uy vào Liên Hiệp Châu Âu và vận động Hungary và Ba Lan gia nhập khối Otan. Rumania, Bulgaria và Moldavia đang chờ Pháp làm những cử chỉ tương tự.

Trở về Hội nghị thượng đỉnh Pháp thoại lần thứ 7 tại Hà Nội, Pháp muốn nhân cơ hội này mở rộng tổ chức Pháp thoại đến các quốc gia trong vùng Đông Á mà Việt Nam chỉ là một đả phóng. Pháp không cần Việt Nam để mở cửa thị trường Đông Nam Á, cửa đã mở từ nhiều năm qua nhưng sự có mặt của Pháp chưa mạnh vị cơ sở hạ tầng chưa vững. Số vốn đầu tư của Pháp tại các nước Indonesia, Malaysia, Thái Lan và Singapore cao hơn rất nhiều lần vốn đầu tư tại Việt Nam. Trung thành với truyền thống xưa, Pháp đầu tư trước tiên bằng văn hóa kế mới bằng tiền của, cũng chính vì điểm này mà Pháp đã tốn nhiều thời gian để đến cùng như đã mất nhiều thời gian để ra đi. Phải mất gần năm mươi năm Pháp mới biết rút chân khỏi Châu Phi và hơn mười năm mới xây dựng chỗ đứng vững chắc trong vùng Đông Á. Xây dựng hình ảnh trước khi ký kết hợp đồng cũng là một phong cách sinh hoạt của người phương Tây. Đầu tư văn hóa trước khi đầu tư kinh tế, đầu tư vào thế hệ trẻ, nước Pháp đã chọn thế đứng lâu dài, vì Pháp không phải là Tây Ban Nha và tiếng Pháp không phải là tiếng La Tinh.

Khác với suy đoán của nhiều người, tiếng Pháp không bị co cụm, nó đang phát triển và phát triển mạnh. Từ hơn mười năm nay, các cơ quan văn hóa Pháp đã mỗi ngày mở thêm trường lớp dạy Pháp ngữ tại khắp nơi trong vùng Đông Á. Một điều lạ là tại các quốc gia có truyền thống văn hóa Pháp như tại Đông Dương, số người thông thạo tiếng Pháp giảm sút trong khi tại các quốc gia thuộc khối Anh ngữ số người nói tiếng Pháp lại gia tăng. Những con số sau đây có thể làm ngạc nhiên nhiều người. Tổng số người nói thông thạo tiếng Pháp tại ba nước Đông Dương, cụ thể địa Pháp, không bằng tại Đại Hàn và Nhật Bản. Tại Đại Hàn,

150.000 người nói thông thạo tiếng Pháp và hiện có 375.000 trên tổng số 11 triệu sinh viên, học sinh theo học các lớp song ngữ. Nhật Bản cũng không kém, 200.000 người nói thông thạo tiếng Pháp và 280.000 trên tổng số 26 triệu học sinh, sinh viên theo học tiếng Pháp. Thái Lan có 45.000 trên tổng số 12 triệu học sinh, sinh viên, Indonesia có 38.000 trên 48 triệu học sinh, sinh viên, Malaysia có 3.500 học sinh và Trung Quốc có 11.000 trên tổng số 200 triệu sinh viên đang theo học tiếng Pháp. Số sinh viên, học sinh Châu Á học tiếng Pháp sẽ còn gia tăng.

Tại ba nước Đông Dương cũ, số người nói thông thạo Pháp ngữ chưa quá 100.000 người. Kampuchea chỉ có khoảng 10.000 người biết nói tiếng Pháp và Lào 6.000. Riêng tại Lào, tổ chức Pháp thoại tài trợ chương trình đào tạo 38.000 trên tổng số 744.000 học sinh, sinh viên theo học các lớp song ngữ. Tại Việt Nam, ngoài số 70.000 người lớn tuổi nói thông thạo tiếng Pháp, hiện có khoảng 14.500 sinh viên, học sinh trên tổng số 14 triệu đang theo học 500 lớp song ngữ tại 80 trường đã có sẵn. Mỗi năm Pháp với sự hỗ trợ của tỉnh Québec và Bỉ sẽ giúp Việt Nam mở thêm từ 125 đến 130 lớp song ngữ để đạt con số 1.250 lớp năm 2006 nâng tổng số sinh viên, học sinh biết nói tiếng Pháp là 350.000 người, tỷ lệ dự trù sẽ có từ 5 đến 10% học sinh tốt nghiệp tú tài Pháp. Nhiều tin tức, phim ảnh và tài liệu bằng Pháp ngữ sẽ được phổ biến rộng rãi trên các báo chí, chương trình truyền thanh và truyền hình tại ba nước này trong thời gian sắp tới, vấn đề đang thương thảo là loại nào được phép tải đi.

Trong lúc Pháp nhìn Việt Nam như một đả phóng, Việt Nam nhìn Pháp như một phao cứu nguy. Pháp có thể giúp Việt Nam thương lượng với các định chế quốc tế để vay mượn hay làm chậm lại việc hoàn trả các khoản nợ. Pháp cũng là quốc gia viện trợ cho không và bỏ cho Việt Nam nhiều khoản nợ lớn. Chính quyền cộng sản Việt Nam sau nhiều vấp ngã đã bắt đầu nhận ra đầu là đầu tư đúng đắn đầu là đầu tư bị bỏ. Những năm đầu mở cửa, khối người Hoa từ các quốc gia Đông Nam Á đã ò ạt vào Việt Nam tìm cơ hội đầu tư, thay vì đầu tư vào lãnh vực sản xuất họ đầu tư vào các dịch vụ ăn chơi phù phiếm nhằm rút tỉa một cách mau chóng khối lượng ngoại tệ khổng lồ nằm trong dân chúng, do thân nhân từ hải ngoại gởi về, rồi rút về nước. Thêm vào đó, hàng hóa lậu từ các quốc gia Đông Nam Á và Trung Quốc tràn vào thị trường Việt Nam càng thu hút đi một số lượng ngoại tệ lớn và giết chết nhiều ngành sản xuất nội địa. Nhiều "nhà đầu tư quốc tế" Hoa kiều này

còn tổ chức lường gạt nhiều công ty quốc doanh, chính quyền địa phương qua các dịch vụ xuất nhập cảng nông hải sản khiến nhiều tỉnh, thành phố khốn đốn trong nhiều năm và mất đi nhiều khối lượng ngoại tệ lớn. Những đầu tư chụp giạt này để lại nhiều hậu quả tai hại trong sinh hoạt của đất nước, tệ nạn tham nhũng và ăn cắp của công gia tăng về phía chính quyền và suy đồi đạo đức về phía dân chúng. Trong thời gian đó, các nhà đầu tư Tây phương bị làm khó dễ đủ điều vì họ không thể đồng lõa với lối làm ăn phi phạm, phần lớn chỉ đầu tư ở mức cầm chừng và kiên nhẫn chờ đợi, nhiều người đã bỏ đi.

Khi lệnh cấm vận được bãi bỏ, người Tây phương đến tìm cơ hội đầu tư nhiều hơn nhưng trước nạn tham nhũng và của quyền của các viên chức nhà nước, số vốn đầu tư không tăng. Nhiều người đã hủy bỏ dự án đầu tư và tìm cơ hội tại nơi khác. Mặc dù vậy Pháp vẫn nhìn thấy nơi người Việt Nam ý chí đứng dậy.

Chọn Việt Nam làm nơi tổ chức hội nghị thượng đỉnh Pháp thoại, Pháp muốn giúp Việt Nam ra khỏi quỹ đạo ảnh hưởng của thế giới Trung Hoa và tin rằng có thể tập quen cho người Việt Nam phong cách làm ăn lương thiện. Khi tiếp cận văn hóa Tây phương, người Việt Nam sẽ thay đổi cách thức suy nghĩ và tiếp nhận dễ hơn các giá trị cơ bản đã tạo ra sức mạnh của các quốc gia Tây phương, đó là hòa bình, tự do, dân chủ, bao dung, nhân quyền, bình đẳng, nhà nước pháp trị, đối thoại, hợp tác và lợi nhuận. Đối với Pháp, Việt Nam không phải là thiên đường của lợi nhuận, mặc dầu Pháp là quốc gia có số vốn đầu tư thứ nhì tại Việt Nam sau Hoa Kỳ. Việt Nam có một giá trị khác, đó là khả năng hạn chế sự bành trướng của Trung Quốc hay thế giới người Hoa trong thế kỷ tới và đó cũng là âm ảnh của người Việt Nam. Có vượt thoát được lo âu này, tương lai Việt Nam mới sáng lên được. Việc đầu tiên Việt Nam có thể nhờ cậy ở Pháp, nếu được yêu cầu, là giúp tăng cường khả năng bảo vệ vùng biển, đòi lại chủ quyền trên các quần đảo Hoàng Sa và giải quyết tranh chấp trên quần đảo Trường Sa trước dư luận quốc tế. Trước đây Pháp đã giúp Việt Nam tăng cường hệ thống kiểm soát không lưu nhưng vì áp lực của Trung Quốc hệ thống này chỉ giới hạn ở miền Nam từ Đà Nẵng trở xuống.

Tại sao Pháp mà không phải Hoa Kỳ muốn giúp Việt Nam vượt thoát ảnh hưởng của thế giới Trung Hoa? Đó là một câu hỏi lớn và câu trả lời tùy thuộc mỗi người Việt Nam.

Nguyễn Văn Huy

Quan hệ Mỹ-Hoa trong thời đại Giang Trạch Dân

Trần Bình Nam

Trong thập niên tới, nói đến quan hệ Mỹ-Hoa người ta sẽ không thể không nhắc đến chuyến công du Hoa Kỳ của chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân cuối tháng 10, đầu tháng 11-1997 vừa qua. Chuyến đi đánh dấu thượng đỉnh Mỹ-Hoa sau khi Giang Trạch Dân nắm vững thế lãnh đạo ở Trung Quốc, và hé mở cho thế giới thấy nước cờ đầu của tranh chấp Mỹ-Hoa.

Trở thành chủ tịch Đảng Cộng Sản Trung Quốc từ năm 1989 sau vụ đàn áp Thiên An Môn, Giang Trạch Dân dè dặt củng cố vị trí và xây dựng thế lực dưới chiếc bóng của Đặng Tiểu Bình. Giang Trạch Dân không tỏ ra nóng lòng mặc dù Đặng Tiểu Bình sống lâu hơn người ta chờ đợi. Ông âm thầm làm việc cho đến tháng 2-97, Đặng Tiểu Bình qua đời, ông mới nổi bật như một lãnh tụ không thể chối cãi của Trung Quốc.

Qua tang lễ trang nghiêm của Đặng Tiểu Bình, không có dấu hiệu tranh chấp quyền lực khi người hùng nằm xuống, sự tiếp nhận Hồng Kông không sóng gió, đến đại hội đảng thứ 15 trong tháng 9 năm vững nghị trình và chuyến đi Hoa Kỳ sắp xếp khéo léo và thành công, Giang Trạch Dân chứng tỏ là một nhà chính trị thao lược. Trong vòng chưa đầy một năm ông đã cho thấy ai từng nghĩ Trung Quốc sẽ loạn sau Đặng Tiểu Bình là những người quá nhiều tưởng tượng.

Qua đại hội 15 của Đảng Cộng Sản Trung Quốc, Giang Trạch Dân làm hai việc. Ông thay thế phân nửa ủy viên trung ương đảng, đưa 7 tân ủy viên, đa số là người thân tín của mình vào chính trị bộ (22 người) và đẩy đối thủ chính trị Kiêu Thạch, chủ tịch quốc hội ra khỏi chính trị bộ và đưa ra chương trình giải tư các cơ sở quốc doanh.

Giải tư là một vấn đề tế nhị, đụng chạm đến căn bản lập trường của xã hội chủ nghĩa chưa nói đến hệ lụy xã hội nhất thời nên để tạo sự bất đồng ý kiến nội bộ nên việc loại bỏ Kiêu Thạch để chuẩn bị đưa Lý Bằng vào thay thế là điều phải làm trước khi có thể tiến hành.

Trong thời gian Giang Trạch Dân củng cố quyền hành sau lưng Đặng Tiểu Bình, Kiêu Thạch là người công khai chỉ trích

Giang Trạch Dân. Kiêu Thạch từng bỏ nhiều phiên họp của Ủy ban Thường vụ Chính trị bộ do Giang Trạch Dân chủ tọa.

Về mặt quân đội sau đại hội 15 không còn tướng lãnh nào trong Ủy ban Thường vụ Chính trị bộ, và Giang Trạch Dân chứ không ai khác là người phát ngôn của quân đội. Dù vậy các tướng lãnh Trung Quốc tỏ ra hài lòng vì Giang Trạch Dân hứa canh tân quân đội bằng cách giảm 500.000 quân số.

Nhìn quá trình chính trị của Giang Trạch Dân người ta chờ đợi ông là một người được chuẩn bị để đưa Trung Quốc vào thế kỷ 21 trong thế kinh chống với Hoa Kỳ để giành vị trí lãnh đạo thế giới. Giang Trạch Dân gia nhập Đảng Cộng Sản Trung Quốc tại Thượng Hải trong thập niên 1940 khi còn là sinh viên. Năm 1955 du học Nga về ngành chế tạo xe hơi. Từ các nhiệm vụ chuyên môn ông trở thành bộ trưởng Bộ chế tạo máy móc kỹ nghệ, rồi Bộ kỹ nghệ điện tử. Năm 1985 ông làm thị ủy kiêm tỉnh trưởng Thượng Hải. Trong cuộc biểu tình đòi dân chủ tại Thiên An Môn ông biết chờ đợi. Khi Đặng Tiểu Bình quyết định đàn áp tại Bắc Kinh, Giang Trạch Dân ủng hộ và ra tay đàn áp tại Thượng Hải, một trong 20 thành phố có biểu tình đòi dân chủ, nhưng hết sức khéo léo tránh nhiều đổ máu. Sau đó Đặng Tiểu Bình đưa Giang về Bắc Kinh làm tổng bí thư đảng.

Giang biết một qui luật. Trung Quốc không thể đương đầu với sứ mệnh của thế kỷ trước mắt nếu nền kinh tế của Trung Quốc không cất cánh, và nền kinh tế của Trung Quốc không thể cất cánh nếu các cơ sở quốc doanh vẫn còn là một gánh nặng của ngân sách. Giang Trạch Dân quyết định giải tư hầu hết trong 118.000 cơ sở kỹ nghệ quốc doanh. Các cơ sở kỹ nghệ quốc doanh tuy sản xuất 2/5 sản phẩm kỹ nghệ nhưng dùng hết 4/5 tiền đầu tư nên các lãnh vực tư hiệu năng hơn không khá lên được.

Kế hoạch giải tư của Giang Trạch Dân nếu thành công sẽ được kể là một trong ba cuộc cách mạng lớn của Trung Quốc từ thập niên 1950. Mao có cách mạng văn hóa, Đặng Tiểu Bình có cách mạng đổi mới kinh tế, Giang Trạch Dân có cách mạng giải tư. Điều khác biệt là cuộc cách

mạng của Mao thực hiện hoàn toàn trong khung chủ thuyết cộng sản để duy trì quyền hành của cá nhân Mao, cuộc cách mạng của Đặng Tiểu Bình thực hiện để cứu nguy Trung Quốc và chủ nghĩa xã hội hình thức, nhưng cuộc cách mạng của Giang Trạch Dân nếu thành công sẽ đưa Trung Quốc vào con đường dân chủ dù người ta không biết chắc chọn lựa của ông. Có lẽ phải chờ đến đại hội thứ 16 hay 17 của Đảng Cộng Sản Trung Quốc sau năm 2000 người ta mới có một chỉ dẫn. Dù sao Giang Trạch Dân và đảng của ông cũng đã làm một quyết định quan trọng ảnh hưởng đến vị trí cầm quyền của Đảng Cộng Sản Trung Quốc. Giải tư hoàn toàn là bước tư bản hóa có thể tạo bất ổn xã hội vì nạn thất nghiệp và vì nhà nước chưa có một hệ thống hưu bổng điều hòa. Chưa nói nền kinh tế đòi hỏi những điều kiện như người dân có quyền sống nơi nào mình muốn, làm nghề gì mình thích và được tự do phát huy sáng kiến, những thứ dẫn tới phóng khoáng chính trị không có chỗ cho một đảng cầm quyền không thông qua một cuộc bầu cử dân chủ.

Giang Trạch Dân biết sứ mệnh lịch sử của mình. Ông biết kẻ địch tối hậu của Trung Quốc là Hoa Kỳ. Nhưng lúc này Trung Quốc không thể không nhờ Hoa Kỳ để thực hiện chương trình cách mạng kinh tế giải tư. Giang Trạch Dân công du Hoa Kỳ trong mối ưu tư đó. Và ông đã hoạch định một chương trình nói với nhân dân Mỹ thông qua chính quyền Mỹ. Lộ trình của Giang Trạch Dân không đến thẳng Hoa Thịnh Đốn và cũng không kéo dài ở Hoa Thịnh Đốn. Đến thị trấn Williamsburg tiểu bang Virginia, cái nơi của Mỹ Quốc trước khi đến Hoa Thịnh Đốn, sau đó đến Philadelphia thủ đô đầu tiên và là nơi công bố bản Tuyên ngôn Độc lập và Hiến pháp của Hoa Kỳ, đến Wallstreet thăm nơi vận hành của kinh tế tư bản, đến Boston thăm trường đại học Harvard nổi danh trên thế giới, Giang Trạch Dân muốn nói rằng ông trân trọng lịch sử và các định chế chính trị, kinh tế và văn hóa của Hoa Kỳ.

Chuyến đi của Giang Trạch Dân làm cho quan hệ Mỹ-Hoa trở nên tốt đẹp hơn. Chính yếu nhờ hai bên biết rằng trọng tâm quyền lợi của hai quốc gia nằm ở chỗ làm

ăn buôn bán với nhau. Trước khi họ Giang lên đường người ta nghĩ Trung Quốc sẽ đặt mua 30 chiếc máy bay Boeing giá hai tỷ mỹ kim thì Giang Trạch Dân đã giành sự ngạc nhiên thích thú cho giới kinh doanh là đặt mua 50 chiếc giá 3 tỷ mỹ kim, đổi lại Hoa Kỳ cắt bỏ lệnh cấm bán dụng cụ sản xuất nguyên tử lực có từ vũ. Dịch vụ khổng lồ này lên đến 60 tỷ mỹ kim. Thực chất nằm ở đó. Các khác biệt về Đài Loan, nhân quyền và việc thu nhận Trung Quốc vào Tổ chức Mậu dịch Quốc tế (WTO) chỉ là những khác biệt nguyên tắc. Trung Quốc hiểu Hoa Kỳ chưa thể thuyết phục các nước khác trên thế giới thu nhận Trung Quốc chừng nào Trung Quốc vẫn còn hàng rào bảo vệ chặt chẽ nền sản xuất trong nước.

Về Đài Loan, Hoa Kỳ muốn Giang Trạch Dân tuyên bố không dùng vũ lực trong mọi trường hợp là điều Giang không thể làm. Giang Trạch Dân nói ông không hứa hẹn gì cả. Từ chối tuyên bố không dùng vũ lực Giang xác định lập trường của Trung Quốc là Đài Loan muốn sống theo thể chế nào tùy ý nhưng trong mọi trường hợp không được lập thành định chế độc lập đối với Trung Quốc. Giang Trạch Dân muốn thế giới hiểu Trung Quốc sẽ chọn chiến tranh nếu Đài Loan tuyên bố độc lập.

Nhân quyền là vấn đề nhức nhối nhất. Tại cuộc họp báo ở Hoa Thịnh Đốn, cũng như tại buổi nói chuyện tại đại học Harvard ở Boston báo chí và sinh viên đã chất vấn Giang Trạch Dân về vụ Thiên An Môn, Giang trả lời các câu hỏi một cách khác nhau. Tại thủ đô là lập trường chính trị: Hoa Kỳ và Trung Quốc có thể quan niệm khác nhau về an ninh và có thể hành động khác nhau. Tại Boston là lập trường con người: ai cũng có thể phạm sai lầm. Liên quan đến trường hợp của hai nhân vật tranh đấu cho dân chủ còn bị giam giữ là Vương Đan và Ngụy Kinh Sinh khi được hỏi tại sao ông không trả tự do cho họ, ông trả lời ông là chủ tịch nước chứ đâu phải là quan tòa, gợi ý Trung Quốc có dân chủ và hành pháp không phải muốn làm gì thì làm. Ai cũng biết Giang tránh né nhưng là một tránh né không thể bắt bẻ được. Nhưng sau khi ông trở về Bắc Kinh được một tuần lễ thì Ngụy Kinh Sinh được trả tự do. Nói chung, trong lĩnh vực nhân quyền, họ Giang rất khéo léo không để nó biến thành một vụ cãi vã căng thẳng làm lu mờ những vấn đề quan trọng khác.

Tuy nhiên Giang Trạch Dân không bỏ lỡ cơ hội nhắc Hoa Kỳ nhớ rằng dù có truyền thống dân chủ, Hoa Kỳ cũng không

tránh được một vài trường hợp chính quyền vi phạm quyền của người dân. Khi nêu tục ngữ Trung Quốc "một trăm lần nghe không bằng một lần thấy" để trả lời câu hỏi "ông có tiếc về vụ Thiên An Môn không" tại cuộc họp báo chung với tổng thống Clinton ở Hoa Thịnh Đốn có thể Giang Trạch Dân có ý nhắc đến vụ "Bosnus tháng Ba" đã xảy ra năm 1932 qua đó tướng Douglas McArthur, tham mưu trưởng bộ binh theo lệnh của tổng thống Herbert Hoover dùng quân đội, xe tăng đàn áp cuộc biểu tình kéo dài nhiều ngày của 15.000 cựu chiến binh Thế chiến I tập họp tại Hoa Thịnh Đốn đòi chính phủ trả tiền trợ cấp. Cuộc biểu tình xảy ra trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế và tổng thống Hoover nghĩ rằng phải hành động trước khi có rối loạn toàn quốc. Cuộc đàn áp do McArthur làm chết và bị thương 200 người. Đối với Giang Trạch Dân, so sánh trên hai mặt tàn bạo và nhu cầu an ninh, vụ "Bosnus tháng Ba" và vụ Thiên An Môn có những điểm tương đồng chỉ khác năm là 1932 chưa có truyền hình chiếu hình cho cả thế giới xem.

Chuyến đi của Giang Trạch Dân tạo được căn bản hiểu nhau giữa hai nhân vật lãnh đạo thế giới nhưng không phải là điều quan trọng. Tuy lớn hơn tổng thống Clinton hai mươi tuổi, Giang có nhiều cơ may lãnh đạo Trung Quốc đối đầu với Hoa Kỳ trong thế kỷ tới trong khi Clinton với uy tín cá nhân suy giảm và thời gian tại ba năm còn lại sẽ không phải là người hoạch định sách lược đương đầu với Trung Quốc về dài. Những người kế nhiệm của Bill Clinton sẽ làm công việc đó.

Chuyến đi của Giang Trạch Dân trình bày một bộ mặt tương đối tươi tắn của một Trung Quốc sau Thiên An Môn và sau Đặng Tiểu Bình là một thành công của cá nhân họ Giang, báo trước một Trung Quốc ổn định lâu dài, và ngoài điểm nóng Đài Loan, Trung Quốc xem là một vấn đề nội bộ, Trung Quốc sẽ tỏ ra là một quốc gia biết sống hòa bình trong cộng đồng thế giới như một con hổ đã thức nhưng còn nằm chờ lấy sức.

Đảng Cộng Sản Trung Quốc còn lãnh đạo bao lâu nữa và Trung Quốc có trở thành một nước dân chủ hay không thay đổi bao nhiêu những gì Trung Quốc sẽ làm trong thế kỷ tới. Một đối lực của Hoa Kỳ trên mọi lãnh vực và một con cọp nằm ngay công của Việt Nam.

Trần Bình Nam

Ông Ngụy Kinh Sinh được trả tự do

Ông Ngụy Kinh Sinh (Wei Jing Sheng), người tù của Đặng Tiểu Bình được trả tự do nhưng bị trục xuất sang Mỹ ngày 16 tháng 11 vừa qua. Đây có thể là kết quả của sự thỏa thuận ngầm giữa hai thủ đô sau chuyến công du chính thức của ông Giang Trạch Dân ở Mỹ trong tháng 10. Cần nên nhắc lại là Ngụy Kinh Sinh, năm nay 47 tuổi, là một cựu Hồng Vệ Binh trong thời kỳ "Đại cách mạng văn hóa" nhưng sau đó bị tù cho đến năm 1973. Năm 1978, nhân dịp Đặng Tiểu Bình trở lại chính quyền cho phép phát biểu ý kiến ở bức tường dân chủ, ông Sinh đòi chính quyền thực hiện "hiện đại hóa thứ năm" (dân chủ). Đầu năm 1979, ông sáng lập tạp chí Thám Sát (Tan Shuo). Điều ông Đặng không dự trừ là những đại tự báo ở bức tường dân chủ trở thành chỉ trích chế độ. Ông Đặng được ví như một bạo chúa. Do đó Ngụy Kinh Sinh bị kết án 15 năm tù. Ông có lúc bị chuyển đi vùng xa xôi, hẻo lánh ở Thanh Hải, nơi tập trung nhiều trại lao động cải tạo (lao gai). Tháng 9-1993, Bắc Kinh muốn tỏ cho thế giới thấy bộ mặt "nhân từ" để hy vọng có thể được tuyển chọn tổ chức Thế Vận Hội vào năm 2000, đã cho phóng thích ông Sinh vài tháng trước ngày mãn hạn tù. Trong thời gian ngắn ngủi được tự do, ông Sinh có dịp gặp một bộ trưởng Mỹ về nhân quyền tại Bắc Kinh. Vì việc này, vào đầu tháng 4-1994, ông bị "mất tích". Thực sự ông bị chính quyền bắt lại nhưng phải đợi đến tháng 12-1995 mới bị chính thức kết án tù thêm 14 năm nữa.

Trong một cuộc họp báo, ông Ngụy Kinh Sinh cho biết là ông đã bị nhốt cùng với các tù nhân thường phạm và bị canh chừng ngày đêm, thậm chí còn bị đánh đập. Ông còn cho biết không có ý định ra khỏi nước nhưng chính quyền Bắc Kinh chỉ cho ông lựa chọn hai con đường: chết trong tù hay bị trục xuất ra xứ ngoài. Trong thời gian bị tù, ông Sinh đã mất gần hết răng và bị bệnh cao huyết áp.

Trong việc phóng thích ông Ngụy Kinh Sinh, ông Giang Trạch Dân tỏ ra rất khôn khéo. Ông ta cho thế giới biết là ông là nhân vật số một của chế độ, không còn dính dáng gì với Đặng Tiểu Bình, đồng thời thỏa mãn một phần nào dư luận Mỹ về vấn đề nhân quyền. Ngoài ra ông tránh được cái chết bất đắc kỳ tử trong tù của Ngụy Kinh Sinh. Điều này nếu xảy ra có thể làm khó khăn bang giao Mỹ-Trung.

NPP

Dân vi qui, Đảng vi khinh

Trong một bài trước nói về "Vụ nông dân Thái Bình nổi dậy" (TL109, tháng 11-97), tôi đi đến hai kết luận. Một là vấn đề tham nhũng và lạm quyền đang lan tràn trên toàn cõi Việt Nam xã hội chủ nghĩa là một vấn đề nan giải vì trình trạng bất chấp và bao che phổ cập trong hàng ngũ Đảng - cán bộ bất chấp khiếu nại của dân và cấp trên bao che cấp dưới. Hai là tình trạng này không thể nào chấm dứt được vì nó là đặc trưng của chế độ độc tài cực quyền hiện tại được "thể chế hóa" trong Hiến Pháp 1982. Điều 4 của hiến pháp này đặt Đảng lên trên tất cả các cơ quan khác trong nước, và điều 13 cho phép Đảng nhân danh bảo vệ "tổ quốc xã hội chủ nghĩa", trấn áp và tiêu diệt tất cả những ai mà họ cho là có "hành động" hay chỉ "âm mưu" chống Đảng.

Kết luận trên đây không phải là quan điểm của một người mà công an tư tưởng của Đảng sẽ liệt vào loại "bất mãn và "phản động", "chống cách mạng", mà của ngay một cán bộ cao cấp của Đảng. Tất nhiên, cách trình bày vấn đề khác nhau, nhưng nội dung thì y hệt nhau.

Cán bộ cao cấp của đảng cộng sản này là ông Nguyễn Anh Liên, ủy viên của Ban Kiểm Tra Trung Ương Đảng. Ông này đã phân tích một cách rất thẳng thắn và khách quan về vấn đề tham nhũng, rồi đề nghị một số giải pháp đáng làm cho nhiều người ngạc nhiên và suy nghĩ. Quan điểm của ông ta được trình bày trong một bài báo nhan đề "Để góp phần ngăn chặn sự tha hóa của một bộ phận cán bộ, đảng viên", đăng trên Nhân Dân ngày 15-9-1997. Đây là một bài báo mà mọi người, nhứt là những người còn lương tâm và lương tri trong Đảng, cần phải đọc để hiểu căn nguyên bệnh tham nhũng ở đâu và làm sao để chữa được bệnh này.

Tham nhũng không giảm, mà ngày càng tăng. Tại sao?

Ông Nguyễn Anh Liên bắt đầu với một nhận xét khách quan: "những năm gần đây, Đảng và Nhà nước đã không ít chủ trương, nghị quyết và hàng trăm vụ án với hàng nghìn bị can, bị cáo về tội tham nhũng, trong số đó có không ít đảng viên, cán bộ của các cơ quan Nhà nước. Song thực trạng tham nhũng vẫn chưa hề giảm, tính chất nguy hại đối với xã hội ngày

càng tăng. Mức độ lo âu và căm phẫn của nhân dân ở mức báo động. Đảng và Nhà nước vẫn chưa có loại thuốc đặc biệt để trị".

Câu hỏi căn bản là tại sao tham nhũng không giảm, mà ngày lại càng gia tăng? Ông Nguyễn Anh Liên giải thích, hay đúng hơn, ông than thở, vì ông ta là ủy viên của một cơ quan lớn của chế độ, được giao cho một sứ mạng lớn trong chế độ, nhưng lại cảm thấy mình bất lực. Ông nói: "tham nhũng gia tăng thay vì giảm vì trong các cơ quan Nhà nước thường có tình trạng nhấn mạnh tiêu chuẩn "Quan" [các cấp lãnh đạo của đảng cộng sản], mà coi nhẹ hoặc không chú ý xem xét đến tiêu chuẩn "Dân". Đã diễn ra không ít trường hợp trái khoáy [bất thường], như mất uy tín với nhân dân, với cán bộ, đảng viên cơ sở, nhưng lại được tin nhiệm cao của tổ chức cấp trên". Tại sao? Tại vì tiêu chuẩn về đánh giá con người là "hồng". Không cần đạo đức, thân dân. Chỉ cần tỏ ra mình là cộng sản "trung kiên", tuyệt đối trung thành với Đảng và sẵn sàng bảo vệ Đảng, nghĩa là cấp trên, nhất là "lãnh đạo Đảng", là được điểm tốt. Ông Liên xác nhận điều này như sau: "Xét về tư cách đạo đức của một công dân, vi phạm, nhưng lại đủ tiêu chuẩn làm người cán bộ, được cơ quan thẩm quyền bổ nhiệm, đề bạt vào chức vụ lãnh đạo, quản lý".

Nguyên tắc "đủ tiêu chuẩn" trên đây, áp dụng vào việc vi phạm, dẫn đến sự phân biệt đối xử khi xem xét. Ông Liên nói: "Mức độ vi phạm như nhau, nhưng là cán bộ thì xử nhẹ hơn dân, là cấp trên thì xử nhẹ hơn cấp dưới, thậm chí rút kinh nghiệm nội bộ [không xử gì hết] vì muốn tránh rút dây động rừng".

Tuồng cũng nên ghi ở đây rằng ông Liên không nêu ra tên ai, nhưng trong Thông Luận số 109, tháng 10/97, ông Bùi Tín có nhắc đến trường hợp ông Lê Thanh Đạo, viện trưởng Viện Kiểm Tra Trung Ương, nghĩa là trưởng của ông Liên, và là viên chức cao cấp nhứt của Viện Kiểm Tra, bị tố cáo là tham nhũng, nhưng chỉ bị "đưa nhẹ" ra khỏi Viện đó, không bị kỷ luật, xét xử gì hết. Đây là một trường hợp điển hình. Chắc ông Liên nghĩ đến vụ này khi ông than thở như trên.

Chính sách trên đây dẫn đến hậu quả là "một số phần tử tham vọng quyền lực,

vụ lợi cả về vật chất lẫn về chính trị xuất hiện, gắn kết với bộ phận thoái hóa tạo ra một môi trường cho những con ký sinh trùng quan liêu, tham nhũng khu trú dai dẳng và sinh sôi nảy nở". Những "phần tử tham vọng quyền lực" đây là ai? Họ là những cán bộ cấp ủy trở lên, vì chỉ có cấp ủy mới có quyền lực.

Vì những dữ kiện trên đây, có "một mảng tối sau bức tranh toàn xã hội Việt Nam đổi mới" vì, ông Liên ghi nhận, "kỷ luật, kỷ cương không nghiêm, nói không đi với việc làm". Ở đây ta có thể thêm: qua 5 Đại hội Đảng và không biết bao nhiêu "báo cáo chính trị", "quyết nghị" trong 22 năm qua, từ 1975 đến nay, trong đó tham nhũng được tuyên bố là một "quốc nạn", và bài trừ tham nhũng là một "quốc sách".

Trở lại "dân vi qui, đức vi bản"

Để giải quyết tệ trạng trên đây, ông Liên đề nghị những giải pháp gì? Theo ông, "điều trở trêu ở đây là cái gốc kỷ cương lỏng lẻo, lại chủ yếu do cán bộ, và người vi phạm kỷ luật kỷ cương, gây bất hạnh cho những người lương thiện và cho xã hội không ai khác hơn là những cá nhân, những bộ phận có trách nhiệm thực thi pháp luật đã thoái hóa biến chất, những cán bộ tư hữu quyền lực, tự cho mình đặc quyền đứng trên tổ chức, đứng ngoài pháp luật, nói không làm, nói chỉ để bắt người khác làm". Đối với những phần tử đó, ông Liên nói "đã đến lúc phải xử lý đích đáng, kể cả nghiêm trị bằng pháp luật, phải tập trung phát hiện và truy kích đến tận nguồn gốc các biểu hiện bất minh".

Ông Liên đề nghị: "phải loại bỏ ngay vai gia trưởng khỏi chức vụ thủ trưởng, không kể một cá nhân, bất kể cương vị nào lại được độc quyền chân lý, độc quyền nắm giữ, thao túng tài sản, tiền bạc của nhân dân, của Nhà nước, của cơ quan đơn vị".

Đề nghị trên đây độc đáo và làm cho chúng ta ngạc nhiên vì, nghĩ cho kỹ, trên thực tế người mà ông Liên đề cập đến không ai khác là chính Đảng Cộng Sản Việt Nam, và đặc biệt nhóm người nắm thực quyền trong tập đoàn lãnh đạo của Đảng hiện nay. Chỉ những người này, cán bộ cấp ủy, nhất là Trung Ương Đảng và Chính Trị Bộ, mới tự dành cho mình độc quyền chân lý và nắm toàn quyền sử dụng

tài sản của quốc gia.

Một đề nghị thứ hai của ông Liên cũng độc đáo và làm ngạc nhiên không kém là "khâu nhân sự, cán bộ, kể cả cán bộ Đảng, đoàn thể, cơ quan Nhà nước đều phải bắt đầu xem xét, cân nhắc đến tiêu chuẩn công dân, tiếp đến là tiêu chuẩn đảng viên, rồi cuối cùng mới là tiêu chuẩn cán bộ". Đây là dùng một cách khác để trình bày công thức căn bản về phép trị quốc của Khổng giáo: "dân vi quý, Đảng thứ chi, cán vi khinh" (trong đó "Đảng" là xã tắc, và "cán" - các cấp lãnh đạo Đảng, Chính Trị Bộ, Trung Ương Đảng - là quân). Chủ trương của ông Liên đương nhiên là đòi bỏ điều 4 của Hiến Pháp 1982, những tuyên bố về độc quyền lãnh đạo của Đảng, chế độ độc tài cực trị của đảng cộng sản và quyền lực vô hạn của đảng này mà những cấp lãnh đạo đã nhắc đi nhắc lại trong tất cả các báo cáo chính trị từ trước đến nay.

Còn một đề nghị nữa, cũng không kém độc đáo và càng làm ngạc nhiên hơn, đó là "Đảng phải chăm lo rèn luyện đội ngũ cán bộ ngang tầm về tài và đức, trong đó đức là gốc". Lại một nguyên tắc căn bản trong triết lý chính trị của Khổng giáo: "đức vi bản".

Thật ra thì quan niệm trong tài và đức phải lấy đức làm gốc cũng đã được Đỗ Mười nêu lên tại Đại hội giữa nhiệm kỳ (1994). Nhưng Đỗ Mười chỉ nói phớt qua về điểm này và lại nhấn mạnh điểm ngược lại. Trong báo cáo chính trị tại đại hội, ông nói: việc đánh giá, lựa chọn và sử dụng cán bộ lãnh đạo các cấp phải căn cứ đặc biệt trên bản lĩnh chính trị, kiên định với lý tưởng của Đảng, và tính kiên định chính trị, lòng trung thành với lý tưởng của Đảng là phẩm chất hàng đầu của người đảng viên. Cho nên trong bối cảnh nay đề nghị của ông Liên có tính cách mới và khá đặc biệt.

Những vấn vương mắc Mác-Lê

Những giải pháp ông Liên chủ trương rất đúng, nhưng vì vướng mắc với chủ nghĩa Mác-Lê, ông lại có một số nhận định và đề nghị khác làm cho những giải pháp đó không thể thực hiện được.

Đề nghị của ông Liên bất khả thi vì một mặt ông đổ lỗi cho kinh tế thị trường. Theo ông những "lệch lạc" của các cán bộ do "mặt trái của kinh tế thị trường" gây ra. Vì động cơ làm giàu mà một số cán bộ trở nên phạm pháp. Mặt khác, tuy ông đã bạo dạn đặt Đảng sau Dân, ông cũng còn vướng mắc với tư duy chính thống, đồng hóa Đảng với "xã tắc". Đó là một điều không ổn. Đảng Cộng Sản Việt Nam chỉ có thể được coi như một đảng bình thường

như mọi đảng khác, không thể đồng hóa Đảng với Nước được. Thêm nữa, "cán" và "Đảng" là một. Vậy muốn tôn trọng tinh thần công thức trên đây, công thức của ông Liên phải đổi là: "Dân vi quý, xã tắc thứ chi, Đảng vi khinh" mới đúng và đáng được mọi người chấp nhận.

Cuối cùng ông Liên vẫn chủ trương không giao chức vị lãnh đạo và quản lý cho "bất cứ người nào không tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ", nghĩa là giam tù cán bộ trong khuôn khổ Mác-Lê chủ nghĩa.

Có hai điều mà ông Liên không thấy, không hiểu. Một là chính nguyên tắc dân chủ tập trung là nguồn gốc của tình trạng tham nhũng lạm quyền và không trừng phạt những cán bộ phạm tội được, vì họ đúng tiêu chuẩn số một để được nhận là cán bộ "trung kiên" của Đảng và của chủ nghĩa xã hội: tuyệt đối tôn trọng nguyên tắc dân chủ tập trung và phục tùng lãnh đạo Đảng. Cho nên họ hoàn toàn bất chấp khiêu nại, chống đối vì họ chắc chắn được cấp lãnh đạo Đảng bao che. Họ tin rằng có sự bao che đó thì không ai làm gì họ được.

Hai là, về căn bản, vấn đề tham nhũng cũng như vấn đề lụn bại, thoái hóa trầm trọng của xã hội Việt Nam nói chung là những vấn đề liên quan hữu cơ đến thể chế. Thể chế không thay đổi, như là nếu không thay thế phương thức dân chủ tập trung bằng dân chủ bình thường thì không cải tổ thể chế một cách êm thấm và hữu hiệu được, và mọi việc đâu vẫn nằm đó. Trong điều kiện như vậy, nạn tham nhũng và lạm quyền sẽ tiếp tục tung hoành, một số đề nghị của ông Liên, tuy bạo dạn và đúng, nhưng vẫn chẳng dẫn đến đâu. Và chúng ta sẽ mục kích những vụ Thái Bình, Xuân Lộc khác, nhiều hơn và càng ngày càng trầm trọng, "phức tạp" hơn.

Tôn Thất Thiện

Kêu gọi

Nhiều độc giả và thân hữu vì không để ý đã quên gia hạn mua báo đúng lúc khiến cho thu nhập của tờ báo có phần sút giảm trong khi mọi chi phí phát hành đều gia tăng. Chúng tôi mong quý vị lưu ý gia hạn và giúp Thông Luận thêm độc giả mới.

Những khoản tiền để bù lỗ cho tờ báo có thể được sử dụng hữu ích hơn nhiều cho cố gắng yểm trợ phong trào dân chủ trong nước.

Xin cảm tạ.

Ban biên tập

Bắt giữa đường

Chiếc xe đồ già lão và xập xệ từ Sài Gòn ì ạch leo đến chùn đèo Prenn thì bị chặn lại.

"Lại quản lý thị trường!". Hành khách nhón nháo nhìn quanh, thì thào. Ai đó nói to một câu lằng nhách: "Ai có chuyện gì thì ráng chịu, đừng đổ thừa cho bà con kể bên nghe!". Anh phụ xe nhảy xuống, tay gơ cao cuốn sổ lưu thông, háp tấp tiến về phía những người nhà nước đứng giữa đường, trước đầu xe. Chẳng cần nhìn, người ta cũng biết trong cuốn sổ thể nào cũng có vài tờ bạc lớn kẹp vô, và rồi cũng như ở mọi trạm giao thông khác, chiếc xe lại tiếp tục con đường của nó.

Nhưng không xong rồi. Mấy ông công an xua tay, thậm chí không thèm sờ lấy cuốn sổ, đã lừng lững tiến tới. Một ông quản lý thị trường, ngó qua cũng biết là thứ thiệt, xà cột lưng lẳng, xằng xái leo lên. Nhưng một ông công an trẻ măng, ria mép chưa kịp mọc, leo lên sau đã gạt mạnh ông này qua một bên, đi từ đầu xe xuống cuối, len lỏi giữa hai hàng ghế, soi mói ngó vô mặt từng người.

Không khí nặng nề, ngột ngạt.

- Anh này, xuống! - ông công an đứng lại ở hàng ghế áp chót, nhìn trừng trừng vào mặt một người đàn ông đã có tuổi.

- Tôi? - người đàn ông nhủi lông mày, ngơ ngác.

- Anh! Chớ còn ai nữa?

- Mà vì chuyện gì chớ?

- Hồng nói lời thôi! - ông công an quát. Mang theo đồ đạc, xuống! Chúng tôi được nhân dân báo anh mang hàng lậu. Vào đồn, khám.

- Bậy, tôi mang hàng lậu? Các anh làm rồi.

- Chúng tôi không bao giờ làm. Xuống! Người đàn ông bậm môi lại, nhún vai, nhưng rồi cũng miễn cưỡng đứng lên đi theo người nhà nước.

Bước xuống xe, ông quay lại nhìn tôi, miệng thoáng một nụ cười. Chỉ có tôi là người duy nhất biết ông là ai trong chuyến xe đồ bừa đó.

Người ấy là nhà thơ Xuân Đài.

Tôi biết Xuân Đài nhiều hơn một độc giả trung bình của anh. Tôi có những người bạn chung với anh và chúng tôi đã có những dịp trò chuyện trong những bữa rượu nghèo. Khi nhà văn Phùng Quán vô Nam, Xuân Đài luôn đi cùng Phùng Quán mỗi khi có cuộc tiếp xúc giữa Phùng Quán và những người hâm mộ.

Tôi tình cờ đi cùng xe đồ với anh, trong xe chật ních anh chỉ nhận ra tôi trong lúc bị công an "mời" xuống ít phút. Chúng tôi chỉ trao đổi với nhau nụ cười thay lời chào. May cho tôi, nếu tôi ngồi bên anh và chúng tôi tỏ ra quen nhau thì tôi không tránh khỏi bị "mời" xuống cùng với anh. Những người quen anh đều biết Xuân Đài lâu nay bị chính quyền "đề ý" bởi những tư tưởng ngạo ngược. Khi công an lên xe mời anh xuống là tôi biết ngay anh gặp chuyện rắc rối. Tôi không ngay thơ để nghĩ rằng nhà thơ đi buôn lậu. Cái màn kịch giả bộ đâm vào xe để lôi người mà chính quyền muốn bắt vô đôn không phải chỉ xảy ra một lần với Hà Sĩ Phu. Nhân dân cười giễu cái trò hề diễn đi diễn lại không cần biết đến phản ứng của khán giả đó. Xuân Đài bước xuống xe không nhìn tôi thêm một lần, dáng thản nhiên, thông thả. Cái túi xách đã được người nhà nước xách giùm. Tôi không dám nhìn theo anh, ngoảnh mặt ra cửa xe. Như vậy là khôn ngoan, tôi nghĩ - trong chuyến xe thể nào có "cá nôi" bắt người thể nào cũng có "cá chìm" ngồi đầu đó.

Xuân Đài, nói cho đúng, là con đẻ của chế độ. Anh tốt nghiệp khoa báo chí của Trường tuyên giáo trung ương, trước khi nghỉ hưu là phóng viên, biên tập viên Đài tiếng nói Việt Nam. Anh là tác giả nhiều bài thơ, truyện ngắn, truyện dài đăng trên nhiều tờ báo trung ương và địa phương, sách của anh được in ở nhiều nhà xuất bản. Nghe nói một số thơ và truyện của anh còn được in ở nước ngoài. Tôi không được đọc những ấn phẩm đó. Tôi là người nhát gan, tôi không dám đọc tài liệu phản động. Ở Việt Nam, phàm cái gì in ở nước ngoài, nhứt là bằng tiếng Việt, đều là tài liệu phản động tước luật.

Hôm đó là 9 tháng 8 năm 1997.

Tôi lên xứ sở sương mù một tuần. Trong một tuần đó tôi ở nhà người bà con và đi lang thang. Tôi rất muốn tới thăm các "si phu Đà Lạt": Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc và Tiêu Dao Bảo Cự. Nhưng tôi chỉ đi lướt qua nhà máy ảnh, đi thiệt nhanh, mắt nhìn thẳng. Tôi biết quanh nhà máy ảnh đều có những con mắt bí mật theo dõi. Tôi có thấy Hà Sĩ Phu một lần qua cửa sổ - con người thấp bé làm cho nhà nước xã hội chủ nghĩa phải sợ hãi - đang cặm cụi trên những trang sách. Ở Đà Lạt tôi được nghe mấy bài thơ không được in của Bùi Minh Quốc. Trong những ngôi nhà đã khép chặt cửa, người ta chỉ thì thào nhắc tên các anh, bằng giọng kính trọng. Thành phố nhỏ, chuyện gì xảy ra cho mấy ảnh người Đà Lạt đều biết. Bùi Minh Quốc bị lệnh quản chế. Hai người kia bị quản chế không có lệnh (*LTS: Bài này được viết*

khi Tiêu Dao Bảo Cự chưa được hưởng lệnh này).

Vài ngày sau tôi mới được biết thêm tin về nhà thơ Xuân Đài. Anh bị bắt khoảng 10 giờ sáng, tới 1 giờ chiều thì bị giải về Đà Lạt. Anh bị giữ lại ở trại tạm giam của tỉnh hai ngày đêm. Người của công an rì tai người bên ngoài: thằng cha này bướng bỉnh, cãi tay đôi với cán bộ chấp pháp (công an hỏi cung), vô trại là tuyệt thực liền. Tin về tội trạng của Xuân Đài cũng lọt ra ngoài từ miệng chính ông quản lý thị trường bừa bồm. Cùng lại tình cờ tôi được nghe ông này kể cho mấy người bạn, có cả người nhà tôi, trong một bữa nhậu: "Hồng được nói với ai nghe. Thằng cha đó đâu có buôn lậu. Mấy ông (công an) bày ra như vậy để bắt thằng cha đó vô đôn khám xét đồ đạc. Tui chứng kiến mà. Phải ký biên bản nữa. Xét đồ hai giờ liền, xé kỹ lắm, có giấu cái gì trong lai quần cũng lôi ra hết. Bắt được một lá thơ của con gái thằng nhà thơ Bùi... Bùi... gì đó, ở phải rồi, Bùi Minh Quốc, gởi cho ông già nó. Một lá thơ của một thằng tên Quý, Nguyễn Đình Quý thì phải, gởi cho thằng Hà Sĩ Phu. Thằng này muốn cho tiền thằng Phu làm nhà, mà nó viết kiểu như nó xin vậy, thắc cười muốn chết. (*LTS: Ông Nguyễn Đình Quý là một người hâm mộ Hà Sĩ Phu. Được biết ông Hà Sĩ Phu gặp hoàn cảnh khó khăn, sau khi bị chính quyền tịch thu lại một phần ngôi nhà ông Hà Sĩ Phu thuê thì tám người trong gia đình phải sống chen chúc trong một diện tích 20 m2, ông Nguyễn Đình Quý viết thư tỏ ý xin được giúp đỡ*). Quan trọng nhứt là một lá thơ bằng tiếng Tây. Cả bọn tui tui hồng cả thằng nào biết tiếng Tây hết trội, đành bỏ vô bao thơ nộp cấp trên. Tội liên lạc với nước ngoài, các người biết hôn, nặng lắm đó. Một lù phản động!".

Về tới Sài Gòn tôi tức tốc tìm cách liên lạc với Xuân Đài. Cẩn thận, tôi gọi dây cho anh từ máy điện thoại công cộng, nhưng chỉ nghe tiếng tút tút kéo dài. Những người bạn anh tôi gặp cũng không biết anh ở đâu. Mọi người chỉ biết anh đi Đà Lạt thăm nhà thơ Bùi Minh Quốc. Người ta nói: Xuân Đài chơi với Phùng Quán, Phùng Cung, Hữu Loan... từ ngày còn ở Hà Nội, nay lại cặp kè với Bùi Minh Quốc, rủ về nhà ăn ngủ, hèn chi chính quyền chẳng ngứa mắt.

Tôi kể chuyện về lá thơ tiếng Tây. Một người bạn thân của anh nói anh được đọc lá thơ. Đó là thơ mời của Hội đồng hành chánh thành phố Genève gởi cho Hà Sĩ Phu. Thơ mời gởi thẳng cho Hà Sĩ Phu theo địa chỉ Đà Lạt thì sợ bị mất. Người ta nhờ một nhà văn hóa lớn ở Hà Nội chuyển giùm. Ông này thường có liên lạc

với phương Tây, được phương Tây trao giải thưởng. Ông này lại nhờ người mang thơ vô Sài Gòn nhờ Xuân Đài chuyển tay cho Hà Sĩ Phu. Mới nên tội.

May mắn cho Xuân Đài, anh không bị ngồi tù lâu.

Theo bà con ở chung cư 727 Trần Hưng Đạo, Quận 5, nơi nhà thơ Xuân Đài ở, thì khoảng 19 giờ ngày 11-8-1997, công an thành phố Hồ Chí Minh mặc thường phục, khoảng một tiểu đội, áp giải anh về nhà để tiến hành lục soát căn hộ anh ở. Họ xét nhà anh có ba giờ rồi rút lui êm, để anh ở lại. Tại sao người ta không bắt ngay, không ai hiểu. Công an bản tin: có tìm thấy tài liệu phản động, nhưng chưa tới mức cần phải giam giữ.

Thế là một bản án không tên đã được dán trên trán nhà thơ. Chẳng ai dám bén mảng đến nhà anh nữa. Tôi cũng vậy, tôi không dám. Chớ có đùa với nhà nước chuyên chính vô sản.

Lại cũng một sự tình cờ, tôi có bà chị họ xa ở cùng chung cư với Xuân Đài. Chị tới thăm vợ tôi, tôi hỏi chị có biết chuyện xảy ra không? "Biết chớ sao không biết! Có chuyện gì xảy ra ở chung cư mà bà con ở đây không biết. Ông này người đứng đắn, đàng hoàng, hay giúp đỡ bà con, nhứt là khi có chuyện rắc rối với chính quyền, ông là cán bộ hưu trí, hồng bắt nạt ông dễ dàng đâu. Ông dạy mấy cháu nhà tôi đó, dạy chữ nghĩa, dạy cả lễ phép, dạy không à, có lấy ai đồng nào đâu. Công an người ta bắt ông, xét nhà ông, chắc ông có viết lách gì đó chống chế độ, chứ khi không bắt ông làm chi. Tui tui có vi phạm điều chi họ cũng chỉ nhắc nhở, miễn biết điều lo lót chút đỉnh thì chuyện gì cũng xong". Hỏi chị sau vụ đó mấy cháu có tiếp tục học ông nữa không thì chị trả lời: "Đâu dám, tới học nhà ông nguy hiểm lắm, mang họa có ngày".

Suốt trong tháng 8, thỉnh thoảng tôi lại gọi dây nói cho Xuân Đài. Cũng vẫn không thấy anh bốc điện thoại. Thì ra những ngày đó anh bị gọi đi "làm việc" với công an, trung ương hay thành phố không biết.

Tôi kể chuyện này cho các bạn nghe để các bạn biết rằng bên cạnh những người được các nạn biết đến nhiều như các ông Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Thích Quảng Độ, Hoàng Minh Chính, Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc, Bảo Cự... ở trong nước còn có nhiều người khác chánh kiến bị trừ dập, bị đày ải trong sự xa lánh của mọi người, sự xa lánh được gây ra bởi cái sợ.

Xuân Đài là một trong những người như thế.

Lê Rân

Các cụ già cộng sản bài xích lẫn nhau

LTS: Sau đây là một đoạn trích từ tập hồi ký "Những Kỷ Niệm Về Lê Duẩn" của ông Trần Quỳnh, công khai đả kích ông Võ Nguyên Giáp với những lời lẽ khá nặng. Đây là lần đầu tiên mà những người cộng sản cùng thời với nhau và cùng đang còn sống tại Hà Nội với nhau ra mặt phỉ báng nhau.

Ông Trần Quỳnh sinh năm 1916, gia nhập đảng cộng sản từ cuối thập niên 1930 và trở thành ủy viên Trung Ương Đảng từ 1976 và bí thư của tổng bí thư Lê Duẩn. Từ 1982 đến 1986, ông làm phó thủ tướng. Ông mất chức cùng với Tố Hữu sau vụ đổi tiền tháng 9-1985.

Là thủ hạ của Lê Duẩn di nhiên Trần Quỳnh ca tụng và bào chữa cho Lê Duẩn hết lời. Cách viết của tác giả, thiếu phân biệt thời gian cho các sự kiện xảy ra, cách chấm phẩy và viết chữ hoa hay không viết chữ hoa tùy tiện chứng tỏ một trình độ văn hóa trung bình, mặc dầu Trần Quỳnh có đậu tú tài phần một, một học vị rất hiếm trong số các lãnh tụ cộng sản. Qua cách hành văn lộn xộn đọc giả có thể nghĩ là đã có nhiều lỗi đánh máy, chúng tôi xin xác nhận là đã rà soát rất kỹ. Người ta cũng có thể nhận định về thái độ của ông Trường Chinh: liếc mắt đọc lên thư của người khác. Ông Trường Chinh vừa được đảng cộng sản truy niệm như "một nhà văn hóa lớn".

[...] Trong khi toàn Đảng ta tiến hành cuộc đấu tranh để khỏi bị ảnh hưởng của chủ nghĩa xét lại, và trong khi trào lưu thân Trung Quốc đang cuộn cuộn thì xảy ra một sự kiện quan trọng trong đời sống chính trị của Đảng ta, một số cán bộ cao cấp và trung cấp theo học ở trường Đảng cao cấp Liên Xô và trường quân sự cao cấp Liên Xô bàn kế hoạch chống lại đường lối của Đảng. Họ lập một nhóm vận động thành lập một tổ chức lấy việc thay đổi Bộ chính trị làm mục tiêu. Họ nhắm vào những người không đồng tình với Nghị quyết 9, trước hết là những sĩ quan cao cấp trong quân đội và những ủy viên trong Trung ương. Trong tổ chức đó có Đặng Kim Giang, Lê Liêm. Theo lời khai của Đặng Kim Giang thì linh hồn của tổ chức là Võ Nguyên Giáp. Họ liên lạc với Đại sứ Liên Xô hỏi đó là Sébacóp, một sĩ quan tình báo hướng dẫn họ. Khi nghe Lê Đức Thọ và Trần Quốc Hoàn báo cáo về vai trò của Võ Nguyên Giáp cho tổ chức chống Đảng này, Lê Duẩn nói trước đây Giáp là người không đáng tin cậy lắm tuy được Bác Hồ rất cưng vì khéo nịnh. Lê Duẩn nói sau tổng khởi nghĩa, Lê Duẩn ở miền Nam ra thấy Giáp đưa tên Dương, một tên Quốc dân đảng mật thám cũ, lên làm thứ trưởng Bộ nội vụ (sau này là Bộ công an). Lê Duẩn đã có ý hồ nghi đối với Giáp. Lê Duẩn có nói với Giáp và Giáp có thanh minh vì cần thiết cho mặt trận với Quốc dân Đảng và Việt Cách (Việt Nam Cách mạng Đồng chí Hội). Lê Duẩn bảo mặt trận thì đưa chức Thứ trưởng ở Bộ khác còn ta là Đảng lãnh đạo phải nắm chặt hai Bộ quốc phòng và nội vụ. Trước khi Lê Duẩn vào Nam, Trường Chinh hứa với Lê Duẩn: "Anh cứ yên tâm ra đi. Việc này để tôi giải quyết". Về sau những khi nào đề cập đến vụ tên Dương trong Bộ

chính trị hay trong Trung ương, Võ Nguyên Giáp đều thanh minh kịp suy nghĩ, mặc dù trong óc Lê Duẩn đã hình thành những nét chính của chiến lược ấy. Giáp sốt ruột quá, phải liều mạng viết bài trảng giang đại hải đăng trên Tạp chí Quân đội nhân dân Về chiến lược chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Xem bài đó, Lê Duẩn gọi Giáp đến hỏi: "Anh viết bài báo nhằm mục đích gì, vì nội dung của nó tôi thấy sai hết. Viết để đánh lừa quân địch chăng? Nếu thế thì quân đội ta khi đọc bài của anh cũng sẽ bị lừa nốt. Viết cho quân đội ta chăng, thế thì anh tiết lộ bí mật về ý đồ của mình cho địch biết". Giáp cứng họng thanh minh ấp úng, xin lỗi rồi về. Những ý kiến của Lê Duẩn về chiến lược chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, sau đó Lê Duẩn nói lại cho Văn Tiến Dũng.

Giáp là một con người háo danh, khoe khoang. Y có cả một bộ tham mưu riêng, một ê kíp khá đông để vạch ra và thực hiện chiến lược chiến thuật tuyên truyền đề cao cá nhân mình trong nước và trên trường quốc tế.

Sau khi kết thúc điều tra vụ án chống Đảng và âm mưu lật đổ, Lê Đức Thọ và Trần Quốc Hoàn đề nghị kỷ luật những người cầm đầu. Khai trừ ra khỏi Đảng, cách chức, quản thúc một số nhưng cho hưởng nguyên các chế độ đãi ngộ. Trường Chinh bổ sung thêm một chi tiết về Võ Nguyên Giáp. Thời kỳ trước cách mạng Tháng Tám, một lần Trường Chinh đến nhà Đặng Thai Mai có việc. Thấy Mai đang cầm đọc một lá thư, Đặng Thai Mai bị bất ngờ. Trường Chinh lướt qua bức thư mới kịp thấy tiêu đề của thư là chánh mật thám, chữ ký là Mác-ti và câu đầu: "Các con thân ái Mai và Giáp" (Mes chers enfants Mai et Giap). Mai ngược lên thấy Trường Chinh vội vàng nhét thư vào túi

áo. Trường Chinh chỉ thấy đến thế không biết nội dung nói gì. Bộ chính trị nhất trí với mức độ kỷ luật đề nghị. Riêng về Giáp kỷ luật được đề nghị là khai trừ khỏi Bộ chính trị, Lê Duẩn không đồng ý. Lê Duẩn nói rằng chúng ta đang cần đến sự giúp đỡ của Liên Xô trong công cuộc xây dựng Miền Bắc và nhất là trong sự nghiệp giải phóng Miền Nam. Giáp là người của Liên Xô, nếu kỷ luật Giáp sẽ động đến Liên Xô ảnh hưởng không nhỏ đến sự viện trợ của Liên Xô. Tôi đề nghị cứ để Giáp ở lại trong Bộ chính trị. Ta sẽ có cách làm việc với Giáp làm cho sự ở lại và có mặt của Giáp không gây ra những hậu quả có hại.

Chúng ta nhớ rằng vào thời ấy, Bộ chính trị đối với toàn Đảng, toàn dân ta là một tổ chức thiêng liêng, được hình thành qua sự sàng lọc của lịch sử bao gồm những người con ưu tú nhất và đáng kính nhất của dân tộc. Kỷ luật đối với một ủy viên Bộ chính trị là một chuyện tày trời, không phải như ngày nay khai trừ một ủy viên Bộ chính trị như Nguyễn Hà Phan, đối với đảng viên và nhân dân chả là cái gì.

Lê Duẩn gặp Giáp cho Giáp biết quyết định của Bộ chính trị và dặn Giáp: "Lê ra anh bị khai trừ ra khỏi Bộ chính trị, nhưng do tác động của tôi Bộ chính trị đồng ý để anh ở lại. Vậy anh phải lấy đó làm bài học, từ rày về sau phải trung thành với Đảng mình, đừng làm tay sai cho Liên Xô biết". Giáp không ngớt lời cảm ơn Lê Duẩn. Về sau Giáp nhiều lần cảm ơn "anh Ba đã cứu tôi nhiều lần". Đó là lúc sinh thời của Lê Duẩn. Giáp rất sợ Lê Duẩn. Ngay trong một số Hội nghị Trung ương khóa 5 chuẩn bị cho Đại hội 6, khi Giáp cùng một số người định ngoi lên chiếm các chức vụ cao trong Đảng và Nhà nước đề nghị xét

lại vụ án chống Đảng, và khi Lê Duẩn hồi ấy đã ốm nặng rồi nhắc lại một số chuyện về Giáp trong đó có việc đưa tay Dương làm thứ trưởng Bộ nội vụ, Giáp thanh minh và trong thanh minh cũng có nói "tôi rất biết ơn anh Ba đã cứu tôi nhiều lần". Chúng ta biết ngày nay khi Lê Duẩn không còn nữa, Giáp đã "đền ơn" Lê Duẩn như thế nào. Lê Duẩn nói: "Giáp là con người xảo trá, khi tôi từ Miền Nam ra, khi nói chuyện với tôi Giáp hay nói xấu Bác, nhưng trước mặt Bác Giáp rất nịnh Bác".

Thế là từ ấy trong Bộ chính trị ta có hai người, một người là tay sai của Trung Quốc, một người là tay sai của Liên Xô. Phải có cách làm việc khéo léo để những vấn đề cơ mật nhất không lọt đến tai Trung Quốc và Liên Xô. Đối với Hoan thì không khó. Hoan là một người lười đọc báo cáo, nhất là những báo cáo dài, và báo cáo về kinh tế. Những lần họp Bộ chính trị để bàn về quân sự, Hoan không được mời dự. Có khi qua thư ký riêng Hoan biết Bộ chính trị có họp. Hoan hỏi, Văn phòng bảo là họp bàn về kinh tế thấy anh thường không thích dự nên không mời. Rồi đưa cho Hoan một báo cáo về kinh tế do Ủy ban kế hoạch soạn chỉ chút những con số. Hoan mở ra xem được một vài trang thấy chán, nói thôi, đọc nhức đầu quá, mình cũng ít hiểu, mình không dự.

Đối với Giáp vấn đề khó hơn. Nhưng Lê Duẩn đã dặn dò Giáp rồi cho nên cũng đỡ lo. Lê ra Lê Duẩn phải là bí thư Quân ủy Trung ương theo điều lệ Đảng, nhưng Lê Duẩn không phải là người tham chức quyền cho nên Lê Duẩn đề nghị Giáp làm bí thư, Lê Duẩn làm phó bí thư. [...]

(Trích **Trần Quỳnh, Những Kỷ Niệm Về Lê Duẩn**, phần Hai, tr.31-33)

Cahier du colloque sur la francophonie et les droits de l'Homme

Chúng tôi đã cho in các bài tham luận trong ngày Hội thảo về Pháp thoại và nhân quyền ngày 12-10-1997 tại Salle Raymond Aron, Đại Học Paris IX thành một hồ sơ dày 40 trang, viết bằng tiếng Pháp.

Giá bán là 50 FF kể cả bưu phí.

Ngân phiếu xin đề Vietnam Fraternité, và gửi về:

Thông Luận

124 bis rue de Flandre
75019 Paris - France

Tự do tư tưởng

Vô Xuân Minh

Hãy để cho dân viết sự thật, đất nước sẽ yên ổn.

Abraham Lincoln

Phải dứt khoát coi sự bóp nghẹt tự do tư tưởng là một tội ác với lịch sử.

Đoàn Viết Hoạt

Chúng ta cần nâng lên hàng một nguyên tắc tuyệt đối là trong nước Việt Nam tương lai sẽ không có những vấn đề cấm bàn tới và cũng không thể có những ý kiến cấm nêu ra. Không một người Việt Nam nào có thể gặp phiền phức vì những gì mình phát biểu, trừ trường hợp trực tiếp kêu gọi bạo lực.

Thủ Thách và Hy Vọng

Dự án chính trị dân chủ đa nguyên 1996

Tự do tư tưởng là quyền tối thượng của con người. Không có tự do tư tưởng thì không có dân chủ, nhân quyền. Không có tự do tư tưởng thì không có văn minh, tiến bộ. Không có tự do tư tưởng thì con người không còn là con người nữa.

Đấu tranh cho dân chủ, nhân quyền, cho văn minh, tiến bộ trước hết là đấu tranh cho tự do tư tưởng. Một khi có tự do tư tưởng thì sẽ có tất cả.

Trong bộ Lịch sử của nền Văn minh (Histoire de la Civilisation) Will và Ariel Durant cho rằng Michel de Montaigne đã mở đầu Thế kỷ Ánh sáng tại Pháp, đã "sinh ra" Bayle, Vauvenargues, Rousseau, Diderot, Voltaire. Ảnh hưởng của Montaigne trải dài trong ba thế kỷ, trên bốn châu. Bacon, người mở đầu Thế kỷ Ánh sáng tại Anh, và Descartes, Pascal cũng đã chịu ảnh hưởng của Montaigne.

Montaigne thật ra là một người bảo thủ và hoài nghi. Trong lãnh vực chính trị, ông cho rằng sửa đổi các chính thể là vô ích: chính thể mới cũng sẽ xấu như chính thể cũ, vì nó cũng sẽ được quản nhiệm bởi con người. Tốt hơn là phục tùng chính quyền hiện có, dù nó xấu xa thế nào đi nữa. Tuy nhiên, nếu chính quyền tìm cách xiềng xích tư tưởng thì chính ông sẽ dùng tất cả can đảm để chống lại, vì: "*Chỉ có đầu gối mới gập lại và hạ xuống còn trí tuệ thì không - ma raison n'est pas conçue pour se plier ou s'abaisser; mes genoux le sont*" (1). Với triết lý đó ông đã mở ra một kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên Ánh sáng.

Có tự do tư tưởng là có tất cả. Một chính quyền dù có tồi dở đến đâu đi nữa, nhưng chấp nhận tự do tư tưởng thì người dân sẽ xây dựng được một đời sống xứng đáng với con người và quốc gia sẽ tiến bộ,

phồn vinh. Trái lại, một chính quyền dù có rất nhiều thiện chí, tài năng nhưng độc quyền tư tưởng thì đất nước sẽ là một nhà tù, người dân sẽ khốn khổ và quốc gia sẽ bế tắc.

Nói đến tự do tư tưởng là nói đến tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do nghiên cứu, tự do tin tưởng. Đây là những quyền căn bản của con người mà bất cứ một quốc gia bình thường nào cũng phải triệt để tôn trọng. Nhưng tự do tư tưởng bao hàm một lãnh vực khác, cá nhân hơn, nhưng quan trọng hơn, đó là **tự do suy nghĩ**: suy nghĩ một cách độc lập và tự do. Không có tự do suy nghĩ thì không có tự do tư tưởng.

Trong cuốn Đêm Giữa Ban Ngày, Vũ Thư Hiên đã chất vấn: "*Vì lẽ gì những nhà cách mạng Việt Nam thuộc thế hệ cha chú tôi, lúc đó còn đông đúc, lại chịu chấp nhận một mô hình xã hội quý quái như vậy?*" (2). Chúng ta có thể cho rằng vì họ không được thảo luận với nhau, cùng nhau phân tích tình hình, soạn thảo kế hoạch, động viên mọi người, xây dựng lực lượng nên đành bó tay. Nhưng không phải chỉ có vậy. Vấn đề cốt lõi, như Vũ Thư Hiên đã tự trả lời, một cách khiêm tốn, nhưng rất sâu sắc, sáng suốt, trung thực và can đảm: "*Không biết tôi đúng hay không đúng, đúng được bao nhiêu, trong ý nghĩ rằng thế hệ cha chú tôi bị sự sùng bái Hồ Chí Minh làm cho mù quáng, tước bỏ nơi họ tinh thần độc lập suy nghĩ*" (2). Một khi đã mất tinh thần độc lập suy nghĩ thì mất luôn khả năng tự chủ và tự vệ, mất luôn khả năng kháng cự và chống lại.

Có được một tinh thần độc lập và tự do là một điều rất khó. Tư tưởng của mỗi

chúng ta luôn luôn bị ảnh hưởng bởi một tư tưởng nào đó, một người nào đó, một tình cảm nào đó hay một hoàn cảnh nào đó. Nó cũng lệ thuộc rất nhiều vào phong tục, tập quán, văn hóa, giáo dục và môi trường sống của mỗi người. Riêng xã hội Việt Nam, khắc nghiệt hơn, đã kèm hãm tư tưởng Việt Nam, đã không cho phép người Việt Nam có quyền tự do suy nghĩ.

Phong kiến và độc tài đã ngự trị trên đất nước ta trong suốt dòng lịch sử. Chúng bắt buộc chúng ta phải suy nghĩ một chiều, không được đặt vấn đề hay chất vấn. Chúng bắt buộc chúng ta phải tôn vinh những gì chúng muốn tôn vinh, khinh chê những gì chúng muốn khinh chê. Chúng bắt buộc chúng ta phải chấp nhận một hệ thống giá trị do chúng đặt ra để làm chuẩn cho mọi phán xét, hành động. Từ đó chúng ta "suy nghĩ" như nhau, trọng khinh giống nhau; cùng nhau hát những bản đồng ca, tấu lên những nốt nhạc cùng một cung điệu. Lâu ngày trở thành nề nếp. Chúng ta không muốn nghe, và không chấp nhận những tiếng hát lẻ loi, những nốt nhạc khác thường. Những tiếng hát, nốt nhạc đó bị coi là dị hợm, bị chê bai và kết án. Từ đó chúng ta chỉ nói những gì mà người khác đã nghe, viết những gì mà người khác đã đọc. Tư tưởng Việt Nam bế tắc (3).

Mọi bế tắc - bế tắc của một nền văn minh, của một dân tộc, của một cuộc cách mạng, của một phong trào - **đều bắt nguồn từ bế tắc tư tưởng**. Đây là một sự thật. Lịch sử thế giới đã chứng minh điều đó. Nếu không có Socrate, Platon, Aristote, Sénèque, Plutarque... thì đã không có nền văn minh Hy Lạp - La Mã. Nếu không có Montaigne, Bacon, Bayle, Descartes, Pascal, John Lock, Montesquieu, Voltaire, Rousseau, Diderot... thì Tây Phương đã không có Kỷ nguyên Ánh sáng. Hơn hai mươi năm đã trôi qua nhưng Việt Nam vẫn bị chế độ độc tài thống trị; và dân tộc Việt Nam sẽ tiếp tục khốn khổ, quốc gia Việt Nam sẽ tiếp tục tụt hậu nếu chúng ta vẫn tiếp tục không chấp nhận sự thật này.

Để giải quyết những bế tắc của đất nước chúng ta phải giải quyết sự bế tắc của tư tưởng, và chỉ có tự do tư tưởng mới giải quyết được.

Hiện nay những ai quan tâm đến đất nước chắc đã đôi lần tự hỏi: Tại sao chế độ cộng sản đã ruồng nát hơn mười năm nay, thất bại trong mọi lãnh vực, bị mọi người chán ghét mà vẫn còn tồn tại? Tại sao đối

lập dân chủ đã có không ít người can đảm dấn thân, lại được nâng đỡ bởi trào lưu dân chủ mà không lớn mạnh? Tại sao Mặt Trận Dân Chủ vẫn chưa thành hình? Nếu trong nước vì bị khủng bố, kềm kẹp nên không xây dựng được, nhưng còn hải ngoại? Lý do nào, nguyên nhân nào?

Có nhiều nguyên nhân, một trong những nguyên nhân sâu xa là tư tưởng của chúng ta không được tự do. Và vì không được tự do nên không khai thông được.

Tư tưởng chúng ta bị ràng buộc bởi quá nhiều thứ. Bởi dư luận, bởi thành kiến, bởi hận thù, bởi tập quán suy nghĩ một chiều, bởi những thần tượng đã được tôn vinh từ thời này qua thời khác, bởi một hệ thống giá trị cổ truyền phong kiến, và bởi vốn liếng tư tưởng quá ít ỏi. Càng ít, càng quý. Như một người nghèo khó, chúng ta nâng niu số tư tưởng hiếm hoi của mình và sẵn sàng sống chết với những ai xúc phạm nó. Trước những phản ứng mạnh mẽ đó, phần đông chúng ta chỉ nói những gì người khác muốn nghe, viết những gì người khác muốn đọc. Tự do tư tưởng, do đó, trên thực tế không có. Và vì không có tự do tư tưởng nên chúng ta đã không thảo luận một cách đúng đắn, khách quan về những vấn đề của Việt Nam, không đồng ý một cách thành thực về những giải pháp, không động viên được mình và người, và không đoàn kết với nhau được.

Những thế hệ sau chắc sẽ phải ngạc nhiên khi nhìn lại quá trình đấu tranh cho dân chủ của chúng ta: tư tưởng chính trị của chúng ta quá nghèo nàn. Không phải là chúng ta không có những tư tưởng đặc sắc, mới lạ. Nhưng tất cả những tư tưởng đó đều bị kết án bởi những người không thích hay không đồng ý, bị xa lánh bởi những người đã đồng ý ít nhiều nhưng e ngại dư luận. Những tư tưởng đó sinh ra trên mảnh đất cần cỗi, trong khí hậu khắc nghiệt, nên nếu không bị vùi dập ngay từ đầu thì cũng phải mất rất nhiều thời gian để tăng trưởng. Lập trường hòa giải hòa hợp dân tộc đã bị chống đối dữ dội ngay từ ban đầu và phải chờ đợi những biến cố thuận tiện xảy ra, trong hơn mười năm, mới có được một đồng thuận tương đối. Chúng ta là những người muốn thay đổi lịch sử (Việt Nam) nhưng vì muốn an toàn nên chỉ chạy theo sau những biến cố của lịch sử. Việt Nam đã lỡ nhiều chuyến tàu và đang có quân tính lỡ thêm nhiều chuyến nữa.

Để giải thoát Việt Nam khỏi nạn độc

tài, trước hết chúng ta cần phải giải thoát tư tưởng của chúng ta khỏi những ràng buộc. *"Hãy thử để cho Trí tuệ được vài phút hoàn toàn tự do, xem nó có thể mách bảo ta điều gì"* (4). Đây là một nhận định sắc bén của Hà Sĩ Phu về con người Việt Nam, về xã hội Việt Nam. Ông đã thực hiện điều đó và trong hoàn cảnh ngặt nghèo ông đã góp phần khai thông trí tuệ Việt Nam, góp phần đặt nền tảng cho tự do, dân chủ.

Để cho trí tuệ được tự do trước hết chúng ta không nên có định kiến cũng như nên tương đối hóa mọi vấn đề. Không phải là một tín đồ Phật giáo nhưng tôi rất thích đoạn kinh Kālāma: *"Này các người Kālāma, đừng vội tin một điều gì vì nghe kể lại, đừng vội tin vì theo phong tục, đừng vội tin vì nghe đồn lại, đừng vội tin vì là kinh điển nội giáo, đừng vội tin vì hợp với luân lý, đừng vội tin vì hình thức bề ngoài, đừng vội tin vì thích suy luận, đừng vội tin vì thấy có khả năng thích ứng, đừng vội tin vì do các bậc tôn sư của mình nói ra..."* (5).

Phong tục, luân lý, tư tưởng và con người đều chỉ có thể hoàn hảo dần với những tu bổ và sửa chữa, và nhờ đó mà xã hội tiến bộ. Đặt trọn niềm tin vào phong tục, luân lý, tư tưởng hay vào một người nào đó sẽ làm chúng ta mất tinh thần độc lập, khả năng tự do suy nghĩ và óc sáng tạo, và do đó chúng ta sẽ dậm chân tại chỗ. Điều này không những ngăn chặn đà tiến hóa xã hội mà nhiều lúc còn đưa đến những tai họa khủng khiếp. Đây là một lỗi lầm mà chúng ta thường hay mắc phải.

Như Lâm Ngữ Đường, trong cuốn *The Importance of Living* (6), đã cho rằng Đào Uyên Minh là *"một thi nhân vĩ đại nhất, có tư cách điều hòa nhất của Trung Quốc"*, *"ông chiếu sáng cổ kim như ngọn đuốc lớn, và được các văn nhân thi sĩ coi là tiêu biểu cho một nhân cách cao quý nhất. Trong đời sống và trong phong độ của ông có một sự giản phác làm cho ta phải kính phục, rồi tự xét mình mà thấy thẹn"*, *"Gần hai thế kỷ, chủ nghĩa làng mạn trong văn học và triết học nhân tan của Đạo giáo phối hợp với triết học tích cực của Khổng giáo mới sản sinh được một nhân cách như vậy"*. Và cùng theo ông Lâm thì Đào Uyên Minh được một người bạn tiến cử làm chức tri huyện Bành Trạch, và *"Ông vì thích uống rượu, nên ra lệnh rằng ruộng trong huyện phải trồng lúa nếp hết, nhưng vợ ông thấy như vậy quá đáng, xin ông, ông mới bằng lòng cho một phần sáu số ruộng được trồng những*

giống lúa khác" (7).

Lâm Ngữ Đường là người tranh đấu cho tự do tư tưởng, ông đã biểu lộ ý chí đó ngay ở những trang đầu trong cuốn sách này, và ông cũng nhắc nhở đến nhân quyền. Nhưng có lẽ ông đã bị nhân vật Đào Uyên Minh thu hút nên tư tưởng của ông đã không được tự do để thấy rằng quan lại như Đào Uyên Minh thì thật là khổ cho dân. Tôi vẫn ngưỡng mộ thiên tài của Đào Uyên Minh, ông đã cảm nhận được những nét đẹp của thiên nhiên và đã diễn đạt được bằng những lời thơ bình dị, tự nhiên. Nhưng hầu như ông đã không rung cảm trước những đau khổ của con người. Đây là một thiếu sót lớn.

Trong một chương khác, ông Lâm viết: "Một người đàn bà tận tâm lo cải thiện tình hình xã hội, lo công việc cho thành phố, mà nấu ăn sơ sài rồi nuốt vội bữa cơm trong mười phút, thì có lợi gì cho bà ta đâu. Cự Khổng tất đuổi bà ta về nhà cha mẹ cùng như cụ đã đuổi cụ bà vì nấu bếp rất dở".

"Sử không có chép rõ là bà vợ Khổng Tử bị chồng đuổi hay tự ý ra đi vì ông chồng khó tính quá, gạo muốn cho thật trắng, thịt muốn băm cho thật nhỏ (*), thịt không có thứ nước chấm thích hợp thì không ăn, cắt không ngay ngắn thì cũng không ăn, sắc không tươi thì cũng không ăn, mùi có hơi nặng cũng không ăn (**); quả thật là nghệ sĩ trong cách sống. Tôi chắc rằng chỉ có vậy thôi thì cụ bà chắc cũng chiều cụ ông được; nhưng một lần cụ bà không tìm ra được thịt tươi, bắt đặc đi phải sai con trai là Lý lại tiệm mua rượu và món ăn nấu sẵn để cung phụng ông chồng, cụ ông bảo "rượu thịt mua ở tiệm thì không ăn" (***), đến nước vậy thì cụ bà chỉ còn cách cuốn khăn gói chứ biết làm gì nữa bây giờ?" (8).

Thật là may mắn cho nhân loại: mọi người đàn ông không phải là ông Khổng. Nếu mọi người đàn ông là ông Khổng thì số phận một phần nửa nhân loại, những người đàn bà, sẽ ra sao? Và thế giới sẽ ra sao, vì hầu hết những người đàn bà là những người mẹ?

Khổng Tử là người thông minh cũng như Đào Uyên Minh là người mẫn cảm, nhưng họ sống trong thời xa xưa, kém văn minh hơn chúng ta nhiều lắm. Chúng ta có thể ngưỡng mộ họ trong một vài phương diện nào đó nhưng không nên coi họ như là những mẫu mực. Vì như vậy là vô tình chúng ta đâm lên quyền sống, quyền làm người của người dân, và vô tình chúng ta nâng cao giá trị của những kẻ độc tài. Như

tại Việt Nam hiện nay, bất cứ một kẻ độc tài nào cũng có thể cho rằng họ đạo đức hơn Đào Uyên Minh, họ không đến nỗi bắt người dân phải trồng lúa nếp chỉ vì thích uống rượu. Họ cũng có thể cho rằng họ có văn hóa hơn Khổng Tử, họ tôn trọng phái nữ hơn ông và không đến nỗi vì miếng ăn mà đối xử với vợ con một cách nghiêm khắc, tàn tệ như vậy. Có phải chăng sự tôn vinh quá đáng người xưa đã là nguyên nhân mang lại thắng lợi cho đảng cộng sản tại các nước Đông Nam Á, và cũng là nguyên nhân của sự tồn tại và kéo dài các chế độ này?

Đào Uyên Minh, Khổng Tử chỉ là hai thí dụ trong muôn ngàn thí dụ khác.

Chúng ta cũng không nên tin tưởng một cách tuyệt đối vào một chủ nghĩa nào, một ý thức hệ nào, một triết thuyết nào hay một tư tưởng nào. Những niềm tin tuyệt đối làm mất sự sáng suốt của trí tuệ và đã là nguyên nhân của nhiều cuộc chiến, kể cả những cuộc thánh chiến.

Tư tưởng của Marx chất chứa nhiều mầm mống bạo lực vì chủ yếu được xây dựng trên sự phản kháng những bất công của xã hội Tây phương thời đó. Nhưng không phải vì sự thiếu sót và sai lầm đó mà tư tưởng Marx đã làm nhiều quốc gia tan nát, mà chính vì niềm tin tuyệt đối - một niềm tin phục tùng, không chất vấn - vào tư tưởng đó. Tại Việt Nam nhiều người đã cống hiến đời mình, đã tham gia vào cuộc chiến tàn khốc làm gây đổ hàng triệu cuộc đời cũng vì niềm tin đó. Nếu những người cộng sản đã không coi tư tưởng Marx là kinh điển thì tư tưởng đó đã là một thúc đẩy tiến bộ chứ không đã là một đại họa.

Tư tưởng Khổng giáo được coi là khuôn mẫu xã hội của nhiều quốc gia trong hàng chục thế kỷ. Đó là một sai lầm. Nó đã là một nguyên nhân của mọi trì trệ và đã kéo dài các chế độ phong kiến. Nó cũng đã mở đường cho các chế độ độc tài thành hình và giúp cho các chế độ này tồn tại lâu dài. Một tư tưởng dù tinh hoa tới đâu cũng bị hủ hóa bởi thời gian. Thế giới mỗi ngày mỗi tiến bộ, một quốc gia dù gồm những con người thông minh và cần mẫn nhưng nếu tự giam trong một khuôn mẫu của hàng ngàn năm trước thì chắc chắn sẽ lạc hậu. Đó là trường hợp của Việt Nam và nhiều nước khác trong vùng.

Chúng ta nên tương đối hóa mọi vấn đề. Về con người, nên tránh tệ sùng bái để cho tinh thần được độc lập và khách quan. Chúng ta không những cần biết đến những

công lao của tiền nhân mà cũng cần biết đến những sai lầm của họ. Thấy được những cái sai của người xưa sẽ giúp cho xã hội tiến bộ, thấy được những cái sai của người nay sẽ tránh cho quốc gia những tai họa.

Về tư tưởng chúng ta nên tránh thái độ giáo điều. Mọi tư tưởng đều cần được bổ túc và sửa chữa (9). Quốc gia nào cũng cần có những định hướng, nhưng nếu tin tưởng tuyệt đối vào chúng thì còn tai hại hơn là không có định hướng nào cả. Để tránh những thái độ cực đoan, chúng ta phải luôn luôn chất vấn thực tại và lương tâm của chính mình. Thực tại và lương tâm là hai cuốn sách mà bất cứ ai muốn giúp ích đời đều cần phải luôn tham khảo.

Để có tự do tư tưởng, ngoài tự do suy nghĩ chúng ta cần phải có **tự do phát biểu**.

Tự do phát biểu phải là quyền bất khả xâm phạm của con người. Đó là quyền làm người. Không có nó loài người chỉ là một bầy gia súc. Tự do phát biểu bảo đảm nhân quyền và thúc đẩy văn minh tiến bộ. Đây là một thực tế. Thế giới cho thấy rằng nơi nào người dân có quyền tự do phát biểu thì nơi đó nhân quyền được tôn trọng và xã hội tiến bộ. Không thể nhân danh bất cứ gì, như vì dân trí thấp hay vì lợi ích của nhân dân, để suy nghĩ và phát biểu "giùm" dân. Chẳng có đầu óc nào có thể thay thế hàng chục triệu đầu óc, và chẳng có chính quyền nào quan tâm đến quyền lợi của người dân, hiểu rõ những nỗi khổ, những ước mơ của người dân bằng chính người dân. Hãy để cho dân phát biểu, đất nước sẽ phát triển.

Nhưng quyền tự do phát biểu không phải chỉ bị cấm đoán bởi các chế độ độc tài mà còn bị khống chế bởi tập quán và dư luận.

Trương Vũ, trong bài nhận định về một giải pháp nhân bản cho Việt Nam, đã viết: "Vấn nạn chung của Việt Nam là số đông những người có suy nghĩ đúng đắn thường câm lặng" (10). Điều này không chỉ xảy ra ở trong nước, mà còn ở hải ngoại, nơi tự do ngôn luận được tôn trọng.

Thật ra, ở trong nước, dưới sự kèm kẹp của chính quyền, đã có nhiều người dũng cảm nói lên tiếng nói của mình, như Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Quảng Độ, Trí Siêu, Tuệ Sĩ, Nguyễn Ngọc Lan, Chân Tín, Nguyễn Đình Huy, Phạm Thái, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Kiến Giang, Nguyễn Thanh Giang, Tiểu Dao Bảo Cự, Bùi Minh Quốc,

Nguyễn Văn Trấn, Nguyễn Hộ... Nhưng ở hải ngoại, mấy ai đã nói lên những suy tư của chính mình?

Chúng ta im lặng một phần vì chúng ta không quen phát biểu ý kiến. Hàng ngàn năm độc tài và phong kiến đã tước đoạt quyền tự do phát biểu của chúng ta. Nhưng một phần khác, quan trọng hơn, là vì chúng ta cảm thấy bất lực trước dư luận. Chúng ta ý thức rằng, trong nếp sống dân chủ, mọi người đều bình đẳng và không ai có thể cho rằng chỉ có mình nắm được chân lý, nên ý kiến đa số được coi là lẽ phải. Với nhận thức này chúng ta không dám chống đối dư luận và nghi ngờ ngay cả ý kiến của mình, nếu ý kiến đó bị nhiều người bác bỏ. Thật ra, đây là một quan niệm hẹp hòi về dân chủ, nó chỉ đúng với nền dân chủ "cổ điển", nhưng không đúng với nền dân chủ đa nguyên. Quan niệm này không những giới hạn quyền tự do phát biểu ý kiến của mỗi người mà còn đe dọa cả dân chủ, như Tocqueville đã cảnh giác chúng ta cách đây hơn một thế kỷ rưỡi (11). Vì theo quan niệm này, một người nào hay một cơ quan quyền lực nào có được khả năng và phương tiện để hướng dẫn dư luận, hay nắm được dư luận, thì họ là lẽ phải, cũng như Vua là lẽ phải, Đảng là lẽ phải. Dân chủ đa nguyên tránh cho chúng ta đe dọa đó. Dân chủ đa nguyên chống lại mọi hình thức chuyên chính, kể cả chuyên chính của đa số (12). Dân chủ đa nguyên nhìn nhận và tôn trọng chỗ đứng và tiếng nói của mọi người, cũng như tôn trọng mọi khác biệt.

Chúng ta phải tập quen sống đời sống dân chủ đa nguyên, cần phải vượt lên sự sợ hãi dư luận. Dư luận có thể lầm lẫn. Chúng ta cần phải thẳng thắn bày tỏ quan điểm của mình, dù quan điểm đó không giống ai; và để cho người khác bày tỏ quan điểm của họ, dù quan điểm đó chưa có ai đề cập đến. Nếu được như vậy thì trí tuệ Việt Nam sẽ được khai thông.

Những bức tường bùng bít của các chế độ độc tài đang chao đảo, và chắc chắn sẽ sụp đổ, trước sức công phá của sự toàn cầu hóa và của những tiến bộ kỹ thuật trong các địa hạt giao thông, truyền thông và thông tin. Nhưng, những tiến bộ đó không thể mang lại cho chúng ta một tinh thần độc lập, khách quan. Chúng cũng không thể giúp chúng ta có thêm can đảm để phát biểu những ý kiến của mình, cũng như không thể nâng cao tinh thần khoan dung, khoan hòa trong các cuộc thảo luận. Tất cả tùy thuộc vào mỗi một chúng ta.

Chúng ta đang có thời cơ và phương tiện để đánh đổ chế độ độc tài hiện nay để xây dựng một thể chế dân chủ đa nguyên cho Việt Nam. Không những vậy, chúng ta đang có cả thời cơ và phương tiện để mở ra một kỷ nguyên mới cho Việt Nam, một kỷ nguyên hòa bình, văn minh và tiến bộ. Vấn đề còn lại là chúng ta có đủ sáng suốt và quyết tâm hay không. Lương tâm và lịch sử sẽ phán xét chúng ta.

Võ Xuân Minh

- (1) Will et Ariel Durant, *Histoire de la Civilisation*, cuốn thứ XXI, trang 322-350.
- (2) Vũ Thư Hiên, *Đêm giữa ban ngày*, trang 390-391.
- (3) Phan Bội Châu, trong *Việt Nam Vong Quốc Sử (?)*, đã than:
"Quyền quân chủ trên đầu ức chế.
Trải nghìn năm dân trí còn gì!"
- (4) Hà Sĩ Phu, *Đặt tay nhau đi dưới những tấm biển chỉ đường của Trí tuệ*, *Thông Luận* tháng 5-1993.
- (5) *Tăng Chi Bộ Kinh*, tập I, *Thế Kỷ 21*, tháng 6-1997, trang 30.
- (6) Cuốn này được Nguyễn Hiến Lê lược dịch với tựa: *Một quan niệm về sống đẹp*. Theo Nguyễn Hiến Lê thì Lâm Ngữ Đường (Lin Yutang) sanh năm 1895 ở Phước Kiến, du học tại các trường đại học Harvard, Leipzig. Một vài tác phẩm của ông đã được dịch ra mười bốn thứ tiếng, cuốn *The Importance of Living*, năm 1937, đã đứng đầu trong số những sách bán chạy nhất ở Mỹ luôn mười một tháng.
- (7) sdd, trang 84; 105; 106.
- (8) sdd, trang 204.
- (*) thực bất yếm tinh, khoái bất yếm tế.
- (**) bất đắc kỳ tương bất thực, cát bất chính bất thực, sắc ác bất thực, xú ác bất thực.
- (***) cô tưu thị bồ bất thực.
- (9) Là một thành viên Thông Luận, tôi cũng như những thành viên khác cố sức cho *Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên*, nhưng chúng tôi hiểu rằng dự án đó luôn cần được bổ túc và sửa chữa: *Cơ Sở Tư Tưởng* ra đời năm 1986, rồi đến *Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên 1992*, và gần đây là *Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên 1996*.
- (10) Trương Vũ - *Về một giải pháp nhân bản cho Việt Nam nhân vụ xử một trí thức trong Đoàn Viết Hoạt và nhóm Diễn Đàn Tự Do*, Trăm Hoa, 1993, trang 208.
- (11) *Dictionnaire de la pensée politique*, Hommes et Idées, Hatier 1989, trang 782-788.
- (12) *Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên 1996*, *Thủ Thách và Hy Vọng*, trang 19.

THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)
Giá báo một năm: 200 FF hoặc tương đương

Ngân phiếu xin đề
VIETNAM FRATERNITE
(xin dừng đề Thông Luận)
Địa chỉ liên lạc mới:

THÔNG LUẬN
124 bis, rue de Flandre
75019 Paris, FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với
đại diện Thông Luận tại Đức:
Ông Nguyễn Thanh Lương
Habsburgerallee 104
60385 Frankfurt aM.
Tel: 069-4940048 Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn
(60 DM/năm) vào trương mục:
Frankfurt Volksbank e G
THANH LUONG, NGUYEN
Konto-Nr: 00 77 70 82 94
Bankleitzahl: 50 19 00 00

Bạn đọc tại Bắc Mỹ
có thể liên lạc qua địa chỉ:
Thong Luan
P.O. Box 7592
Fremont, CA 945537 - 7592

Ngân hay chi phiếu xin đề tên
Mrs Quan-My-Lan

THÔNG LUẬN

Ấn bản Hòa Lan

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
do **Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam**:
Stichting Mensenrechten voor Vietnam

Giá báo một năm: 55 gulden,
xin chuyển vào
trương mục của hội: giro nr 6234112.
Postbus 40083

**Thông Luận hoan nghênh
mọi ý kiến đóng góp
mọi ủng hộ tài chánh
và cảm ơn quý vị cố động
để phổ biến nó**

Cộng đồng hải ngoại đi về đâu?

Đặng Ứng Hà

1

Cộng đồng Việt Nam hải ngoại hiện nay là một cộng đồng bao gồm rất nhiều những yếu tố đối lập nhau: quốc nội và hải ngoại, quốc gia và cộng sản, trẻ-già, bắc-nam, hoa-việt, cực đoan-ôn hòa, thủ cựu-cấp tiến, phật giáo-công giáo, tị nạn cũ-tị nạn mới... Tổ chức người Việt mọc ra như nấm, và phản ảnh tâm nhĩn, quan điểm của mỗi nhóm, và rất nhiều khi chỉ muốn phủ định sự có mặt của những nhóm khác mình. Sự phồn tạp như thế tự nó cũng có nét đẹp của nó, là thể hiện tinh thần tự do của con người - chỉ khi nào nó lạm dụng quyền tự do để đi đến hành động muốn triệt tiêu kẻ khác, thì có "vấn đề" đấy. Trong cộng đồng đa tạp như cộng đồng chúng ta, ai có tư cách gì để đòi cấm đoán người này, tổ chức này làm việc gì mà họ chọn lựa? Ai có tư cách gì để phán xét người này là chống cộng, người kia là không? Ai có thể bảo mình "yêu nước" hơn kẻ khác? Thực tế thì người ta vẫn cư xử với nhau như thế, nhưng cũng có những người khác xem những kiểu tiếp xử như thế rất là một chiều, thiên cận. Chỉ vì thái độ như thế không thể chấp nhận nổi trong khung cảnh một cộng đồng thế giới ngày nay. Từ mấy thập niên vừa qua, khung cảnh thế giới mà chúng ta đang sống là một khung cảnh có những biến động lớn, đưa đến những đổi thay lớn.

2

Có ba yếu tố chi phối mạnh đến sự đổi thay cộng đồng thế giới ở nửa thế kỷ XX. Trước hết là sự phát triển phi mã của *tin học* và vai trò của nó trong đời sống. Tin học phát triển đã thúc đẩy sự thông tin liên lạc, đã mở rộng cánh cửa để mỗi cá nhân hay cộng đồng có thể mở cửa ra thế giới rộng lớn. Tin học càng phát triển thì càng xóa bỏ tình trạng cô lập của các cộng đồng. Khả năng tiếp xúc gia tăng thì tầm hiểu biết về thế giới càng tăng. Sự phát triển tin học đã làm đảo lộn cách nhĩn của con người đối với thế giới, thu hẹp dần ảnh hưởng của lẽ thói tư duy thiên cận, cố chấp. Đây là nhân tố làm thay đổi sinh hoạt văn hóa của cộng đồng thế giới. Lằn ranh giữa tiến bộ và lạc hậu, giữa cô lập và hòa đồng trở nên rõ ràng hơn, dứt khoát hơn.

Yếu tố thứ nhì là *sự thay đổi của thế giới* tư bản và cộng sản trong nửa sau thế kỷ XX, đã vượt bỏ những cách nhĩn thế giới và xã hội như là giai đoạn trước và sau thế chiến II. Cả một cảnh quan thế giới đã tàn lụi, để đưa đến một "trật tự thế giới mới". Đây là một chuyển biến rất mới của cục diện thế giới. Tìm hiểu về hiện tình thế giới mà không nhĩn nhận sự thể là một trật tự thế giới mới đang hình thành, chỉ là thái độ "con đà điểu". Trong cục diện thế giới như thế, cộng sản hay tư bản, hoặc nói theo cảnh ngộ người Việt, "quốc gia" và "cộng sản" chỉ còn là một hình ảnh của dĩ vãng, của những lực lượng xã hội đã hết vai trò lịch sử của chúng.

Về mặt sinh hoạt tinh thần cũng đang trải qua một sự thoát xác lớn lao chưa từng thấy trong suốt một thế kỷ sôi động của sinh hoạt văn hóa. Các tư trào đã thay chân nhau trong những thời hạn rất ngắn ngủi. Đến cuối thế kỷ thì trong khắp các địa hạt trí thức, người ta nói nhiều đến "*thời kỳ hậu-hiện đại*" như một thời thượng tri thức. Cốt lõi của "chủ nghĩa hậu hiện đại" không là gì khác là sự nhĩn thức của văn hóa hiện đại là sự phá bỏ hết mọi huyền thoại về sự hiểu biết chân lí cuộc sống. Sự thật của cuộc sống, của tri thức của con người không còn là một tri thức nhất nguyên, nhị nguyên nữa. Con người trong thế giới hiện đại đứng trước một viễn ảnh rất chông chênh: những gì mình hiểu biết về thế giới chỉ là một hạt cát sông Hằng, chẳng có tư thế gì mình có thể hãnh tiến để phê phán, kết án người anh em của mình.

Cục diện mới của thế giới đang là tiền đề cho một *kỉ nguyên đa nguyên* đang trên đà thành hình trên khắp các mặt của cuộc sống. Một cảnh quan văn hóa mới của thế giới chẳng? Hãy còn quá sớm để kết luận như vậy. Chỉ có một điều đã hiển nhiên là hệ thống giá trị mới, tư tưởng đa nguyên, đang là sự vận hành mới của văn hóa thế giới.

3

Sự vận động của cộng đồng người Việt Nam chúng ta không thể tách rời sự vận động chung của khung cảnh văn hóa chung của thế giới.

Một nét lớn của văn hóa Việt Nam

trong suốt thế kỷ XX là ở tính cách đối kháng quyết liệt giữa các thành phần của văn hóa dân tộc. Đạt mức căng thẳng cao độ là những thập niên cuối này của thế kỷ, khi thế giới đã bước vào thời kỳ văn hóa "hậu hiện đại". Có thể quy những thành phần đối kháng nhau đó vào hai thành phần chính, dựa trên tính cách của chúng trong mối quan hệ lẫn nhau. Ở đây những khái niệm về "văn hóa mới" và "văn hóa cũ". Văn hóa cũ là những hệ thống giá trị tinh thần đương đại, xem như những khuôn mẫu về giá trị của một cộng đồng, và là hệ quy chiếu giá trị cho mọi hình thái sinh hoạt văn hóa của cộng đồng đó. Ngược lại, văn hóa mới là những hệ giá trị đương hình thành, có thể là kết quả của sự kế thừa và phát triển từ những hệ giá trị cũ, mà cũng có thể là do sự phản động lại những hệ giá trị cũ. Trong quá trình biến chứng sinh thành thì văn hóa mới hôm nay sẽ là văn hóa cũ trong tương lai.

1. Thành phần văn hóa thủ cựu, lấy hệ giá trị của mình làm thước đo giá trị:

Đâu là những thành phần "văn hóa cũ"? Thành phần này trải rộng ra từ những tầng lớp xã hội chọn lựa hệ giá trị phong kiến Tống Nho, hệ giá trị vô sản... Dù là những hệ giá trị khác nhau nhưng tất cả đều có chung một tính cách, là *thủ cựu, cố chấp*. Điều đó chẳng có gì ngạc nhiên, nếu ta nhớ là tất cả các thành phần văn hóa này đều xuất thân từ hệ tư tưởng nông dân, vốn rất bảo thủ, và sẵn sàng chết cho sự cố chấp của mình. Thành phần văn hóa cũ còn bao gồm những người mà chúng ta thường gọi chung là những người "chống cộng", "quốc gia" trong cộng đồng dân tộc chúng ta hiện nay, dù là ở trong nước hay ở hải ngoại.

Tập hợp thành phần văn hóa cũ như thế thì khá rộng, bao gồm nhiều tập hợp nhỏ rất khác biệt nhau về nhiều mặt, nhưng lại đồng nhất với nhau ở chỗ rất cơ bản: đối với tất cả những người này thì "đằng sau dãy núi Pyrénées là sự sai lầm", lịch sử của loài người đến họ là ngừng lại, hệ giá trị của họ là đỉnh cao của trí tuệ loài người.

Hoàn cảnh xã hội Việt Nam trong hơn năm trăm năm qua đã có thừa thời gian để tích lũy lực lượng văn hóa thủ cựu, bao

gồm thành phần văn hóa phong kiến, văn hóa thời thuộc địa và cuối cùng là văn hóa vô sản. Trong khung cảnh thế giới hiện nay, những thành phần văn hóa cũ này đang bị lùi dần vào góc tối của lịch sử. Mau hay chậm là tùy ở nhịp độ phát triển (của kinh tế xã hội) và dân chủ (trình độ dân trí).

2. Thành phần văn hóa cấp tiến, lấy hệ giá trị đa nguyên làm thước đo giá trị:

Phải nói ngay là trong quá trình lịch sử, thành phần văn hóa này là động lực của mọi phát triển, tiến bộ. Điều kiện tinh thần cơ bản của thành phần văn hóa cấp tiến là không bó hẹp trong khuôn khổ hệ giá trị đương thời, mà sẵn sàng nhìn nhận những giá trị mới xem như là những nhân tố của phát triển, tiến bộ. Thời nào cũng thế, trong khi thành phần văn hóa bảo thủ chỉ nhìn nhận những giá trị văn hóa là tinh tại, thì thành phần văn hóa cấp tiến nhìn nhận những giá trị, bản sắc văn hóa cũng chỉ là một "cơ thể sống", đòi hỏi những sinh lực mới để tồn tại qua chiều dài của lịch sử. Những con người như Ngô Thời Nhậm, Nguyễn Trường Tộ, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh... là những con người tiên phong ở thế hệ của họ. Vai trò lịch sử của họ bền vững hay ngắn ngủi là do khả năng thích nghi của họ đối với những hệ giá trị mới, thể hiện qua khả năng tự phủ định để tiếp nhận nhân tố văn hóa mới.

Hiện nay, cuộc vận động cho phong trào dân chủ đa nguyên ở cuối thế kỷ XX đã bùng lên từ những ánh lửa duy tân của một thời đại mới, mà biểu tượng của thời đại là những chiến sĩ trong nhà tù vì lí tưởng đấu tranh chống lại thái độ độc quyền của người cộng sản, và gương cao ngạo cờ tự do và dân chủ đa nguyên. Họ cũng còn là những người đang vận động dân chủ ở khắp nơi tại hải ngoại trên mọi địa bàn hoạt động: văn nghệ, hoạt động xã hội, truyền thông, chính trị, giáo dục... Những người vận động cho dân chủ đa nguyên không hề dị ứng với bất cứ những hệ giá trị của văn hóa cũ, trong đó có văn hóa của người vô sản. Nhưng họ không còn thấy bất cứ thành lũy phòng ngự của những hệ giá trị đó là có thể chấp nhận được. Tất cả những hệ giá trị tinh thần nào không có khả năng thích nghi vào một thời đại mới thì sẽ không có đủ sinh lực đi vào tương lai. Đó là những hệ giá trị của buổi hoàng hôn.

Thành phần văn hóa cấp tiến, tiến bộ hiện nay nhìn nhận những giá trị truyền thống nhưng cũng hiểu rằng những cái gọi

là "giá trị truyền thống", "bản sắc Việt Nam" chỉ là những cái xác không hồn nếu chúng không giúp cho đất nước chúng ta vực dậy mà bước vào thế kỉ XXI. Cuộc vận động trường chinh đi tìm bản sắc Việt Nam đã diễn ra từ năm trăm năm có lẽ rồi, chứ chẳng phải là mới đây. Hành lí của lịch sử dân tộc bốn nghìn năm là một hành lí phong phú nhưng nặng nề. Đứng trước ngưỡng cửa thế kỉ mới, cuộc kiểm thảo văn hóa là một sự tất yếu cho một cuộc lên đường lãnh mệnh.

4

Hai thành phần của cuộc đấu tranh văn hóa vừa kể đang vận động như thế nào trong khung cảnh xã hội hiện tại? Có nhiều hình thái giao lưu trong thời kì chuyển tiếp, giữa hai thành phần văn hóa, và cả giữa các yếu tố của mỗi thành phần văn hóa nói trên.

1. Trước hết là sự chung sống giữa các thành phần khác nhau của hệ giá trị "văn hóa cũ".

Hiện nay, sự cộng tồn của những thành phần văn hóa thủ cựu đang diễn ra những xung đột gay gắt. Sự chung sống không có hòa bình, nhưng không có con đường nào khác. Những thành phần văn hóa đối lập nhau thường chỉ triệt tiêu lẫn nhau; nhưng lịch sử cũng phơi bày một nghịch lí vi đại là những kẻ thù như thế lại rất cần nhau để tồn tại, và để bảo vệ lẽ tồn tại của mình. Vì họ đang cần liên minh trong việc chống phá những người tiên phong cấp tiến.

Hãy lấy trường hợp người cộng sản và người "quốc gia chống cộng" đồng thanh tấn công chủ trương "hòa giải hòa hợp dân tộc". Người cộng sản không bỏ lỡ cơ hội để hô hào "hòa hợp hòa giải dân tộc", nhưng lại không hết lời thóa mạ những ai muốn "hòa giải hòa hợp dân tộc". Vì lẽ rằng những người dân chủ trong và ngoài nước khi đưa ra phương châm "hòa giải hòa hợp dân tộc" đã là tấn công vào tim đen của một thái độ thù địch của thành phần văn hóa cũ, tấn công vào chính lẽ tồn tại của thái độ muốn độc quyền, một thái độ ứng xử thiếu văn hóa.

Cùng một thái độ ứng xử tương tự như trên, nhưng ở một tư thế đối lập hẳn, những người gọi là "chống cộng" trong cộng đồng sẵn sàng nhân danh lí tưởng chống cộng để có thể lên án những người chủ trương hòa giải hòa hợp dân tộc là tự trói mình quỳ lạy cộng sản để xin bắt tay cộng tác, là đầu hàng, là phản bội (!).

Thái độ cực đoan của văn hóa cũ đã dẫn đến những hành vi bạo động, chẳng

hạn như hô hào tẩy chay sách báo, hoặc kéo lê những quyển sách in tại hải ngoại mà dám đặt vấn đề đối thoại với người cộng sản, dù là để nhằm mục đích gợi mở ý thức về sự phi lí của tham vọng độc quyền chân lí. Thái độ như thế thật là đồng tính cách với hành vi của khối hồi giáo cực đoan khi họ đốt sách, tuyên án tử hình nhà văn Salman Rushdie - một hành vi khó giải thích nếu không nhìn từ bình diện văn hóa.

Những mâu thuẫn kịch liệt trong nội bộ thành phần "văn hóa cũ" là hệ quả của lối ứng xử của tư tưởng nông dân, mà đặc tính của nó là sự bảo thủ, trì trệ. Tư tưởng nông dân rất khó tiếp thu những yếu tố văn hóa mới. Lối suy nghĩ nông dân như thế là biểu hiện của óc thiển cận, và từ đó đến óc cố chấp thì khoảng cách không xa bao lắm.

2. Ngoài ra, còn có sự chung sống giữa hai thành phần "văn hóa cũ" và "văn hóa mới".

Trong lòng xã hội Việt Nam đã không ngừng dấy lên những tiếng nói ngược chiều. Đó chính là những dấu hiệu của sự xung đột giữa hai hệ giá trị cũ và mới trong xã hội. "Khi quần chúng tự thức tỉnh, và nhận ra rằng không thể chấp nhận một cuộc sống như cũ nữa", thì xuất hiện những Đức Nhuận, Quảng Độ, Nguyễn Đan Quế và Đoàn Viết Hoạt cùng những người như Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát, rồi sau đó những Nguyễn Kiến Giang, Hà Sĩ Phu, Bảo Cự... Tất cả đã lên tiếng cách khác nhau nhưng cùng đặt lại giá trị của nền tảng của hệ giá trị hiện tồn trên đất nước. Hệ giá trị văn hóa đương đại bỗng nhiên hết còn là những giá trị bất hoại. Phong trào vận động dân chủ đa nguyên hiện nay đã thu hút những nhân vật trong và ngoài đảng cộng sản, và đang là một nhân tố quan trọng để thúc đẩy sự hình thành một mũi tiến công trên toàn bộ cuộc sống văn hóa dân tộc. Văn hóa cộng sản chỉ còn là một thứ "vật chất" cũ kĩ, đang chờ đợi sự đào thải của lịch sử. Sự đấu tranh giữa cái cũ và cái mới như thế là một sự đấu tranh đối kháng của thời đại hôm nay.

Tại hải ngoại, sự chung sống của hai hệ văn hóa cũ và mới cũng đang diễn ra dưới một hình thái tương tự. Giữa một tình hình trì trệ của một cộng đồng lưu vong vừa cay đắng cho sự thất bại nhục nhã, vừa bùng cháy một niềm thù hận, cộng đồng người Việt hải ngoại vùng vẫy trong giấc mơ phục quốc, buổi đầu chỉ với một vũ khí quen thuộc: bạo lực. Cộng

đồng nhận ra rất nhanh là thế giới đã thay đổi, bạo lực chỉ là một phương tiện không tưởng.

Đối với một thành phần khác của cộng đồng hải ngoại, sự hình thành mặt trận dân chủ là một hướng hành động mới, phù hợp với một ý thức mới về cuộc vận động chính trị-văn hóa mới: dân chủ đa nguyên. Sự có mặt của những tập thể như nhóm *Thông Luận, Hợp Lưu, Trăm Con, Đối Thoại...* chẳng hạn, là những tiếng nói mới, nổi lên từ một cộng đồng đang chìm nhập trong hệ giá trị của văn hóa cũ. Hành trình văn hóa mới tại hải ngoại cũng chẳng âm ả gì, vì lẽ tất nhiên là lực lượng văn hóa cũ phải chống phá để bảo vệ lẽ tồn tại của mình. Những hành vi phá hoại và bạo động đối với những cá nhân và tập thể cấp tiến nói trên là phản ứng tất nhiên của văn hóa cũ trong cuộc "độ sức lịch sử" này.

Tính cách nổi bật của cuộc đối đầu giữa cái cũ và cái mới ở đây là sự đối đầu của hai ý thức: giữa bảo thủ cố chấp và cấp tiến, giữa sự đoái tưởng di vãng và nhìn về tương lai. Chứng cứ? Hãy lấy một thí dụ rất dễ thấy: văn học nghệ thuật. Văn học hải ngoại giai đoạn từ 1975 đến nay phần ảnh khá rõ hình thái sinh hoạt văn hóa của cộng đồng hải ngoại: hai thành phần văn hóa cũ và mới cùng đan xen với nhau trong cuộc tranh giành ảnh hưởng trong quần chúng. Và cũng là sự phản ảnh trung thực cán cân lực lượng, rất nhiều phần sinh hoạt chủ nghĩa chỉ là một khoảnh nối dài của văn nghệ Việt Nam Cộng Hòa cũ. Nội dung của sinh hoạt văn học nghệ thuật cũng rất nhiều phần là sự đoái tưởng di vãng. Điều đó cắt nghĩa hiện tượng "chặng lại" và "chất vấn lương tâm" của văn nghệ hải ngoại, khi những sáng tác của một vài tác giả cấp tiến trong nước (Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Nguyễn Duy... chẳng hạn) lọt ra đến ngoài. Ý thức làm mới văn học văn học nghệ thuật *chưa* phải là một ý thức chủ đạo của giới văn nghệ hải ngoại. Chỉ có một số không nhiều các tập san và nhà xuất bản thực sự nhìn nhận một thôi thúc mới, đi tìm những giá trị mới cho sinh hoạt văn hóa.

3. Bên cạnh hai hình thái chung sống không hòa bình giữa văn hóa cũ và văn hóa mới, cũng cần ghi nhận thêm một hiện tượng thứ ba: *sự lẩn tránh*. Đây là dấu hiệu của cự phân hóa thành phần văn hóa cũ mà thôi. Không muốn đối đầu giữa cũ và mới, một thành phần của hệ giá trị cũ tìm được một tuyến phòng ngự khá an

toàn; "làm văn hóa thuần túy", "bảo tồn quốc học".

Phải nói ngay rằng trao quyền văn hóa cho thế hệ trẻ là một nhu cầu thường xuyên, dù là văn hóa cũ hay văn hóa mới, dù là ở trong nước hay ở ngoài nước. Trao quyền văn hóa dân tộc cho thế hệ trẻ là trao lại tám căn cước văn hóa của một cộng đồng dân tộc. Chuyện đáng nói ở đây là *thái độ chọn lựa* của một thành phần của cộng đồng: thái độ lẩn tránh việc nhận diện bản chất chính trị của cuộc đấu tranh giữa hai hệ giá trị văn hóa cũ và mới. Văn hóa dân tộc đang phải đương đầu một thử thách lịch sử, đang cần phải lột xác để đi vào kỉ nguyên văn hóa mới. Vậy thì thái độ nào là thái độ chính đáng của người làm văn hóa?

Một ý thức tồ bồi quốc học không thể không gắn liền với ý thức về những hệ giá trị mới qua mỗi thời kì tiến hóa cả văn hóa dân tộc. Thế hệ trẻ cần được giảng cho thấy là tiền nhân chúng ta chưa bao giờ tọa hưởng văn hóa dân tộc như một mâm cỗ thần kì, mà quốc học đã phải là những vận hành, những đấu tranh giữa những hệ giá trị cũ và mới, cấp tiến và thủ cựu ở mỗi thời kì lịch sử. Chò nên, nếu trống đồng Đông Sơn có linh thiêng thì hãy đóng lên tiếng trống thúc giục dân tộc sớm hình thành kỉ nguyên văn hóa mới của Việt Nam. Nếu trống đồng có khôn thiêng thì cũng cần phải hiểu cho rằng không bao giờ lịch sử dân tộc lại quay trở lại kỉ nguyên Văn Lang đâu, dấu cho kỉ nguyên ấy có là thời hoàng kim của dân tộc từ ba nghìn năm trước. Cái còn lại của "văn hóa Văn Lang" và "văn hóa Đại Việt" thật ra thì vẫn còn đó: tồ bồi quốc học đúng nghĩa là phải vận dụng gia sản cũ và những hoàn cảnh đất nước mới, để góp phần hình thành những giá trị văn hóa mới. Nhìn nhận gia sản văn hóa tổ tiên như vậy thì mới thấy thái độ lẩn tránh sự đối đầu giữa hệ giá trị cũ và mới là một thái độ ảo tưởng hay giả trá. Vì thời thế đã dẫn chúng ta đến cảnh ngộ đối đầu như thế, con người không thể giả vờ không biết đến tình thế "khẩn trương" đó.

5

Cộng đồng người Việt hải ngoại sẽ đi về đâu? Trong tình hình hiện nay, liệu cộng đồng này có sắm được vai trò gì trong cuộc vận động văn hóa mới? Cho đến nay, có ít nhất là ba quan điểm trái ngược nhau.

1. Quan điểm thứ nhất cho rằng cộng đồng người Việt hải ngoại trước kia là một tập thể ô hợp, không định hướng, và nhất

là thiếu lãnh đạo. Đến gần đây, khi những làn sóng Việt kiều về thăm nước đã quét luôn cả những phần tử chống cộng "đen tận răng" cũng dần dà lẩn lút công khai về thăm cố hương, thì cộng đồng hải ngoại hầu như đã tan rã dần.

Cộng đồng như thế chỉ còn là một đám đông vô danh, và sự gắn bó giữa các cá nhân và tập thể với nhau chủ yếu là trên cơ sở kinh tế, tiêu dùng. Nói cách khác, cộng đồng người Việt hải ngoại dường như đang như một bóng mờ sắp tan loãng. Cho nên những ai còn có lòng với đất nước không nên phí công vận động hồ hào đoàn kết với những bóng ma. Những người hoạt động dân chủ trong nước đang cần chúng ta hỗ trợ hơn.

2. Quan điểm thứ nhì lại cho rằng cộng đồng hải ngoại là một tập hợp những người con dân của đất nước vẫn không phụ rẫy đất mẹ. Và cộng đồng hải ngoại từ hai mươi năm nay vẫn đóng góp phần của nó vào việc phục hưng đất nước: số ngoại tệ khổng lồ hằng năm về tiếp cứu cho thân nhân nhưng cũng là gián tiếp giúp đất nước tỉnh lại sau những cơn thoi thóp vì sự quản lí tồi tệ ở trong nước. Đến nay, sau hai mươi năm tích lũy tài nguyên quý giá là nhân tài và vật lực, cộng đồng hải ngoại có thể sẽ còn có nhiều đóng góp phần mình vào việc xây dựng đất nước trong tương lai.

Chính vì vai trò rất tích cực như thế, cộng đồng hải ngoại xứng đáng có một chỗ đứng trong cộng đồng dân tộc. Cộng đồng hải ngoại phải nhận ra sức mạnh tiềm tàng của mình để nghiêm chỉnh nhận thức khả năng đóng góp cho việc thúc đẩy cho đất nước tiến nhanh trên con đường dân chủ và phát triển.

3. Còn quan điểm khác hẳn hai quan điểm trên đây về cộng đồng: hãy tạm không nên nghi nhiều quá về mối quan hệ giữa cộng đồng hải ngoại và đất nước. Mối quan hệ như thế phải là mối quan hệ hai chiều. Nhưng hiện nay, dường như chưa ai thực sự biết rõ đất nước - hay cụ thể hơn, những người trong nước - nghi gì về người ở nước ngoài. Những kẻ ra đi khỏi nước có hơn gì một thứ ngón tay thứ sáu, thậm chí những bèo bọt rác rưởi của dân tộc... Thôi, hãy trở về thực tại, hãy làm cái gì để xây dựng một cộng đồng đúng nghĩa là một tập thể có nghĩa lí, có bản sắc văn hóa, có đủ trình độ và tư cách để tự giới thiệu chính mình với cộng đồng thế giới. Hai mươi năm nay, cộng đồng hải ngoại chúng ta đều là những kẻ vắng mặt trước cộng đồng thế giới.

Cộng đồng có những biểu hiện tiêu cực (phản ảnh qua quan điểm 1) là từ những nguyên nhân cụ thể. Khi khắc phục được những yếu tố đó thì mới mong nghĩ đến xây dựng cộng đồng (quan điểm 3) tiến lên cùng nhịp của cộng đồng dân tộc và cộng đồng quốc tế. Có lẽ lúc đó mới dám mong nghĩ đến những đóng góp của nó đối với đất nước (quan điểm 2). Vậy đâu là nguyên nhân của tình trạng phân tán bất nháo của cộng đồng hải ngoại? Cho đến giờ, chúng ta chỉ nhìn nguyên nhân từ những xung đột văn hóa cũ và mới. Nhưng đến đây có lẽ phải thêm một nguyên nhân rất quan trọng nhưng hình như lại chưa được nhận diện đầy đủ và nghiêm chỉnh. Đó là bóng ma của "hội chứng tị nạn".

Hội chứng tị nạn là tập hợp những triệu chứng tâm lí thần kinh bệnh, thường gọi là tình trạng căng thẳng thần kinh kéo dài. Đó là kết quả của một chuỗi dài những thống khổ lớn, gây nên những chấn động tâm lí cùng tột. Con chấn động tâm lí này có thể là những hoang mang tột độ của người cán binh trong rừng mưa bom, của người lính chính quyền miền Nam trước và sau biến cố sấm 30-4-1975; có thể là những nhục nhằn và uất ức đau khổ vì chế độ đối xử trong các trại tù cải tạo; có thể là tâm trạng tủi nhục, hắt hủi của đời sống những kẻ bên lề xã hội... Mất mát! Đó là kết quả nổi bật của tâm sự của những người bị đẩy xuống "đáy địa ngục". Cho đến ngày phải chia xa cùng đất nước, nơi có bao người thân, bao nhiêu kỉ niệm vàng son... Khi đặt chân lên vùng đất lưu vong, người tị nạn càng ý thức rõ hơn nữa những mất mát vô cùng to lớn của mình, những mất mát không thể đền bù.

Cho dù những thống khổ phải chịu đựng ở quê nhà, rồi trên đường vượt biển có thể qua đi, những chấn động tâm lí vẫn để vương lại những hội chứng tâm lí nặng nề ở những cấp độ khác nhau. Tất cả những cảnh huống thương tâm kia sẽ công phá bản ngã từng người, có thể sẽ trở thành những vết thương không bao giờ lành được. Sự mất mát, mất quyền lợi, sự bị làm nhục, làm mất phẩm cách... đã gặm nhấm tự tin của con người, để rồi sẽ bùng ra không kiềm chế được khi phải bỏ đất nước ra đi.

Hội chứng tị nạn sẽ phai dần theo thời gian, nhất là khi con người đã tạo được một chỗ đứng trong xã hội lưu vong. Tự tin là yếu tố chế giải được hội chứng tị nạn. Nhưng có một số người phải chịu đựng rất lâu, thậm chí không thể giải gỡ nỗi hội

chứng tị nạn. Những biểu hiện của triệu chứng này có thể là: tâm lí nuôi tiếc đi vãng, luôn luôn lồi đi vãng ra đánh bóng lại để chạy trốn cái hiện tại u buồn, kém tự hào; tâm lí hoài nghi thất cả, hoặc bất mãn với tất cả. Trong lòng nhiều người đã nhen nhúm ý muốn trả thù, để đòi bồi thường lại những mất mát, đọa đày mình phải chịu vì một cuộc đổi đời.

Hội chứng tị nạn là nguyên nhân ẩn giấu của những hành vi bạo động của những con người đang tìm cách đòi bồi thường cái thế giá đã bị tước đoạt, hoặc nói chung là tất cả những mất mát to lớn trong đời. Nhưng khốn nỗi, kẻ thù phạm đã đày đọa mình, đã làm nhục mình, thì lại không có mặt quanh mình. Những người thân mến chung quang đã trở thành những bị cáo để cho mình dày xéo. Bọn bè mình hôm qua cũng có thể bị lôi ra tố khổ. Thay thế cho một kẻ thù vắng mặt.

Trong rất nhiều trường hợp, người bạn đường giấu mặt này đã trở thành một đồng minh đắc lực của hệ giá trị văn hóa cũ, trong thành tích đập phá, hủy hoại cộng đồng. Rất nhiều người "chiến sĩ chống cộng" rất hăng hái, nhưng là trong một cơn mê sảng kéo dài.

6

Hai mươi năm qua, cộng đồng hải ngoại vẫn còn loay hoay tự vấn về một hướng xây dựng, và nhất là thiếu những con người giàu khả năng lãnh đạo để làm một cuộc phục hưng thế giá của tập thể mình. Mà khi đã thiếu lãnh đạo thì cộng đồng này có là cái gì đâu trước thế giới! Khi chúng ta chỉ là một con số không vĩ đại thì đất nước có xem chúng ta là cái gì!

Một thứ vốn rất quý mà cộng đồng hải ngoại đã may mắn tiếp nhận trên đường lưu vong, là được học *sống dân chủ* trong một xứ sở *tôn trọng quyền tự do của con người*. Đó là điều kiện cơ bản để học tiếp nhận những giá trị mới trong cuộc đời hôm nay. Tùy vào đảm lược của mình, thế hệ người Việt đang chuẩn bị đón chào thế kỉ XXI có thể vinh hạnh góp phần mình vào việc phục hưng văn hóa mới cho dân tộc theo cùng một nhịp với việc xây dựng cơ sở văn hóa mới, văn hóa của kỉ nguyên đa nguyên của cộng đồng thế giới. Tùy đảm lược của mình mà cộng đồng này sẽ chỉ là một ốc đảo lạc lõng, một ngón tay thứ sáu của cộng đồng dân tộc, hay sẽ là một thánh Gióng trên hành trình xây dựng hệ giá trị văn hóa mới cho dân tộc. Để khỏi hổ thẹn với "bốn nghìn năm văn hiến".

Đặng Úng Hà

Thông báo: Một Văn phòng Liên đới Xã hội mới được thành lập

Ngày 1-10-1997, ông Trần Minh Răn đã thông báo sự thành lập của Văn phòng Liên đới Xã hội.

Nhằm mục đích phục vụ người đồng hương trong hoàn cảnh khó khăn, Văn phòng được tổ chức thành năm tiểu ban: thông dịch giấy tờ và cố vấn thủ tục, cố vấn luật pháp, cố vấn y tế, hướng dẫn học vấn và nghề nghiệp và ban giải trí. Mỗi ban chia ra làm hai đội ngũ gồm có những người thường trực và các chuyên gia.

D.C : Trần Minh Răn
18 rue du Pré Saint-Gervais
93500 Pantin (métro Hoche)
Đ.T : 01 41 71 12 11
Giờ làm việc : thứ bảy,
từ 10g đến 12g và 14g đến 17g

Giới thiệu sách mới

Nhà xuất bản Springer-Verlag, Heidelberg, Đức Quốc, sẽ cho ra mắt cuốn sách *Hạt cơ bản và những tác dụng của chúng, Khái niệm và hiện tượng* (Fundamental particles and their interactions, concepts and phenomena), dày 650 trang, 120 hình, do hai người Việt Nam, Giáo sư Phạm Xuân Yêm và Hồ Kim Quang, viết bằng tiếng Anh.

Đây là công trình nhằm trình bày những tiến bộ đáng kể của môn vật lý hạt cơ bản trong vài thập kỷ vừa qua và những tác dụng của những tiến bộ này trên cả hai lãnh vực lý thuyết và thực nghiệm. Cuốn sách giáo khoa này dành cho các sinh viên có trình độ cử nhân, quen thuộc với ngành cơ học lượng tử (quantum mechanics), thuyết tương đối và ngành điện động học cổ điển (classical electrodynamics).

Giáo sư Phạm Xuân Yêm, Tiến sĩ Quốc Gia Đại Học Paris, Pháp, Giám Đốc Nghiên Cứu tại Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Gia Pháp (Phòng Thí Nghiệm Vật Lý Lý Thuyết và Năng Lượng Cao của Đại học Paris VI-VII).

Giáo sư Hồ Kim Quang, Ph-D về Vật Lý tại Đại Học Massachusetts Institute of Technology (MIT), nguyên là Giáo Sư Đại Học McGill, hiện nay là Giáo Sư Vật Lý tại Đại Học Laval, Quebec, Canada.

Cuốn sách này của hai giáo sư Phạm Xuân Yêm và Hồ Kim Quang chứng tỏ trình độ chuyên môn cao của người Việt Nam tại hải ngoại và là một đóng góp vào niềm hãnh diện của cộng đồng chúng ta.

Góp ý kiến về bài viết của anh Nguyễn Gia Kiểng trên Thông Luận số 108

LTS. Chúng tôi xin nhắc lại một nguyên tắc về việc đăng bài viết của thành viên Thông Luận. Đó là, trong những bài viết hoặc phát biểu với danh nghĩa Thông Luận, những lập trường, nhận định đưa ra sẽ được anh chị em liên đới chịu trách nhiệm và chia sẻ. Các bài khác, ký tên riêng, tác giả chịu trách nhiệm chính và có nghĩa là tuy có thảo luận trong nội bộ, nhưng có thể có một thiểu số hay đa số thành viên Thông Luận không chia sẻ những lập trường và nhận định đưa ra. Tuy vậy, nếu tác giả yêu cầu, các bài này vẫn được đăng trên Thông Luận một khi không đi ngược lại lập trường cơ bản chung là Dân chủ đa nguyên, Hòa giải hòa hợp dân tộc và Tranh đấu bất bạo động. Bài viết "Về một vấn đề lịch sử" của anh Nguyễn Gia Kiểng ở trong trường hợp này. Xin giới thiệu với độc giả phần ứng dưới đây của các anh Hoàng Vũ và Nguyễn Phương, hai thành viên Thông Luận, về bài viết nói trên. Chúng tôi nghĩ rằng trao đổi, tranh luận công khai về tư tưởng, ý kiến là bình thường và cần thiết để tiến bộ.

Hai cách nhìn lịch sử

Hoàng Vũ

Tôi không đồng ý về nhiều điểm với anh Kiểng, tác giả bài viết "Về một vấn đề lịch sử", đăng trên Thông Luận số 108 tháng 10.1997. Từ cách đặt vấn đề, cách sử dụng, diễn giải các tài liệu lịch sử cho đến hiệu quả chính trị của bài viết. Tôi chắc tác giả đã dành nhiều thì giờ, công phu để viết bài này với một ý muốn tốt đẹp là nhằm chọc thủng "bức tường kiên cố" mà theo tác giả, đang là trở ngại cho cuộc vận động dân chủ hiện tại. Là thành viên Thông Luận, tôi tán thành và chia sẻ những ưu tư chính đáng đó. Nhưng bài viết có nhiều dẫn chứng thiếu chính xác và nhiều lập luận chủ quan nên tôi sợ không những nó không đạt được mục tiêu tác giả đeo đuổi mà ngược lại, qua tác giả, Thông Luận có thể bị mang tiếng là thiếu thận trọng và không thực tế.

Trước khi góp ý kiến tôi xin tóm tắt bài viết theo cảm nhận của một người đọc. Đầu tiên tác giả cho rằng "sau nhiều tranh cãi, đối lập dân chủ Việt Nam đã đạt tới đồng thuận về một lập trường tranh đấu" nhưng cuộc vận động dân chủ vẫn chưa được đồng bào trong và ngoài nước hưởng ứng vì "chúng ta dụng phải bức tường tâm lý kiên cố do lịch sử và văn hóa để lại". Đến cuối bài, người đọc mới hiểu được bức tường mà tác giả muốn phá vỡ là tâm lý chuộng những giá trị như "vô biên, độc đoán, hung bạo" của người Việt Nam qua việc tôn thờ Nguyễn Huệ, một nhân vật lịch sử mà theo tác giả là biểu tượng cho những giá trị đó. Tác giả giải thích tại sao Đảng Cộng Sản Việt Nam, tại sao ông Trần Trọng Kim ca tụng Nguyễn Huệ cũng như việc các lãnh đạo phe quốc gia trước đây, từ ông Ngô Đình Diệm đến các tướng lãnh thời trước 1975, đã tránh né tranh cãi về nhân vật lịch sử này. Phần giữa của bài viết gồm những diễn giải về những tài liệu liên quan đến nhà Tây Sơn

để khẳng định rằng Nguyễn Huệ chỉ là "một con người hung bạo", không có gì đáng để được coi là một anh hùng dân tộc.

Từ chính trị đến lịch sử

Nhận định của tác giả về đồng thuận của đối lập dân chủ cũng như lý do tại sao đồng bào trong và ngoài nước chưa hưởng ứng mạnh mẽ phong trào dân chủ theo tôi có phần chủ quan. Thứ nhất, nếu hiểu chữ đối lập với nghĩa những tổ chức, lực lượng chính trị tranh đấu cho dân chủ thì cho đến nay, ở trong nước vẫn chưa có đối lập dân chủ vì bị bộ máy kìm kẹp của đảng cộng sản đàn áp. Những chiến sĩ dân chủ quả cảm, trực diện đối lập với đảng thì ở trong tù. Một số khác, những lãnh đạo tôn giáo, trí thức, văn nghệ sĩ nếu chưa bị tù hay mới được thả thì vẫn bị đảng theo dõi, quản thúc chặt chẽ. Phong trào đòi dân chủ hóa đất nước tuy tiếp tục phát triển nhưng vẫn chỉ là những làn sóng ngầm, chưa có biểu tượng được đồng bào biết, chưa có tổ chức tối thiểu thì làm sao có được hưởng ứng công khai?

Đồng thuận về mục tiêu chung như dân chủ đa nguyên, tranh đấu chính trị bất bạo động, hòa giải hòa hợp dân tộc là điều kiện cần nhưng hiển nhiên chưa đủ vì quá tổng quát đối với đa số người Việt. Ngay cả đối với những thành phần trí thức, nhân sĩ, đồng thuận về đường lối tranh đấu cụ thể chung cũng chưa đạt được. Thất bại trước đây không lâu của cuộc vận động cho phong trào dân chủ qua lời tuyên bố của ông Nguyễn Hộ là một bài học, một kinh nghiệm. Ý niệm rõ rệt về những chủ trương trên chưa được phổ biến ngay cả trong giới sinh viên, trí thức thì nói chi đến đông đảo thành phần lao động đang vật lộn để kiếm sống? Hơn thế nữa, người Việt Nam đã quá ngán ngẩm với những

danh từ hoa mỹ, với những hứa hẹn chính trị về một ngày mai tốt đẹp. Những người dân chủ trong và ngoài nước chỉ có thể tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của đồng bào khi họ có thể thực hiện được lý tưởng của mình qua các cuộc tranh đấu hữu hiệu về dân sinh, dân quyền. Phải làm nhiều việc nhỏ rồi mới có khả năng, hậu thuẫn để làm việc lớn. Trong tình trạng phân hóa hiện còn tồn tại do mâu thuẫn "quốc/cộng" trước đây, tôi nghĩ nên tránh gây chia rẽ thêm hàng ngũ đối lập với đảng cộng sản vì những vấn đề không thiết yếu trong giai đoạn hiện tại. Nhất là khi đối lập nói chung và Thông Luận nói riêng chưa có đủ phương tiện truyền thông để trình bày rõ quan điểm của mình trên những vấn đề nhiều tình cảm và đam mê như việc đánh giá các nhân vật lịch sử. Nhất là khi khoa sử học ở Việt Nam, từ xưa tới nay, còn ở trong tình trạng phôi thai, nhiều vô đoán vì thiếu dữ kiện, tài liệu. Mặt khác, lịch sử lại luôn luôn bị các thế lực chính trị cầm quyền áp đặt quan điểm của mình để lợi dụng. Phổ biến các tư tưởng tiến bộ, tố cáo các tệ đoan của chế độ cộng sản và cố gắng kết hợp hành động trên một đường lối chung về mọi mặt, từ dân sinh, nhân quyền đến chính trị thiết tưởng vẫn là những điều ưu tiên phải kiên trì xúc tiến trong giai đoạn hiện tại. Do những lý do trên tôi không nghĩ như tác giả là đối lập Việt Nam đã có đồng thuận và chỉ còn trở ngại tâm lý.

Nguyên do số phận bi đát của đất nước

Cho rằng "qua Nguyễn Huệ chúng ta đã dung túng một số giá trị độc hại góp phần quan trọng tạo ra số phận bi đát hiện nay của đất nước" là một nhận định theo tôi quá đáng và không có cơ sở. Đây là làn

đầu tiên tôi được giải thích rằng tôn sùng vua Quang Trung-Nguyễn Huệ là tôn thờ "vô biên, độc tài, bạo lực". Trước đây, tôi chỉ biết Nguyễn Huệ dưới khía cạnh một người tướng "bách chiến, bách thắng", có công đánh đuổi quân Thanh, quân Xiêm và tiếc rằng ông đã mất quá sớm để có thể làm được những việc to lớn khác. "Số phận bi đát của đất nước" theo tôi, có thể được giải thích một cách khác là chính vì sợ bạo lực, sợ bị đàn áp nên người dân Việt hiện nay còn rúng động một chế độ dựa trên độc tài, bạo lực. Mặt khác, những danh từ như dân chủ, hòa giải hòa hợp trước đây đã bị đảng cộng sản lợi dụng nên nếu không có những biểu tượng rõ rệt thì phản ứng "chim bị đạn" của người dân bình thường là thận trọng, nghi ngại. Các dân tộc khác, chẳng hạn các dân tộc trong khối Liên Bang Sô Viết cũ, cũng ở trong tình trạng này trước khi phong trào dân chủ hội đủ điều kiện để bùng nổ. Tình trạng "một trời một vực" về mọi phương diện giữa Bắc Triều Tiên và Nam Triều Tiên hiện nay thật khó có thể giải thích bằng những khác biệt hay trở ngại do thành kiến và tâm lý xã hội. Lý do là người Triều Tiên sống ở Bắc hay Nam đều cùng thuộc một dân tộc, có chung một lịch sử. Có những yếu tố tâm lý nào khiến người dân Bắc Triều Tiên chưa vùng dậy được ngoại trừ sự sợ hãi trước chính sách đàn áp tàn ác và bạo lực của đảng cộng sản cầm quyền ở Bình Nhưỡng (Pyongyang)? Một cách tổng quát hơn, tôi nghĩ rằng trong khoảng từ 10 đến 15 năm gần đây những dân tộc ở Đông Á và Đông Nam Á, trong đó có dân tộc Việt Nam, không còn có những thành kiến tâm lý quan trọng gì có thể làm trở ngại cho việc phát triển kinh tế, xã hội. Vấn đề chính vẫn là trình độ dân trí và mức độ ý thức rõ rệt về vai trò của tổ chức xã hội trong việc phát triển đất nước, nghĩa là về chế độ chính trị. Còn độc tài toàn trị thì còn chậm tiến và chỉ có chế độ dân chủ đa nguyên, đa đảng mới đủ khả năng bảo đảm phát triển lâu dài cho đất nước. Những điều có vẻ đơn giản này chưa được phổ biến và do đó chưa được quần chúng tiếp cận nên vẫn chưa được đa số tin tưởng. Vì vậy, vẫn cần giải thích, thể hiện ở mọi mức, mọi nơi.

Diễn giải khác nhau trên cùng một chữ

Lẽ tất nhiên nói như trên tôi không có ý phủ nhận những trở ngại thứ yếu về mặt tâm lý xã hội, về văn hóa và lịch sử. Đó

là những vấn đề đã và sẽ luôn luôn được đặt ra cho mỗi dân tộc trong quá trình tiến triển của mình và cần được giải quyết trên tinh thần tôn trọng, tìm kiếm sự thật dù biết rằng sự tìm kiếm này có giới hạn và tính chất tương đối của nó. Điều nên tránh là đặt các vấn đề này dưới nhu cầu chính trị. Tránh đi vào con đường sai lầm mà các đảng cộng sản từ Đông sang Tây đã làm là tùy tiện viết lại lịch sử cho đúng với lý thuyết, ý thức hệ của mình. Tìm hiểu lịch sử của dân tộc mình là quyền của mỗi người dân. Trên địa hạt này, người công dân cũng như người tranh đấu chính trị có quyền tự do suy nghĩ và trình bày ý kiến của mình. Khả năng thuyết phục người khác đòi hỏi khiểm tốn và thận trọng vì cùng một sự kiện người ta có thể diễn giải bằng nhiều cách khác nhau. Tôi xin lấy một thí dụ nhỏ trong bài viết "Về một vấn đề lịch sử". Theo tác giả các viên tướng cầm quân của Nguyễn Huệ được gọi là đô đốc là vì "quân Tây Sơn do đám cướp biển huân luyện, và đối với bọn cướp biển chức đô đốc là một ước mơ". Đó là một cách giải thích nếu hiểu danh từ đô đốc với nghĩa hiện đại là đô đốc hải quân, người đứng đầu một hạm đội. Trong khi đó, theo tự điển Hán Việt của ông Đào Duy Anh cũng như nhiều tự điển tiếng Việt phổ thông thì từ đô đốc có nghĩa cũ là chức vị của một quan võ đứng đầu một đạo quân cũng như đề đốc là chức một quan võ đứng đầu tỉnh. Có thể thôi. Không có gì đáng để bàn cãi. Có thể ông Đào Duy Anh và từ đó những người làm tự điển khác đã dịch sai hay hiểu sai. Nhưng muốn chứng minh, cần có nhiều dữ kiện lịch sử hơn mới có thể khẳng định là cách giải thích nào gần sự thật hơn cả. Kết án vội vã về việc này, tôi nghĩ, không có tính thuyết phục đối với người đọc. Một thí dụ khác là trong phần kết luận có tính chất răn đe, tác giả cho rằng sắc dân Phénicien vì thờ thần Amon, biểu tượng của "chiến tranh và bạo lực", nên "sự hung bạo đã khiến họ tự hủy diệt và bị tiêu diệt sau đó". Tôi không biết tác giả lấy dữ kiện mới đó ở đâu vì so với các sách lịch sử "kinh điển" từ trước đến nay thì tác giả viết khác nhiều quá. Thần Amon là một vị thần thành Thèbes của người Ai Cập vào khoảng 2000 năm trước Dương lịch (-2160 đến -1785) không phải của người Phénicien. Sau đó ít lâu, người Ai Cập kết hợp thần Amon với thần Rê (thần mặt trời) thành thần Amon-Rê, biểu tượng cho sức sống hơn là bạo lực. Sắc dân Phénicien (có nghĩa màu đỏ thẫm, do người Hy Lạp đặt

tên vì họ sống ở nơi sản xuất chất nhuộm màu đỏ) được coi là những người làm thương mại quốc tế đầu tiên của nhân loại. Họ nổi tiếng về nghệ thuật và đã phát minh ra cách viết bằng tự mẫu (alphabet). Không thấy sách nào nói họ đặc biệt tôn sùng bạo lực. Sống giữa hai đế quốc Ai Cập và Assyrie, họ luôn luôn bị các đế quốc trong vùng áp đặt chế độ bảo hộ và cuối cùng bị đế quốc La Mã thôn tính và mất hẳn từ khoảng giữa thế kỷ thứ nhất của Dương Lịch. Nhưng hai thí dụ trên không phải là những điểm quan trọng của bài viết "Về một vấn đề lịch sử". Nội dung chính của bài viết này là việc đánh giá lại vai trò lịch sử của Nguyễn Huệ mà tôi xin đề cập dưới đây.

Hai cách nhìn lịch sử

Về cách nhìn lịch sử, tác giả trình bày quan điểm như sau: "...Trong bài này, tôi muốn bàn qua về Nguyễn Huệ. Trước hết cần mình định: tôi không phải là sử gia, cũng không phải là một nhà nghiên cứu mà là một người hoạt động chính trị. Người hoạt động chính trị nói những điều cần nói, có bốn phạm phải nói trung thực, dựa vào những sự kiện nghiêm túc và lý luận một cách lương thiện. Nhưng người hoạt động chính trị, nếu không có thì giờ như trường hợp của tôi, không có bốn phạm phải ghi chú dữ kiện lấy từ sách nào, chương nào, v.v...Đó là công việc của nhà nghiên cứu. Những dữ kiện mà tôi dựa vào để bàn về Nguyễn Huệ là có thực, các sử gia đều có".

Sau đó tác giả đã dùng Hoàng Lê Nhất Thống Chí và "những lá thư kỳ lạ và xúc tích của sứ bộ Truyền Giáo Viễn Đông" để chứng minh các luận điểm của mình. Tôi không nghĩ là khi bàn về lịch sử người làm chính trị không cần phải tuân thủ những qui tắc khắt khe của khoa học lịch sử. Nhưng đó là quyền tự do suy nghĩ của tác giả. Tôi muốn bàn ở đây về những dữ kiện lịch sử mà tác giả cho là có thực cũng như về một vài ý kiến của tác giả nhằm (không kể theo thứ tự của bài viết) :

1. kết tội Nguyễn Huệ đã muốn thôn tính hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây.
2. cho rằng "cuộc khởi nghĩa Tây Sơn đã chặn đứng hẳn sự bành trướng của lãnh thổ Việt Nam vào đất Cam-Bốt".
3. cho rằng Nguyễn Huệ là nguyên nhân việc quân Thanh vào Việt Nam.
4. kết tội Nguyễn Huệ tàn ác.
5. đánh giá rất thấp thân thế và sự nghiệp

của Nguyễn Huệ.

Trước hết, tôi xin trình bày một nhận định tổng quát. Thông thường, có hai cách nhìn lịch sử: cách nhìn lịch đại (diachronique) là cách nhìn theo suốt chiều dọc các thời đại và cách nhìn đồng đại (synchronique) là cách nhìn tập trung vào một thời điểm nhất định, đúng hơn, vào toàn bộ xã hội chứa đựng trong thời điểm ấy. Lợi của cách nhìn lịch đại là đi sát được với tiến bộ vì quán triệt được mọi biến thiên qua nhiều thời điểm. Nhưng mặt khác, cách nhìn này có cái hại là dễ thành bất công, sai lệch vì nó thường đơn giản hóa sự kiện lịch sử khi tách sự kiện ấy ra khỏi toàn bộ của nó trải qua các thời điểm để chỉ đứng ở thời điểm chốt mà nhìn ngược dòng lịch sử. Về phần cách nhìn đồng đại thì ưu điểm là tương đối công bằng hơn, trung thực hơn nhưng lại mắc nhược điểm là lỗi thời vì không theo kịp tiến bộ. Do đó, nên tránh đứng tuyệt đối hóa một cách nhìn độc nhất - hoặc lịch đại hoặc đồng đại - để biến nó thành chân lý tuyệt đối mà nên kết hợp cả hai cách nhìn - vừa lịch đại vừa đồng đại - để có thể tương đối hóa sự phê phán trong tiến trình tiếp cận lịch sử. Đọc bài "Về một vấn đề lịch sử", tôi có cảm tưởng là tác giả, vì nhu cầu chính trị cũng như để thống nhất cách lập luận, đã độc tôn cách nhìn lịch đại để phê phán nhân vật "Nguyễn Huệ" về mọi mặt với những giá trị của thời đại hiện nay.

Các bản dịch Hoàng Lê Nhất Thống Chí

Trước khi dẫn chứng, tôi xin mở ra một dấu ngoặc để nói về Hoàng Lê Nhất Thống Chí (HLNTC). Theo Nguyễn Đức Vân và Kiều Thu Hoạch, hai dịch giả của cuốn sách này ra chữ quốc ngữ, thì đó là "một tác phẩm văn xuôi bằng chữ Hán trong từng thư của Ngô văn gia phái, một từng thư bao gồm nhiều tác phẩm văn sử, triết có giá trị của các tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Sơn Bình (Bắc Việt)".

Đây là một cuốn tiểu thuyết lịch sử viết theo lối chương hồi, do một số tác giả kế tục nhau viết, trong những thời điểm khác nhau.....Cuốn tiểu thuyết này kể lại những biến cố lịch sử xảy ra trong khoảng 30 năm từ năm 1767 (năm chúa Trịnh Sâm lên ngôi) đến 1802 (năm Nguyễn Ánh lên ngôi). Những biến cố lịch sử liên quan đến nhà Tây Sơn, đến hoàng đế

Quang Trung-Nguyễn Huệ và cuộc đánh bại quân Thanh cũng được tường thuật.

Nguyên tác bằng Hán văn của HLNTC đã thất lạc. Chỉ tìm thấy bốn bản sao chữ Hán chép tay: ba ở Hà Nội và một ở Paris. Các bản sao này cũng có ít nhiều chi tiết khác nhau.

Có ba bản dịch ra chữ quốc ngữ do các dịch giả sau đây thực hiện: Cát Thành, Ngô Tất Tố và Nguyễn Đức Vân, Kiều Thu Hoạch.

Các bản dịch này không giống nhau. Một câu hỏi khá quan trọng được đặt ra cho những người dùng tài liệu này là bản dịch nào theo sát bản sao chữ Hán nhất?

Theo bà Phan Thanh-Thủy, một nhà nghiên cứu Hán Nôm tại Paris, bản dịch của Nguyễn Đức Vân, Kiều Thu Hoạch theo sát bản sao chữ Hán nhất. Bà Phan Thanh-Thủy là học trò của cố bác sĩ Nguyễn Trần Huân, giáo sư khóa học Hán-Nôm của Trường Ecole Pratique des Hautes Etudes, Paris. Cố bác sĩ Nguyễn Trần Huân là một chuyên gia về Hán Nôm, mà bất cứ thức giả nào ở Paris đều biết tiếng. Bà là tác giả cuốn "Hoàng Lê Nhất Thống Chí, Traductions et Notes par Phan Thanh Thủy, Ecole Francaise d'Extrême-Orient, Collection de Textes et Documents sur l'Indochine, 1985". Đây là một cuốn sách dịch bốn chương đầu của HLNTC ra tiếng Pháp. Công trình nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ chương trình Nghiên Cứu Những Nguồn Sử Liệu, chủ trì bởi Trung Tâm Lịch Sử và Văn Minh Bán Đảo Đông Dương và Nhóm Nghiên Cứu Liên Hợp thuộc Trung Tâm Quốc Gia Nghiên Cứu Khoa Học (CNRS), hợp tác với Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp (Ecole Française d'Extrême-Orient). Trong phần dẫn nhập của cuốn sách, bà Phan Thanh Thủy cho biết công trình của bà dựa trên bốn bản dịch ra chữ quốc ngữ của HLNTC:

- Nguyễn Đức Vân, Kiều Thu Hoạch, tái bản lần thứ hai, Hà Nội, 1970

- Cát Thành, xuất bản lần thứ nhất, Hà Nội, 1912

- Ngô Tất Tố, tái bản lần thứ tư (?), Sài Gòn, 1969

- Nguyễn Đức Vân, Kiều Thu Hoạch, tái bản lần thứ ba, thành phố Hồ Chí Minh, 1978.

và bản sao viết tay bằng chữ nho của HLNTC, lưu trữ trong kho của Hội Châu Á (Société Asiatique, Legs Maspéro no H.M. 2143).

Cũng trong phần dẫn nhập này, bà cho biết đã chọn bản dịch của Nguyễn Đức

Vân, Kiều Thu Hoạch, tái bản lần thứ hai, Hà Nội, 1970, làm căn bản cho công trình của bà vì bản dịch này theo sát bản sao chữ nho nhất. Bà còn cho biết hai bản dịch của Cát Thành và Ngô Tất Tố có ít nhiều thêm thắt, ngay cả trong bố cục cũng thay đổi vì muốn trình bày như cuốn tiểu thuyết lịch sử nổi tiếng Tam Quốc Chí của Trung Quốc.

Trong phần tiếp theo của bài viết này, tôi sẽ dùng bản dịch của Nguyễn Đức Vân và Kiều Thu Hoạch, tái bản lần thứ tư, nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội, 1987, và tôi sẽ viết (sdd, ...) khi trích dẫn cuốn sách này. Tôi đã so sánh bốn chương đầu của cuốn này với bản dịch của bà Phan Thanh Thủy, tôi thấy hai bản giống nhau. Ngoài ra, không thấy đề 'thêm và sửa chữa' ở ngoài bìa của bản dịch tái bản lần thứ tư, tôi kết luận là bản dịch HLNTC tôi có trong tay và bản dịch mà bà Phan Thanh Thủy dùng, không khác nhau mấy.

Cách nhìn khác nhau

Sau đây, tôi xin tuần tự đưa ra một cách nhìn khác về các điểm 1., 2., 3., 4. và 5. kể trên.

1. Kết tội Nguyễn Huệ đã muốn thôn tính hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây.

"Nguyễn Ánh còn đang bành trướng thế lực ở trong Nam thì Nguyễn Huệ đã nghĩ đến việc đánh Trung Hoa. Thật là một ý đồ điên dại. Nếu Nguyễn Huệ còn sống để gây chiến với nước Tàu thì quả là đại họa cho nước ta. Cứ giả thử vua Càn Long cho không Nguyễn Huệ hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây thì ngày nay nước ta cũng đã bị xóa bỏ rồi" (TL 108, cột hai và ba, trang 16). "...Ngược lại, nếu Nguyễn Huệ còn sống để gây chiến với nhà Thanh thì rất có thể nước ta đã tan hoang và mất về tay quân Tàu" (TL 108, cột ba, trang 17).

Đây là một thứ công lý của chữ "nếu". Với thứ công lý này, bất cứ ai cũng có thể hết.

2. Cho rằng "cuộc khởi nghĩa Tây Sơn đã chặn đứng hẳn sự bành trướng của lãnh thổ Việt Nam vào đất Cam-Bốt".

"Nhà Tây Sơn tuy chỉ kéo dài một thời gian ngắn nhưng đã ảnh hưởng rất lớn lên lịch sử nước ta và địa lý chính trị trong vùng. Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn đã chặn

đúng hẳn sự bành trướng của lãnh thổ Việt Nam vào đất Cam-Bốt. Năm 1771, khi anh em Tây Sơn bắt đầu tấn công chúa Nguyễn cũng là năm cuối cùng mà một phần đất Cam-Bốt được sáp nhập vào Việt Nam. Lúc đó, đất Cam-Bốt gần như vô chủ, các chúa Nguyễn đồn dập mở rộng lãnh thổ, nhưng cuộc khởi nghĩa Tây Sơn đã làm họ sụp đổ và cuộc Tây tiến của Việt Nam chấm dứt. Nếu không có anh em Tây Sơn chắc chắn nước Cam-Bốt không còn" (TL 108, cột một và hai, trang 17).

Riêng điểm này lại mâu thuẫn với cách đánh giá bằng những giá trị hiện đại mà tác giả sử dụng để phê phán nhà Tây Sơn. Thật vậy, Thủ Thách và Hy Vọng, dự án chính trị chung của Thông Luận, trang 49, viết: "Gần nhất, chúng ta phải thắt chặt quan hệ hợp tác với hai nước bạn láng giềng Lào và Cam-bốt. Chúng ta đã là nạn nhân của một âm mưu chia để trị xuất phát từ thời ngoại thuộc Pháp mà ngày nay ta phải phá vỡ. Biên giới của ta với hai nước này không đời nào hai thế kỷ nay. Đó là một trong những biên giới ổn vững nhất thế giới, làm chứng cho khả năng sống chung hòa bình giữa Việt Nam, Lào và Kampuchea. Nhưng chúng ta cũng cần đồng ý tuyên cáo một chính sách hiếu hòa thực sự và làm nhiều cố gắng ngoại giao để đánh tan những hiểu lầm do một quá khứ còn khá mới để lại....".

Như vậy theo giá trị hiện đại anh em Tây Sơn có công, sao lại kết tội?

3. Cho rằng Nguyễn Huệ là nguyên nhân việc quân Thanh vào Việt Nam.

"Thực ra, chính Nguyễn Huệ đã là nguyên nhân đưa tới việc quân Thanh can thiệp" (TL 108, cột ba, trang 17). Nhận định này tương tự như quan điểm cho rằng nhà Nguyễn là nguyên nhân đưa tới việc Pháp đem quân sang đô hộ nước ta. Những lập luận như vậy không có tính thuyết phục vì lẫn lộn giữa nguyên nhân chính và những lý do bề ngoài. Ngay cả về lý do, thực ra, không phải Nguyễn Huệ cũng không phải Lê Chiêu Thống đã công rấn cắn gà nhà. Thủ phạm, theo HLNTC, là Lê Quýnh. "Đến khi quân Tây Sơn tới xâm lấn, kinh thành thất thủ, Quýnh vâng mệnh vua theo hầu thái hậu lên Cao bằng, rồi bị quân giặc đuổi bắt, phải chạy sang Trung Quốc. Vì Quýnh hơi biết chữ nghĩa, cho nên khi chuyện trò với người Thanh, thường bịa ra nhiều câu khoác lác. Tôn Sĩ Nghị cũng không xét đến chỗ đó, đem lời

tâu lên, vua Thanh ưng thuận. Thế rồi may được khôi phục lại nước nhà. Quýnh tự cho là công lao của mình.... Vua (Lê Chiêu Thống) cho là Quýnh có công, giao cho cầm quân" (sdd, cuốn II, trang 177)

Những "câu khoác lác" của Lê Quýnh là dân chúng còn mến vua Lê, chỉ cần đem quân Thanh qua, thì dân quân nghĩa sĩ sẽ nổi dậy chống Tây Sơn. Lúc đó vua Lê Chiêu Thống đang lẩn trốn tại miền Bắc Việt Nam, Lê Quýnh tự tiện xin nhà Thanh đem quân sang giúp. Đến khi Tôn Sĩ Nghị đem quân qua, không thấy ai nổi dậy cả mới mắng Lê Quýnh: "Người nước này nay quả thật không thể trông cậy được, thế thì lời cung khai của mày trước đây ra sao? Dám lừa dối ta chăng?" (sdd, cuốn II, trang 176)

4. Kết tội Nguyễn Huệ tàn ác.

"Nguyễn Huệ cũng rất tàn ác, các giáo sĩ thời đó dù bên Tây Sơn cũng ghê sợ về sự tàn ác của Nguyễn Huệ và gọi ông là một thứ Attila mới trong những thư họ viết cho nhau" (TL 108, cột hai, trang 16).

Chúng ta đều biết Attila là vua rợ Hung Nô, sống vào thế kỷ thứ năm (chết năm 453), đã tàn phá châu Âu châu Á. Đem quân sang thổ phỉ tận nước Pháp và Ý, giết người, cướp của, hãm hiếp đàn bà con gái. Attila đã in sâu trong tiềm thức của các giáo sĩ người Pháp, vì Nữ Thánh Geneviève (422-502), thành hoàng của Lutèce (tên của Paris thời bấy giờ), đã tuyên đoán Attila sẽ xâm chiếm nước Gaule (nước Pháp thời bấy giờ), nhưng bà bảo đảm với dân chúng Lutèce rằng Lutèce sẽ không việc gì. Và điều đó đã được thực hiện, như một phép màu.

Một cách công bằng, không thể nào so sánh vua một dân tộc có văn hóa và sống vào thế kỷ thứ 18 với vua một dân tộc bán khai sống vào thế kỷ thứ năm. Sự tàn ác, nếu có, sẽ ở hai mức thang giá trị vô cùng khác biệt, một trời một vực. Các giáo sĩ người Pháp muốn so sánh thế nào là quyền của họ, nhất là họ làm việc đó trong khuôn khổ riêng tư của các lá thư cá nhân. Nhưng tác giả là một người Việt Nam, lại dùng các văn thư ấy, để kết án gay gắt vua Quang Trung, thì theo thiên ý, đó là một việc làm thiếu thận trọng.

5. Đánh giá rất thấp thân thế và sự nghiệp của Nguyễn Huệ.

Một câu hỏi tuy là tiểu tiết, nhưng có tầm quan trọng của nó. Nguyễn Huệ có

phải xuất thân áo vải hay không? Nếu hiểu áo vải với nghĩa là Nguyễn Huệ không xuất thân từ dòng dõi vua quan thì không có gì để bàn cãi. Có lẽ tác giả muốn đả phá khẩu hiệu "nông dân áo vải" nên hiểu "áo vải" theo nghĩa giàu hay nghèo. Vì thế tác giả cho rằng Nguyễn Huệ là con nhà giàu có và trích dẫn HLNTC: "Theo sách HLNTC, Nguyễn Huệ là con ông Hồ Phi Phúc, người gốc Nghệ An, nhưng từ ba đời trước bị chúa Nguyễn bắt vào lập nghiệp tại làng Tây Sơn, thuộc tỉnh Bình Định. Đến đời các con thì đổi ra họ Nguyễn để dễ tiến thân. Họ Hồ dần dần trở nên khá giả, đến đời Hồ Phi Phúc thì mở sòng bạc nên càng giàu có. Nguyễn Huệ như vậy không phải xuất thân là một nông dân áo vải như Việt Nam Sử Lược viết" (TL 108, cột 3, trang 15). Trong khi đó, theo bản HLNTC mà tôi có thì lại viết: "Văn Nhặc trước kia nhà nghèo, nhưng sau nhờ vào việc gá bạc mà gia tư bỗng trở nên giàu có" (sdd, cuốn I, trang 90). Điều đó có nghĩa là Nguyễn Huệ là con nhà nghèo vì Văn Nhặc (tức là Nguyễn Nhặc, anh cả của Nguyễn Huệ) nhờ gá bạc mà giàu chứ không phải là cha của ba anh em Tây Sơn nhờ gá bạc mà giàu.

Về thân thế ăn cướp của ba anh em Tây Sơn, HLNTC có viết: "...Nhặc từng làm biện lại ở Văn Đồn, nên người ta vẫn thường gọi là biện Nhặc. Biện Nhặc vì tiêu mất tiền công, bèn trốn vào núi, tụ tập tay chân hơn một trăm người, rồi đi ăn cướp ở các châu ấp. Viên trấn tướng vùng ấy không sao trị nổi.

Từ đó, biện Nhặc tự xưng là chúa Tây Sơn" (sdd, cuốn I, trang 90).

Như vậy, theo HLNTC, vị biện Nhặc tiêu mất tiền công, trốn vào núi, sau đó đi ăn cướp. Vào thời bấy giờ, Trương Phúc Loan chuyên quyền làm nhiều điều bạo ngược, quan lại tham nhũng, hiếp đáp dân lành, loạn lạc khắp nơi, ăn cướp là một phản ứng tự nhiên của những người cùng quần. Ngày xưa, nếu không "cướp" ngôi thì có cách nào thay đổi triều đại?

Tác giả thì cho rằng: "Ba anh em Nhặc, Lữ và Huệ lớn lên đi ăn cướp.... Có lẽ họ hoành hành khá lâu tại vùng Tây Sơn nên sau này khi họ làm vua người ta vẫn gọi họ là nhà Tây Sơn" (TL 108, cột ba, trang 15).

Người ta có thể hiểu là, ba anh em hồi bé là dân du thủ, du thực, đá cá lặn dưa, không có nghề nông gì nuôi thân, nên "lớn lên đi ăn cướp". Lại vì ăn cướp quá lâu tại Tây Sơn, nên về sau lúc làm vua rồi, vẫn "bị" gọi là vua Tây Sơn, nhắc nhở quá

khử ần cướp trước kia. Trong khi đó, HLNTC cho là biện Nhạc tự xưng là chúa Tây Sơn.

Về tài cầm quân của vua Quang Trung, HLNTC, có viết:

"...Sau đó nhà vua truyền lệnh : Các viên tướng ở trung quân thuộc về doanh vua sai phái là đại tư mã Sở; nội hầu Lân đốc suất tiền quân làm tiên phong; Hám hỗ hầu đốc suất hậu quân làm đốc chiến; đại đô đốc Lộc, đô đốc Tuyết đốc suất tả quân, trong đó có thủy quân vượt biển vào sông Lục Đầu; rồi Tuyết vẫn kinh lý vùng Hải Dương để tiếp ứng với mặt đông; còn Lộc thì đi gấp lên các hạt Lạng Sơn, Phượng Nhân, Yên Thế để chặn đường về của quân Thanh; đại đô đốc Bảo, đô đốc Long đốc suất hữu quân, trong đó gồm có quân voi và quân kỵ mã; Long Xuyên qua huyện Chương Đức, theo đường đến thẳng làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì để đánh ngang vào đồn quân Điền Châu; Bảo thì thống đốc quân voi ngựa do đường Sơn Minh ra làng Đại Ang huyện Thanh Trì để tiếp ứng cho cánh hữu " (sdd, cuốn II, trang 182).

Đoạn này, HLNTC ca ngợi tài cầm binh của Nguyễn Huệ, vừa mới ra quân đã biết quân Thanh đại bại và cho tướng dẫn quân lên Lạng Sơn, Phượng Nhân, Yên Thế để chặn đường về của quân Thanh.

Về trận Đống Đa, HLNTC có viết như sau: "Vua Quang Trung lại truyền lấy sáu chục tấm ván, cứ ghép liền ba tấm làm một bức, bên ngoài lấy rơm dấp nước phủ kín, tất cả là hai mươi bức. Đoạn kén hạng lính khỏe mạnh, cứ mười người khênh một bức, lưng giắt dao ngắn; hai mươi người khác đều cầm binh khí theo sau, dàn thành trận chữ nhất; vua Quang Trung cười voi đi đốc thúc, mờ sáng ngày mùng 5 tiến sát đồn Ngọc Hồi (ghi chú của Hoàng Vũ: Ngọc Hồi là tên một cái làng, thuộc tỉnh Thanh Trì - nơi sản xuất bánh cuốn nổi tiếng của miền Bắc-, nay thuộc thành phố Hà Nội; gò Đống Đa, nơi đóng quân của Sầm Nghi Đống, nằm trong làng này). Quân Thanh nỗ súng bắn ra, chẳng trúng người nào cả. Nhân có gió bắc, quân Thanh bèn dùng ống phun khói lửa ra, khói lửa mù trời, cách gang tấc không thấy gì, hòang làm quân Nam rối loạn. Không ngờ trong chốc lát trời bỗng trở gió nam, thành ra quân Thanh lại tự làm hại mình.

Vua Quang Trung liền gấp rút sai đội khiêng ván vừa che vừa xông thẳng lên

trước. Khi gươm giáo của hai bên đã chạm nhau thì quăng ván xuống đất ai nấy cầm dao ngắn chém bừa; những người cầm binh khí theo sau cùng nhất tề xông tới mà đánh.

Quân Thanh chống không nổi, bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết. Tên Thái Thú Điền Châu là Sầm Nghi Đống tự thắt cổ chết. Quân Tây Sơn thừa thế chém giết lung tung, thầy nằm đây đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bại.

Trước đó, vua Quang Trung đã sai một toán quân theo bờ đê Yên Duyên kéo lên, mở cờ giông trống để làm nghi binh ở phía đông. Đến lúc ấy, quân Thanh chạy về trông thấy, càng thêm hoảng sợ, bèn tìm lối tắt theo đường Vịnh Kiều mà trốn. Chợt thấy quân voi từ Đại Ang tới, quân Thanh đều hết hồn vía vội trốn xuống đầm Mực, làng Quỳnh Đô, quân Tây Sơn lừa voi giày đập, chết đến hàng vạn người " (sdd, cuốn II, trang 183, 184)

Trong trận này, vua Quang Trung đã dùng 600 quân đi sau 20 tấm ván để tránh tên đạn, xung phong trèo lên thành giết các xạ thủ và mở cửa thành. Khi các xạ thủ đã bị tiêu diệt và cửa thành được mở thì mới đem đại quân tấn công. Đó là một chiến thuật cổ điển để chiếm thành trong các trận giặc thời xưa. Quân Tây Sơn thừa thế, có thể hiểu là đại quân thừa thế xông lên, nếu không, chỉ có 600 quân thì làm sao "chém giết lung tung, thầy nằm đây đồng, máu chảy thành suối được"? Nếu một ông vua, tự mình đứng ra chỉ huy hăm thành mà chỉ đem hơn 600 quân, hóa ra " trung quân thuộc về doanh vua sai phái do đại tư mã Sở chỉ huy", quân số chỉ có thể hay sao?

Tác giả đánh giá như sau: "Một giáo sĩ mô tả trận Ngọc Hồi, trận đánh gay go nhất, có thể nói là duy nhất, trong đêm hôm đó. Theo ông, quân Tây Sơn tiến vào bị quân Thanh đánh bật ra, hàng ngũ rối loạn. Lúc đó, đích thân Nguyễn Huệ từ dưới xông lên, múa gươm chém chết mấy chục quân Thanh, làm chúng hoảng sợ bỏ chạy. Theo cách mô tả đó, thì trận đánh không thể là lớn được" (TL 108, cột hai, trang 15). Tác giả cũng trích dẫn HLNTC và kết luận rằng trong trận đánh nhỏ này, vua Quang Trung chỉ có 600 quân mà thôi.

Chúng ta thấy rõ mâu thuẫn giữa HLNTC và thư của các giáo sĩ về trận Đống Đa. Không biết ai đúng ai sai?

Về việc Tôn Sĩ Nghị sai 20 lính kỵ mã, HLNTC viết: "...Tôn Sĩ Nghị hoảng hốt

sợ hãi, lập tức sai lãnh binh Quảng Tây là Thanh Hùng Nghiệp dẫn viên hàng tướng Tây Sơn là Phan Khải Đức đem nghĩa binh đi cứu; lại sai hai mươi lính kỵ mã ở dưới trướng của mình cùng đi với Nghiệp, và dặn họ rằng:

-Trong khoảng chốc lát, phải tiếp tục báo tin về ngay ". (sdd, cuốn II, trang 185)

Nghĩa là Tôn Sĩ Nghị sai 20 lính kỵ mã để lấy tin và đem tin về cho nhanh chóng, chứ không phải sai họ đi giải cứu Ngọc Hồi.

Tác giả trích dẫn: " HLNTC còn nói thêm là khi nghe tin Ngọc Hồi có biến, Tôn Sĩ Nghị sai một bộ tướng đem hai chục kỵ binh đi giải cứu cùng với một đám nghĩa quân của vua Lê. Những dữ kiện này chứng tỏ trận Đống Đa chỉ là một trận nhỏ " (TL 108, cột hai, trang 15).

Tôi không biết rõ tất cả các bản dịch HLNTC nhưng những khác biệt nêu trên quá nhiều. Một kết luận tối thiểu có thể rút ra từ đó là những dữ kiện mà tác giả cho là có thực thật ra rất tương đối và cần nhiều công trình nghiên cứu bổ túc của các nhà sử học.

Về quân số của nhà Thanh đem sang Việt Nam, tác giả cho rằng rất ít và có viện dẫn một ông giáo sư Đài Loan, Tướng Quân Chương. Khi diễn thuyết tại Sài Gòn, vào năm 1958, ông này dẫn chứng tài liệu Thanh triều, nói rằng Tôn Sĩ Nghị đã đem sáu ngàn kỵ binh qua Việt Nam. Cho rằng tài liệu này có thực, tôi nghĩ cũng phải thận trọng để so sánh với các dữ kiện khác hầu tiếp cận sự thực. Ngay cả thời đại hiện nay nếu chỉ dựa vào báo cáo của cảnh sát về số người trong một cuộc biểu tình chẳng hạn thì không thể nào chính xác. Tương tự như vậy, quân Thanh đại bại, Tôn Sĩ Nghị chạy dài, bỏ lại ấn tín, thì Thanh triều đại gì cho ghi vào sổ sách số quân thực sự họ đem qua Việt Nam. Họ cực tiểu hóa quân số này là chuyện dễ hiểu và bình thường.

Dựa vào những dữ kiện trong HLNTC, chúng ta không biết rõ ràng bao nhiêu quân Thanh đã qua Việt Nam, một vạn, hai vạn, năm mươi vạn? Nhưng chắc chắn là ngoài kỵ binh còn có cả bộ binh nữa, không như ông Tướng Quân Chương khẳng định chỉ có sáu ngàn kỵ binh và tác giả tin là đúng.

Rất rác trong HLNTC, ngoài những đoạn đã kể ở trên, chúng ta còn có những đoạn sau đây:

Trong dịch của vua Thanh, ta có thể đọc: "...Đặc trách sai quan đốc phủ đeo ấn chinh man đại tướng quân, điều động năm

mười vạn quân, thẳng tới La Thành..." (sdd, cuốn II, trang 152). Người Trung Quốc gọi một cách khinh bỉ các nước chung quanh là man, nghĩa là man di mọi rợ, và gọi thành Thăng Long là La Thành. "...Nguyễn Quý Nha, Nguyễn Đình Khoan từ trên ải Nam Quan chạy về nói rằng :... hiện nay quân Thanh đã qua Nam Quan, quân bộ và quân kỵ của đội tiền phong đã tiến đến địa phận huyện Phượng Nhân" (sdd, cuốn II, trang 160).

"... Lát sau cầu bị đứt, quân lính đều rơi xuống nước, đến nỗi nước sông Nhị Hà vì thế mà tắc nghẽn không chảy được nữa " (sdd, cuốn II, trang 186).

"...Sau khi đã hoàn toàn quét sạch quân Thanh, vua Quang Trung bèn đóng quân tại thành Thăng Long, rồi hạ lệnh chiêu an. Phàm những người Thanh trốn ở các nơi, đều bảo phải tới đầu thú, dân gian không được chứa chấp. Trong khoảng mười ngày, quân Thanh ra thú có đến hơn vài vạn..." (sdd, cuốn II, trang 191)

Sau khi đại thắng, vua Quang Trung bảo Ngô thời Nhậm thảo một bức thư gửi vua Thanh, đề cập đến việc trao trả tù binh như sau: "...Hiện nay đã thu góp một số tàn quân hơn một vạn người, lại đã tra rõ họ tên, quê quán, cấp lương đầy đủ và đưa lên ải; vậy xin kê sổ dâng nộp". (sdd, cuốn II, trang 192)

"... Theo Bang giao lục, trong chiến dịch mùa xuân Kỷ Dậu, số quân Thanh bị chết là 27 vạn." (sdd, cuốn II, trang 184).

Về việc vua Quang Trung giả sang yết kiến vua Thanh, HLNTC có viết: "...Lúc quốc vương vào triều kiến, vua Thanh cho cùng ăn yến với các vị thân vương, lại ban ơn đặc biệt cho làm lễ ôm gối hết như tình cha con trong nhà" (sdd, cuốn II, trang 195). Tác giả lại cho rằng quốc vương đã lạy phục xuống đất và hôn chân vua Càn Long (TL 108, cột ba, trang 17). Theo tôi nghĩ, ôm gối và hôn chân là hai động tác hoàn toàn khác nhau, khác nhau ở hai động từ ôm và hôn, khác nhau ở hai danh từ gối và chân. Ngoài ra ý nghĩa cũng hoàn toàn khác, lạy phục hôn chân là một hành động thần phục, đề hèn, còn lễ ôm gối theo HLNTC là một hành động thân mật như cha con trong nhà.

Kết luận

Các khoa học xã hội của Việt Nam, nhất là sử học về Việt Nam, đang còn ở trong thời kỳ phôi thai. Tình trạng này đòi hỏi một sự thận trọng cao độ trong việc

Mạn đàm

Nhà Thanh, quân Thanh và vua Quang Trung

Nguyễn Phương

Bài viết của anh Nguyễn Gia Kiểng về "Một vấn đề lịch sử" trong Thông Luận số 108 làm cho tôi khá hoang mang. Theo tôi hiểu, mục đích bài viết này là mượn nhân vật Nguyễn Huệ để "đánh đổ giá trị vô biên, độc đoán, hung bạo, trái ngược với những giá trị phải phát huy như hòa bình, bao dung và hòa giải". Nhưng tại sao lại phải là Nguyễn Huệ mà không phải là Lê Lợi, Đinh Bộ Lĩnh, Hồ Quý Ly, Mạc Đăng Dung, v.v...? Những vị này cũng có thể xếp vào loại vô biên, cũng độc đoán và có lúc cũng hung bạo. Không phải vì tác giả đã kích vị vua từ trước đến nay tôi vẫn ngưỡng mộ mà tôi hoang mang. Tôi hoang mang vì bài viết không dựa vào sử liệu chính xác nên theo tôi có nhiều chỗ sai lầm. Tác giả có lý một điều là thỉnh thoảng cũng nên tự mình đặt lại vấn đề (se remettre en cause), không nên tự mãn. Nhưng thay vì đưa ra những dữ kiện hay

phê phán lịch sử, dù là sử gia hay không là sử gia. Không nên đem sự khám phá - nếu quả thật có khám phá - lên hàng chân lý tuyệt đối về lịch sử. Dựa vào những lá thư riêng của vài giáo sĩ và một bản dịch trong nhiều bản dịch của HLNTC, nhất là đây lại là một cuốn lịch sử tiểu thuyết, rồi khẳng định như đinh đóng cột đó là sự thật lịch sử để kết án vua Quang Trung-Nguyễn Huệ, theo tôi, đó là một việc làm thiếu thận trọng. Nhất là sự thiếu thận trọng đó lại không được gói ghém trong một văn phong tiết chế. Tôi có quen một nhà toán học, đi theo kháng chiến năm 1945. Biết tôi là thành viên Thông Luận, bác ấy có bảo tôi rằng: "Các anh Thông Luận văn chương cường điệu quá. Trong nước dân chúng đã nhàm chán các chỉ thị, nghị quyết cường điệu, duy ý chí, áp đặt, nên rất sợ thứ ngôn ngữ này". Riêng về Thông Luận, có lẽ đây là yếu tố tâm lý trả lời một phần nào câu hỏi mà tác giả đã đặt ra trong phần vào đề của bài viết: "...Nhưng tại sao có đồng thuận rồi mà cuộc vận động dân chủ vẫn chưa khởi sắc, đồng bào trong và ngoài nước vẫn chưa hưởng ứng ở mức độ chờ đợi?"

Hoàng Vũ

giả thiết để người đọc có dịp thảo luận trên tinh thần trách nhiệm, tác giả lại chỉ tự khẳng định rồi từ đó đi tới kết luận. Trong bài viết này, tôi chỉ muốn mạn đàm với tác giả về một vài chi tiết nhỏ. Tôi sẽ không bàn đến việc tác giả đã kích nhân vật lịch sử Nguyễn Huệ vì đã có người viết rồi.

Trước hết, tôi muốn bàn về sự khẳng định của tác giả theo đó nhà Thanh, yên bình đã mấy trăm năm nên không còn giữ quân đội hùng hậu nữa và cũng không còn có ý muốn xâm chiếm Việt Nam. Tác giả nói "Tài liệu nhà Thanh cho thấy một cách rõ rệt là vua nhà Thanh không có ý định đánh chiếm nước ta". Độc giả vẫn chờ đợi tác giả đưa ra những tài liệu để dẫn chứng lời khẳng định này.

Về phần tôi, tôi lại nghĩ khác. Tôi xin dẫn chứng. Hai triều đại hưng thịnh nhất của nhà Thanh (1644-1911) là triều đại Khang Hy (1662-1722) và triều đại Càn Long (1786-1796). Dưới triều đại Càn Long, bờ cõi nước Trung Hoa được mở rộng từ Đông sang Tây, từ Bắc xuống Nam. Sách Bách khoa Toàn thư (Encyclopédie Universelle) xuất bản năm 1990, trang 530 có viết như sau: "Để chế nhà Thanh đạt cực thịnh vào giữa triều đại vua Càn Long. Bờ cõi còn rộng lớn hơn Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc hiện nay. Nó chạy dài từ biển Okhosk đến hồ Balkhach (thuộc Liên Xô cũ), không những bao trùm Tây Tạng và Turkestan của Trung Quốc (nay là Tân Cương) mà còn cả lãnh thổ của Ngoại Mông và đảo Đài Loan. Uy thế vượt ngoài biên cương và được tỏ rõ ra trên phân nửa đại lục. Các xứ Nepal, Miến Điện, Xiêm La, Việt Nam, Triều Tiên đều tự nhận là chư hầu của các hoàng đế ở Bắc Kinh". Quyển sách "Cấm cung Thiên tử" (La Cité interdite des Fils du Ciel) do nhà xuất bản Découvertes, Gallimard ấn hành, trang 58, cho biết bờ cõi Trung Hoa năm 1759 lên tới 11,5 triệu cây số vuông so với 9,7 triệu ngày nay. Điều này cho ta thấy thời kỳ này là thời kỳ tham vọng bành trướng bá quyền mạnh nhất của nhà Thanh nói riêng và của vua chúa Trung Hoa nói

chung.

Ngoài ra, mộng xâm chiếm của phương Bắc hầu như đã trở thành "truyền thống" trong lịch sử bang giao giữa hai nước. Không cần phải đi sâu vào lịch sử mới thấy được điều đó. Từ nhà Tống trở đi, mỗi lần có thay đổi triều đại ở Việt Nam, phương Bắc đều tỏ lộ ý đồ xâm chiếm nước ta; như nhà Tống ở thế kỷ thứ 10, nhà Nguyên, thế kỷ 13, nhà Minh, cuối thế kỷ 14 đầu thế kỷ 15. **Nhà Thanh không thể tránh lệ đó.** Đi xa hơn nữa, chúng ta phải để ý là phương Bắc thường đem quân sang đánh chiếm nước ta vào những lúc nội tình nước ta rối loạn. Chẳng hạn nhà Minh đem quân tiến đánh nước ta vì nhà Trần vào cuối thế kỷ 14 đã suy đồi. Hồ Quý Ly lợi dụng cơ hội này đã tiếm ngôi và xưng vương trong một thời gian ngắn. Các quan lại ở triều đình bị chia rẽ trong sự lựa chọn giữa nhà Trần và nhà Hồ. Nhà Minh mặc dù đã công nhận nhà Hồ nhưng vẫn đưa quân sang nước ta dưới danh nghĩa "Phù Trần, diệt Hồ". Việt Nam ở vào cuối thế kỷ 18 cũng ở vào tình trạng cực kỳ hỗn loạn. Chính tác giả cũng công nhận điều đó. Ở Bắc, các chúa Trịnh vẫn nổi tiếp nhau uy hiếp vua Lê. Dưới thời Trịnh Giang, giặc giã nổi lên khắp nơi. Đến thời Trịnh Doanh và Trịnh Sâm, ở triều đình các thái tử vua Lê bị truất ngôi tùy theo ý muốn của chúa Trịnh. Ở trong Nam, đến đời Nguyễn Phúc Thuần, Trương Phúc Loan chuyên quyền khiến dân chúng trăm bề khổ. Vào lúc đó, anh em Tây Sơn đứng lên khởi nghĩa ở Qui Nhơn. Hai chúa Trịnh Nguyễn thỉnh thoảng vẫn dàn quân để giao tranh. **Chỉ cần vua Lê kêu cứu là nhà Thanh cho quân sang ngay.** Điều này tương đối không khó hiểu.

Về con số 6.000 quân mà Tôn Sĩ Nghị cho sang Việt Nam, tác giả cho "con số này là hợp lý". Người ta rất ngạc nhiên là tác giả vội vã chấp nhận con số kém cỏi do ông Tưởng Quân Chương một "chuyên gia" Đài Loan về Việt Nam đưa ra không có chứng từ nào cả. Trong khi đó, các sách lịch sử Việt Nam đều nói 20 vạn quân. Giáo sư Lê Thành Khôi trong quyển sách *Histoire du Vietnam des origines à 1858* do nhà sách Sud-Est Asie ấn hành năm 1982 đã viết như sau: "*Tổng đốc Lương Quảng Tôn Sĩ Nghị tin chắc nền đô hộ Trung Hoa sẽ đặt được dễ dàng trong một nước bị nội chiến xâu xé nên đã phúc trình theo chiều thuận lợi với triều đình*

Bắc Kinh. Can thiệp quân sự được quyết định. Năm 1788, một đoàn quân viễn chinh với 200.000 quân vượt biên giới Hoa-Việt ở ba điểm" (trang 323). Quyển sách *Les guerres d'Indochine* của hai tác giả Nicolas Regaud và Christian Lechery do nhà sách Presses Universitaires de France in năm 1996 lại đưa ra con số 290.000 quân (trang 67). Hai giả thiết có thể đưa ra. Lịch sử Việt Nam thổi phồng số quân của người thất trận để đề cao chiến thắng, còn phía thua trận thì nói ít hơn hoặc không nói gì hết để bớt nhục. Nhưng sự sai biệt giữa hai số lên đến 33 lần thì không thể chấp nhận được. Tác giả biện minh cho lời dẫn chứng của mình là "*nhà Thanh lúc đó yên bình đã mấy trăm năm nên không còn giữ quân đội hùng hậu nữa*" và "*Tôn Sĩ Nghị từ Trung Quốc sang Việt Nam trong hai tuần lễ thì chắc chắn sang bằng kỵ binh rồi, mà kỵ binh thì sáu ngàn cũng là nhiều, muốn hơn cũng không có!*" Lý luận thứ nhất vừa không đứng vững, vừa sai. Nó không đứng vững vì nhà Thanh cần có quân đội hùng hậu để thôn tính các nước lân bang, như đã nói ở phần trên. Ngoài ra, cuối triều đại vua Khang Hy qua đến triều đại vua Ung Chính (1728-1735) và vua Càn Long, giặc giã do các dân tộc thiểu số nổi dậy xảy ra ở nhiều nơi. Giặc Chu Nhất Quý (1721), Vương Luân (1774), Lâm Sảng Văn (1785) ở Đài Loan, giặc Hồi của Mã Minh Tân từ 1761 đến 1784 ở tỉnh Cam Túc, giặc Mèo và giặc Bồng Sen Trắng ở Quý Châu và nhiều nơi khác ở Hà Nam, Hồ Bắc, Thiểm Tây, Tứ Xuyên v.v... chưa nói đến chiến tranh nha phiến lần thứ nhất (1840) và giặc Thái Bình Thiên Quốc của Hồng Tú Toàn từ 1851 đến 1864 và tiếp theo sau đó (xin xem *Précis d'Histoire de Chine*, Edition des langues étrangères, Bắc Kinh 1988, dưới sự điều khiển của ông Bạch Thọ Di (Bai Shou Yi, trang 404-418). Như vậy, nhà Thanh chẳng mấy yên bình như tác giả đã nói. Lý luận thứ hai cũng không ổn. Không hiểu tác giả dựa vào tư liệu nào để nói Tôn Sĩ Nghị chỉ dùng kỵ binh mà không dùng bộ binh hoặc thủy binh. Trong quyển sách *Le Monde chinois* (Thế giới Trung Hoa) do nhà xuất bản Armand Colin 1972, ông Jacques Gernet viết rằng: "*Các tướng Việt Nam chiếm thủ đô Hà Nội. Sang năm sau, nhà Thanh gửi một đạo quân viễn chinh sang tiếp viện chính phủ hợp pháp nhà Lê (triều đại do Lê Lợi sáng lập*

năm 1428). Nhưng đạo quân Mãn Châu đi đường bộ từ Quảng Tây và đường thủy từ Quảng Đông bị thất trận phải rút lui năm 1789" (trang 428). Giả sử Tôn Sĩ Nghị chỉ dùng kỵ binh thôi, nghĩa là sang bằng đường bộ, mà theo tác giả thì "*đường bộ bị vách núi đầy đặc ngăn cách không thể di chuyển một đạo quân khổng lồ như vậy*". Đường bộ dù khó khăn đến đâu cũng có thể chuyển quân đông được. Bằng chứng là quân của tướng Lư Hán sang giải giới quân Nhật trong năm 1945 cũng dùng đường bộ, với quân số lên tới gần 20 vạn (xin xem *Histoire du Vietnam* của Philippe Devillers, trang 191). Gần đây hơn nữa, Đặng Tiểu Bình cũng dùng đường bộ để chuyển 600.000 quân sang nhằm cho Việt Nam một "bài học". Nếu chúng ta chịu khó tìm hiểu một chút thì sẽ thấy điều cho rằng Tôn Sĩ Nghị chỉ mang theo 6000 quân là điều không thể có được. Người ta khó tưởng tượng một tổng đốc Lương Quảng mà dân số đông hơn cả nước Việt Nam lại dám mang một số quân quá ít ỏi với ý đồ xâm lược. Tôn Sĩ Nghị không quá ngu xuẩn đến mức đó. Chắc hẳn ông ta có đọc lịch sử bang giao Việt-Trung qua nhiều thời đại nên không thể quá mạo hiểm như thế. Đã đành tác giả dựa vào lời nói của ông Tưởng Quân Chương để khẳng định là Tôn Sĩ Nghị chỉ sang Việt Nam để phô trương thanh thế (?) và làm lễ thụ phong cho vua Lê Chiêu Thống. Nhưng nếu là chỉ làm lễ thụ phong thôi thì 6000 quân lại quá nhiều, chỉ cần vài trăm quân là đủ rồi.

Còn về việc tác giả mỉa mai quân Tây Sơn do dám cướp biển huấn luyện đã tự xưng đô đốc cho "oai", thiết tưởng chúng ta không nên mất thì giờ. Tự điển Hán văn định nghĩa đô đốc là người chỉ huy quân đội trong thời kỳ cổ điển trước đây.

Người viết bài này biết tác giả là người có nhiều thiện chí. Mục đích bài viết của tác giả là để đánh đổ một bức tường tâm lý kiên cố do lịch sử và văn hóa để lại hầu phát huy những giá trị về hòa bình, bao dung và hòa giải. Tiếc thay qua bài viết "Một vấn đề lịch sử", tác giả đã chọn một đề tài có tính cách tranh cãi mà lại không dựa vào **sử liệu chính xác**. Kết quả đã đi ngược lại mục đích chính tác giả tìm kiếm là mở rộng đồng thuận để mọi người hợp lực cùng tranh đấu cho tự do dân chủ.

Nguyễn Phương

Việt Nam dưới mắt một số người ngoại quốc

Nguyễn Anh Tuấn

Các nhà quan sát nước ngoài gọi chính thể VN hiện nay là chủ nghĩa tư bản rừng rú mà nguyên văn tiếng Anh là *savage capitalism*. Khi chúng ta hiểu theo tiếng Việt đơn thuần thì ta chỉ có cảm tưởng đó là thứ chủ nghĩa tư bản hoang dã sơ khai. Nhưng chữ *savage* của tiếng Anh còn cho ta cái ý nghĩa dã man, tàn bạo và độc ác nữa. Chính vì không hiểu biết hết cái thâm ý của người ngoại quốc nên một số cán bộ VN không quan tâm mấy đến việc người ta gọi cái thể chế đất nước mình là *savage capitalist society* (xã hội tư bản rừng rú). Có anh còn lấy đó làm vui vẻ cho rằng xã hội chúng tôi cũng như bước khởi đầu của xã hội các anh (chỉ các nước phương Tây) cũng có những bước thăng trầm, vạn sự khởi đầu nan. Nhưng dù sao thì chúng ta (VN và các nước phương Tây) cũng có cùng một mô thức xã hội.

Thật đau lòng khi bị người ta chửi mà nhiều cán bộ VN trong nước cứ tưởng rằng họ coi mình là anh em chung một nhà. Ở các nước tư bản tiên tiến nếu một người nào đó dám ngang nhiên gọi ai đó là *savage* là đụng chạm đến nhân phẩm con người và sẽ thành to chuyện nếu kẻ xâm phạm nhân phẩm không chịu hạ mình xin lỗi. Vì *savage* tức là không văn minh, kém văn hóa, dã man, tàn bạo, độc ác. Vậy mà không những các nhà quan sát phương Tây mà ngay cả một số báo chí Á Châu như Thái Lan, Singapore cũng cả gan dám gọi chế độ chính trị VN một cách miệt thị là *savage capitalism* (chủ nghĩa tư bản man rợ). Không phải là các nhà lãnh đạo VN không hiểu điều đó vì họ cũng có nhiều người rất giỏi tiếng Anh và chắc là có đọc những bài báo đó. Vậy tại sao họ không có phản ứng gì. Phải chăng họ tự nhận mình như thế?

Khi chúng ta nói đến chủ nghĩa tư bản rừng rú là chúng ta liên tưởng tới những việc đau lòng trong lịch sử nhân loại đã xảy ra cách đây hàng mấy trăm năm.

Ngày 14 tháng 7-1789 những phát súng đầu tiên của quân khởi nghĩa công phá ngục Bastille ở Paris nước Pháp là tiếng súng mở rộng cuộc cách mạng tư sản toàn

thế giới. Đó là cái mốc quan trọng, một bước ngoặt của lịch sử con người từ chủ nghĩa phong kiến chuyển sang chủ nghĩa tư bản. Những danh từ cách mạng, tự do, bình đẳng đã vang lên trên những quảng trường của nước Pháp với nhà cách mạng có tài hùng biện Maximilien Robespierre. Một lãnh tụ cách mạng Pháp với sự ủng hộ của những người Jacobin đã gây ra tấn thảm kịch giết người bằng máy chém. Hàng ngàn người Pháp đã bị chém cụt đầu và cái công cụ man rợ của chủ nghĩa tư bản sơ khai ấy cũng chém cụt đầu ngay chính kẻ sáng tạo ra nó. Mùa hè năm 1794 bản thân nhà cách mạng lừng danh Robespierre cũng bị đưa lên máy chém.

Chủ nghĩa tư bản đã thay thế chủ nghĩa phong kiến và đẩy lịch trình tiến hóa nhân loại tiến lên một bước. Nhưng khi nó mới ra đời nó đã gây ra nhiều tội lỗi và trong quá trình phát triển của nó cũng liên tiếp gây ra đổ máu. Vì vậy nó cũng mang nhiều tội ác với nhân loại mà những thế hệ tiếp nối sau của các nước tư bản đã phải đấu tranh rất gian khổ mới dần dần đưa nó vào quỹ đạo chính thống tốt đẹp như các nước tư bản văn minh tiên tiến ngày nay.

Mở những trang biên niên sử của chủ nghĩa tư bản chúng ta không khỏi rùng mình khi thấy nó bành trướng sang Châu Mỹ và giết gần hết những người bản xứ gọi là Mỹ-Ấn (Amerindian) để chiếm đoạt đất đai. Những cuộc săn bắt người da đen ở Phi Châu đưa sang bán ở Mỹ và những cuộc chiến tranh giành thuộc địa rồi đến những cuộc đại chiến giữa các nước tư bản với nhau là những đỉnh cao tội ác của chủ nghĩa tư bản rừng rú.

Khi tôi tiếp xúc với anh Philip, một nghiên cứu sinh sang làm luận án tiến sĩ ở trường đại học London, anh Philip biết tôi là người VN đúng tuổi đã từng cảm phần trước sự tàn sát người VN của quân xâm lược Pháp khi còn thơ ấu trong kháng chiến chống Pháp, anh đã ngậm ngùi xin lỗi tôi. Anh nói: "*Chủ nghĩa tư bản lúc sơ khai có nhiều khuyết tật mà chúng tôi phải trải qua nhiều thế kỷ để đấu tranh chuyển hóa nó thành hoàn mỹ. Nhưng đến tận bây giờ nó vẫn chưa hoàn mỹ. Và cũng chính*

vì thế mà chúng ta vẫn còn phải tiếp tục đấu tranh. Chủ nghĩa tư bản không đi đúng theo quỹ đạo của nó là dân chủ, bình đẳng, nhân quyền, tự do, bác ái thì nó là con quỷ luôn quay đầu lại với quá khứ dã man rừng rú. Nó sẽ biến dạng thành những tập đoàn chuyên chế quân phiệt phát xít chống lại nền tự do dân chủ của toàn dân. Chủ nghĩa phát xít Đức, Ý, Nhật chính là cái quái thai của chủ nghĩa tư bản rừng rú đã ngóc đầu trở lại. May mà chúng ta đã có đủ sức mạnh để triệt tiêu nó đi."

Anh Philip là người đã từng về VN du lịch để nghiên cứu lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam. Tôi ngỡ ngàng hỏi anh sao lại chọn một đề tài như thế làm luận đề nghiên cứu. Anh nói: "*Từ chủ nghĩa cộng sản chui đầu vào chủ nghĩa tư bản rừng rú tức là từ cái thông lọng này chui vào cái thông lọng khác. Chủ nghĩa tư bản rừng rú đã sinh ra cách đây mấy trăm năm và bây giờ nó chỉ là cái thây ma đáng vứt bỏ. Vậy cái quốc gia nào còn dùng lại cái mô thức đó tức là họ tự chui đầu vào thông lọng. Tôi lấy làm hứng thú nghiên cứu chuyên đề này vì đó là một hiện tượng mới lạ trong lịch sử tiến hóa nhân loại.*"

Anh Sud, một giáo sư trẻ tuổi của trường đại học Bangkok, người đã từng cùng phái đoàn công chúa Thái Lan sang thăm hữu nghị VN năm 1993 nói với tôi vừa bằng tiếng Anh vừa tiếng Việt. Và trong cuộc đàm thoại này còn có thêm những nhà trí thức trẻ từ Mỹ, Úc, Singapore, Hòa Lan, Đức sang London làm luận án tiến sĩ hoặc du lịch. Tôi xin tạm gói gọn ý kiến của họ như sau:

"Khi chúng ta nói đến chủ nghĩa tư bản rừng rú tức là chúng ta muốn nói đến một thể chế không có pháp chế hoặc một thể chế toàn những luật rừng. Đúng về phương diện xã hội nhân bản mà xét những thể chế như vậy gọi là chủ nghĩa mafia, một xã hội do bọn mafia khống chế tự do hoành hành bóc lột dân chúng, tự do bắt giam, tự do xử tù, tự do đàn áp dân chủ một cách trắng trợn. Một xã hội do bọn mafia khống chế là một xã hội trộm cướp. Cái xã hội mafia

ấy nó sẽ không từ ai mà không thủ tiêu kẻ cả những kẻ sinh ra nó và nuôi dưỡng nó. Chúng ta đã từng xem những cuốn phim mafia như God Father và các bạn sẽ hình dung được một xã hội mafia là một tổng thể được khuếch đại từ cái chấm nhỏ của những cuốn phim mà chúng ta đã xem. Những người lãnh đạo đảng và nhà nước Việt Nam đã biến xã hội Việt Nam thành một dạng mafia. Họ dung túng mafia và thậm chí còn tham gia bảo trợ cho những tổ chức này. Vì vậy ma túy đã tràn vào VN như những giòng nước độc. Nó đã giết chết nhiều thanh niên trai trẻ. Nó đã hủy hoại nền văn hiến mấy ngàn năm của Việt Nam. Nó đã làm cho người Việt Nam xuống cấp về nhân phẩm. Nghiện ngập, đi điểm, cờ bạc, rượu chè đã biến thế hệ trẻ thành những tên cướp ngày và cướp đêm. Nạn tham nhũng trắng trợn đến mức như những tên cướp đòi tiền mồi lộ của thời kỳ trung cổ đã phơi bày những quan chức nhà nước chỉ là những đực khoét dân đen một cách dã man tàn ác. Không những vậy họ còn hạch sách cả những thương nhân ngoại quốc vào buôn bán đầu tư ở VN. Bạn có thể tưởng tượng nổi không - Anh Harison người Úc nói - Tôi muốn tìm hiểu dân tình nên ở nhà một bác làm nghề đập xích lô ở Sài Gòn để xem dân lao động cùng khổ sống ra sao. Tôi được bác cho biết bác đã bị đánh và lột hết tiền trong những chuyên chở những khách lưu manh anh chị. Chúng nó không những không trả tiền còn đánh bác và lột hết tiền của bác. Khi bị đánh bị thương thập tử nhất sinh vợ bác đưa bác vào bệnh viện. Các bạn có biết bác si trực ban hỏi gì không? Ông ta hỏi: "Có tiền không?". Nếu không có tiền đưa ra thì họ sẽ mặc kệ để nằm đấy chờ chết. Các bạn có thể nào tin được một y sĩ như vậy không? Bệnh viện ở Việt Nam bây giờ thả sức làm tiền bệnh nhân. Chẳng ai ngăn cấm được họ. Một bà Việt kiều về nước ốm vào nằm viện. Họ chém cho 100 USD một ngày viện phí và còn chưa kể tiền thuốc. Bà này ức quá cãi nhau với họ rồi thà chết về nhà còn hơn nằm viện. Kết quả bà đã chết ở nhà !".

Cô Kirsty, một sinh viên Việt ngữ trường đại học London kể: "Em là sinh viên nghèo của nước Anh nên thời kỳ em ở Hà Nội không mấy khi đến những nơi ăn chơi. Có một hôm anh bạn người Úc của em nói rằng có một Party miễn phí và rủ em đi dự. Ai ngờ đó là một tối ăn chơi phà trôi của các ông quý tử con các vị quan to

ở Hà Nội. Họ nốc rượu và la hét như những con sói rừng thật là kinh khủng. Em bỏ chạy ra ngoài và bị họ rượt theo. Đó là kỷ niệm ghê sợ nhất của em ở Việt Nam. Khi em đáp máy bay từ Sài Gòn về Anh, một sĩ quan hải quan đòi khám cái túi du lịch xách tay của em. Em mãi nói chuyện với bạn nên không để ý. Mãi khi lên máy bay, em mới chợt nhớ ra và mở ra xem lại thì hỏi ôi cái máy ảnh đắt tiền em mượn của má em đã không cánh mà bay. Đó là kỷ niệm thứ hai không bao giờ quên ở Việt Nam." Còn cô Betsy người Mỹ nói: "Tôi đi chơi ở vùng biên giới Việt Nam-Campuchia và lỡ bước sang bên kia giới tuyến. Công an biên phòng gọi tôi lại và bắt giam vì tôi vi phạm vượt biên. Tôi cãi thế nào cũng không được. Họ bảo: "Cô nộp phạt 200 đô la thì được tha. Trong túi tôi có tiền nhưng tôi không chịu nộp phạt. Tôi cãi nhau với họ vừa bằng tiếng Anh vừa bằng tiếng Việt. Thế rồi họ giam tôi một ngày mới chịu thả".

Một nhà báo nước ngoài về VN làm việc đã tiết lộ cho tôi biết như sau: "Con trai tổng bí thư Đỗ Mười chuyên buôn lậu ô tô đem từ Việt Nam sang Trung Quốc bán. Vợ (cựu) thủ tướng Võ Văn Kiệt là mẹ trùm buôn lậu. Con trai cựu bộ trưởng Bộ Nội Vụ Bùi Thiện Ngộ cũng là người buôn ma túy cỡ bự. Con cựu đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng là tay buôn lậu. Con trai chủ tịch thành phố Hải Phòng Đào Đình An là tay buôn ma túy từ Nam ra Bắc và bị công an Đà Nẵng bắt. Nhưng rồi được ông bố và giám đốc công an Hải Phòng đánh tháo cho chạy ra nước ngoài. Vụ này tai tiếng quá nên các "Cụ" cấp trên hy sinh ông chủ tịch thành phố cảng bằng cách cho ông về vườn đuổi gà cho vợ. Vì Hải Phòng là nơi bị nạn ma túy nặng nhất toàn quốc. Tuy vậy ông ta vẫn sống chán. Ông ấy đã xây xong cho từng đứa con mỗi người một biệt thự và đã cất dấu được nhiều tiền. Vậy thử hỏi tiền lương của ông ấy bao nhiêu mà xây được nhiều biệt thự như vậy?".

Tôi không ngờ một nhà báo ngoại quốc mà hiểu VN một cách kỹ càng đến thế. Đến như tôi đã về Việt Nam mấy lần, đã từng chịu khó nghe ngóng quan sát mà cũng không biết nhiều bằng anh ta. Không trách gì có những anh phóng viên ngoại quốc biết quá nhiều khuyết tật của nhà nước Việt Nam bị các ông đẩy ra không cho hành nghề ở Việt Nam nữa.

Một quan chức ngoại giao nước ngoài nói tiếng Việt thạo đã "nằm vùng" ở Việt Nam nhiều năm. Tôi thường nói đùa anh ấy là gián điệp vì anh ấy biết quá nhiều nội tình quan chức Việt Nam. Theo anh ta cho biết thì ở Việt Nam bây giờ có hai tệ nạn nặng nhất và nó cũng có liên quan với nhau. Đó là buôn lậu ma túy và hệ thống ô dù bảo vệ nó, tức là hệ thống quan chức tham nhũng đồng lõa bao che bảo vệ cho bọn buôn lậu. Theo anh bạn tôi kể thì những tên đầu sỏ buôn lậu ma túy là cấp tướng công an, quân đội chứ đâu phải là bọn vớ vẩn như cỡ tên đại úy công an Vũ Xuân Trường và đồng bọn bị bắt và đã làm chấn động dư luận trong nước hồi tháng 5-1997 khi được xét xử tại tòa án nhân dân Hà Nội. Theo bạn tôi kể thì Vũ Xuân Trường và đồng bọn chỉ là những tên lâu la cấp thấp bị đem ra làm vật hy sinh để dẹp yên dư luận phản kháng của dân chúng. Mặt khác nó cũng là một cách làm dịu đi những hấn học của những tập đoàn buôn lậu có vai vế ghen ăn, tức ở với nhau ở Việt Nam. Bọn đệ tử của các trùm mafia này liệu có bị tử hình thật không hay là chúng sẽ được đưa đi một nơi rất xa thậm chí là ngoài nước Việt Nam để an dưỡng, chờ cho sóng lặng gió yên lại bò về với chủ. Nhân dân ở trong nước nói vậy và anh bạn quan chức nước ngoài của tôi cũng nói vậy. Buôn ma túy là một dạng buôn lậu nguy hiểm nhưng chóng làm giàu. Họ chỉ cần thoát một lần là đủ sung sướng suốt đời. Nhưng trò đời vẫn thế, đã giàu thì muốn giàu nữa. Và làm gì họ không dám làm vì họ có cả một hệ thống công an và quân đội bảo vệ. Những kẻ buôn lậu mạnh nhất, có thần thế nhất thì buôn ma túy. Còn những cỡ trung bình và nhỏ thì buôn các loại hàng khác như ô tô, xe máy, TV, thuốc tây và các hàng hóa khác nhập vào Việt Nam bằng con đường lậu thuế. Họ cũng đều có các quan to che chở nên mới dám đưa lậu vào Việt Nam một lúc 2000 xe gắn máy bằng đường biển. Bộ đội hải quân che chở cho họ. Nhưng công an ghen ăn nên mới bị bắt. Ở Việt Nam người ta mà cãi với nhau từng vụ việc. Thử dụ anh buôn lậu hàng container tức là từng mớ hàng mấy trăm xe gắn máy hoặc TV, ô tô từ Nhật về bằng đường biển. Anh phải nộp một số tiền cho hệ thống công an biên phòng, công an cảng và hải quân thì anh sẽ được bảo vệ không bị ai bắt giữ.

Ở Việt Nam bây giờ cứ làm cán bộ là giàu. Cán bộ càng cao càng có nhiều qu

Bạn đọc viết... Bạn đọc viết...

biểu. Cờ nhỏ có phong bì biểu bằng tiền Việt Nam. Cờ trung bình phong bì biểu bằng đô la. Còn cờ cao thì tôi không rõ nhận quà biểu bằng cách nào nhưng biết chắc rằng các vị ấy thường có những phong bì cỡ 10 ngàn, 100 ngàn USD trở lên. Ở Việt Nam quan chức "chém" dân đen và cũng "chém" lẫn nhau. Như tôi đã kể cho các bạn ở bài báo trước là một thị trường rất có giá ở Việt Nam là buôn quan bán chức. Một vị thượng tá công an làm phó giám đốc muốn lên đại tá giám đốc thì phong bì biểu cấp trên là một tỷ đồng tiền Việt Nam. Sau khi có chức rồi mà không biết lo thân bòn rút cho nhiều và biểu nhiều cho cấp trên thì chỉ dăm ba tháng một năm sẽ bị hất đi để cấp trên bán cái ghế giám đốc ấy cho người khác giá cao hơn. Những việc như vậy ở Việt Nam người ta dùng chữ "chém". Cấp trên chém cấp dưới như thế. Cấp dưới ức quá không "chém" được kiểu đó thì họ chém thật. Một ông giám đốc đã bị một cấp dưới ức quá chém cho cụt một tay và phồng đi cái cặp đựng tiền toàn bằng USD. Một vị trung tá công an làm trưởng phòng bị cấp trên hất đi làm anh trưởng ban bảo vệ của một xí nghiệp. Anh ấy ức quá tố cáo cấp trên và bị cấp trên cho thủ hạ chém cho một nhát vào vai cảnh cáo. Thật khổ cho anh bị chém hai lần.

Những người hiền lành ở Việt Nam bây giờ chỉ cần răng mà chịu khổ. Còn bọn ma vương quỷ dữ thì tung hoành ngang dọc chả coi luật pháp vào đâu. Bạn có muốn mua một cái áo ở chợ cũng dễ bị lừa gạt chứ chưa nói gì đến buôn to bán lớn. Một số Việt Kiều cỡ tài giỏi về nước cũng vẫn bị lừa trắng tay. Xã hội điên loạn. Người ta cất miệng là chửi. Hơi một chút là vác dao búa ra đâm chém nhau. Ngay cả những đứa con nít ra đường cũng chửi bậy đến mức bạn cứ tưởng là một tên du côn anh chị.

Trên đây mới chỉ là phác thảo một vài nét về cái chủ nghĩa tư bản rừng rú ở Việt Nam. Cái cốt lõi của nó là chế độ này không có tự do dân chủ. Một chế độ phi dân chủ trong cuối thế kỷ 20 đầu thế kỷ 21 là một chế độ lỗi thời phản động đi ngược lại dòng tiến hóa của nhân loại. Cái dòng thác chảy ngược này nếu không bị chặn đứng thì nó sẽ kéo cả dân tộc Việt Nam xuống vực thẳm.

Nguyễn Anh Tuấn

Gần đây ông Nguyễn Gia Kiểng có viết một loạt bài trên báo Thông Luận nhằm đặt lại một số vấn đề liên quan tới lịch sử vài một vài nhân vật lịch sử. Đó là những bài viết táo bạo và sắc sảo. Tôi vốn thích đọc các bài viết của ông Nguyễn Gia Kiểng vì nó thường đem lại một cái gì mới, độc đáo, ít thấy lặp lại ở một nơi nào đó. Tuy nhiên những bài viết ấy luôn gây cho tôi (và có lẽ với nhiều độc giả khác cũng vậy) cảm giác ám ức và khó chịu. Một vài lần đầu tôi vẫn nghĩ đó là cảm giác khó chịu khi đụng chạm tới một cái ngoại cảm quan quen thuộc của mình, nó như một dị ứng của cơ thể với một vật lạ. Nhưng sau một loạt bài của ông, tôi phát giác ra một điều : ông Kiểng bao giờ cũng đẩy ý kiến của mình tới một thái cực và các dẫn chứng ông nêu ra thuần chỉ nhằm có mục đích chứng minh cho thái cực đó mặc dù trong thâm tâm ông biết rất rõ những dẫn chứng ngược lại phản bác ý kiến của ông. Nguyễn Gia Kiểng là một nhà hoạt động chính trị, nên việc ông cứ đẩy suy nghĩ của mình tới một thái cực, đã làm cho tôi suy nghĩ khá nhiều : phải chăng những nhà chính trị Việt Nam thời cận đại luôn chọn cho mình một thái cực, hay nói cách khác, một chiến lược cách mạng cực đoan ?

Bởi các bài viết gần đây của ông Kiểng bàn về lịch sử nên tôi cũng mạn phép lạm bàn về lịch sử để minh chứng cho câu trên của mình. Trước khi đi vào chi tiết cũng xin được nhắc lại rằng phân tích hay phê phán một nhân vật lịch sử không phải là thái độ thiếu tôn trọng tổ tiên. Điều đó chỉ nhằm rút một bài học, tránh lặp lại sự lầm lẫn của người xưa tuy vẫn biết rằng lịch sử là một sự lặp lại.

Hai nhân vật lịch sử cận đại không thể thiếu được khi nhắc tới quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc từ tay thực dân Pháp là : Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh. Tinh thần yêu nước và trình độ tri thức của các ông là điều không thể nghi ngờ vì các ông đều là những trí thức khoa bảng thành danh và cuộc đời các ông đã chứng tỏ chí khí và lòng yêu nước của mình. Điều mà tôi muốn bàn cãi là con đường các ông đã chọn có thực sự thích ứng với mục đích của các ông hay không ?

Cụ Phan Bội Châu chủ trương phong trào Đông Du, đưa thanh niên sang Nhật để đào tạo thành cán bộ cách mạng, định đưa về với sự giúp đỡ của Nhật để giành độc lập từ tay Pháp. Sự nghiệp của cụ không thành vì Pháp và Nhật bắt tay nhau

thỏa ước về vấn đề Đông Dương. Nhưng điều này, chúng ta ai cũng biết nhưng nếu lịch sử đã diễn ra khác đi một chút - thí dụ, vì một lý do nào đó, Pháp và Nhật không thể thỏa ước với nhau được, thời cơ để Nhật tiến vào Đông Dương chín mùi sớm hơn - lúc đó sẽ ra sao ? Điều chắc chắn là đã tâm xâm lược của Nhật vẫn như vậy, chỉ có lúc ấy cụ Phan Bội Châu sẽ phải làm một bi kịch còn hơn cả Nguyễn Ánh và Lê Chiêu Thống. Xin trích một đoạn trong hồi ký *Một cơn gió bụi* của cụ Trần Trọng Kim, người đã làm thủ tướng trong giai đoạn Nhật đảo chính Pháp ở Việt Nam : *"Nước Nhật Bản vốn là một nước đồng văn hóa ở Á Đông nhưng về sau đã Âu hóa, dùng những phương pháp qui quyết để mở rộng chủ nghĩa đế quốc của họ, trước đã thôn tính Cao Ly và Mãn Châu, sau lại muốn xâm lược nước Tàu và các nước khác ở Á Đông đã bị người Âu chiếm giữ. Người Nhật tuy dùng khẩu hiệu "Đồng minh công nhục" và lấy danh nghĩa "giải phóng các dân tộc bị hà hiếp" nhưng thâm ý là muốn thu hết quyền lợi về mình. Bởi vậy chính sách của họ đầy rẫy những sự trái ngược, nói một đằng làm một nẻo. Cái chính sách ấy là chính sách bá đạo rất thịnh hành ở thế giới ngày nay. Dùng những lời nhân nghĩa để nhử người ta vào tròng của mình mà thống trị cho dễ, chứ sự thực thì chỉ vì lợi mà thôi, không có gì là danh nghĩa cả".* Xem thế mới thấy may cho cụ Châu vì Nhật không có điều kiện vào Đông Dương sớm, nên cụ vẫn là một nhà yêu nước bất khuất, một người anh hùng dân tộc không chút hổ thẹn. Chỉ có điều sự kiện Nhật vào Đông Dương chứng minh rằng con đường cách mạng của cụ Phan Bội Châu là sai lầm.

Cụ Phan Chu Trinh lại khác, cụ không chủ trương vọng ngoại, cụ chủ trương cách mạng giành độc lập bằng sức mạnh của dân tộc. Chủ trương ấy được cụ thực hiện bằng sách lược : nâng dân trí, hưng dân khí, phục dân sinh. Đường hướng cách mạng của cụ là vận động phong trào Duy Tân. Các cụ cho rằng Nho học đã làm cho xã hội phong kiến Việt Nam trì trệ nên phải đoạn tuyệt với quá khứ, phải tranh thủ Tây học, phải nắm bắt được khoa học kỹ thuật, phải dùng chữ quốc ngữ để quảng bá tư tưởng mới cho toàn dân. Con đường này cũng không đưa được đến kết quả mong muốn. Tuy nhiên thành quả của nó là một điều không thể chối cãi : chữ quốc ngữ đã trở thành chữ Việt và người Việt đã đoạn tuyệt với quá khứ Nho học

THỜI SỰ... TÌNH TỨC... THỜI SỰ...

Những người dân chủ dũng cảm lên tiếng

Trong lúc tới Việt Nam để đột nhập nhà tù Thanh Cẩm và thực hiện một cuốn phim về giáo sư Đoàn Viết Hoạt, đài truyền hình Pháp TF1 đã phỏng vấn nhiều nhân vật đối lập Việt Nam.

Tại Hà Nội, hai ông Kiều Duy Vinh và Phan Hữu Văn đã nhận lời ra trước ống kính TF1 để tố giác chính sách đàn áp thô bạo của chính quyền cộng sản. Ông Văn nói: "Chúng tôi bị giam cầm vô cớ trong hơn hai mươi năm và vẫn còn bị trù dập, người ta đối xử với chúng tôi như những kẻ phạm tội ác".

Ông Kiều Duy Vinh, năm nay 67 tuổi, là một cựu đại úy Quân Đội Quốc Gia Việt Nam. Ông Phan Hữu Văn, năm nay 63 tuổi, là một cựu trung úy của Quân Đội Quốc Gia Việt Nam. Sau hiệp định Genève năm 1954 cả hai đã chọn ở lại miền Bắc. Mới đầu họ được khen là có tinh thần dân tộc cao, nhưng sau đó bị tình nghi và bị giam giữ. Cả hai đã trải qua hơn hai mươi năm tù trong các trại tù ngiệp ngả nhất, kể cả trại Công Trời tại Lạng Sơn (Công Trời là tên do tù nhân đặt cho một nhà tù vì lý do tù nhân ở đây rất gần kề với cái chết, dần dần Công Trời trở thành tên thông dụng mà cả cai tù cũng dùng). Hai ông Kiều Duy Vinh và Phan Hữu Văn tuyên bố với các ký giả TF1 là họ chấp nhận mọi hậu quả để làm nhân chứng trước dư luận thế giới về sự gian ác của chính quyền cộng sản.

Sau khi đoàn phóng viên TF1 ra về, họ đã bị lấy cung nhiều lần và bị cáo buộc đã tổ chức cho toán ký giả đột nhập trại Thanh Cẩm. Hai ông Vinh và Văn đã khẳng khái nhìn nhận họ chống đối chế độ và vì lương tâm cảm thấy có bổn phận phải tố giác chế độ trước công luận thế giới. Đài TF1 cho hay hai ông Vinh và Văn không liên hệ tới việc họ đột nhập Thanh Cẩm và cũng cho biết sẽ lên tiếng bênh vực mạnh mẽ hai ông này nếu họ bị bách hại. Chưa biết nhà cầm quyền Hà Nội sẽ đối xử ra sao với hai ông này.

Tại Sài Gòn, các ký giả TF1 đã tiếp xúc với nhiều nhân vật đối lập, trong đó có linh mục Chân Tín và ông Nguyễn Ngọc Lan nhận trả lời phỏng vấn.

Linh mục Chân Tín, năm nay 77 tuổi, là một người ủng hộ phe cộng sản trước 1975, cũng như ông Nguyễn Ngọc Lan, một cựu linh mục. Sau năm 1975 cả hai đã chống đối mạnh mẽ nhà cầm quyền cộng sản và thẳng thắn phát biểu lập trường dân chủ. Họ đã bị quản chế, riêng

linh mục Chân Tín còn bị lưu đày, trong vòng ba năm. Trong cuộc phỏng vấn này, cả linh mục Chân Tín lẫn ông Nguyễn Ngọc Lan đều gay gắt tố giác chính quyền cộng sản và khẳng định dân chủ là hướng đi bắt buộc của Việt Nam. Linh mục Chân Tín còn ngạo nghễ nói rằng: "Chế độ cộng sản hứa hẹn thiên đường nhưng thực tế đã tạo ra một địa ngục. Người dân không còn tiếng nói cho nên tôi thấy cần phải nói tiếng nói của nhân dân".

Đài TF1 đã chỉ trích một phần ngắn lời phỏng vấn ông Phan Hữu Văn và linh mục Chân Tín. Họ giữ lại các phần còn lại trong một cuộn phim rất dài về Đoàn Viết Hoạt và những người dân chủ Việt Nam cho một dịp khác.

Cũng nên biết, ngày 4-11-1997, ngay giữa ngày họp khoáng đại của các ký giả sử dụng tiếng Pháp tại Hà Nội, ký giả Patrick Poivre d'Arvor đã đồng dục lên tiếng trình bày tiểu sử giáo sư Đoàn Viết Hoạt và đòi nhà cầm quyền cộng sản trả tự do cho ông. Lời tuyên bố này đã gây tiếng vang lớn làm chính quyền cộng sản sùng sốt và khiến tổng thống Pháp Jacques Chirac, vì bó buộc ngoại giao lên tiếng chỉ trích, nhưng không nêu tên, ký giả Poivre d'Arvor là đã làm nhục chính quyền cộng sản.

Ngày 5-11, Hiệp Hội Báo Chí Thế Giới (AMJ), qui tụ 15.000 tờ báo thuộc nhiều quốc gia, họp tại Istanbul (Thổ Nhĩ Kỳ) đã quyết định tặng giáo sư Đoàn Viết Hoạt giải thưởng Ngôi Bút Vàng. Quyết định này được công bố cùng với một tuyên ngôn đòi nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam trả tự do "tức khắc và không điều kiện" cho ông Đoàn Viết Hoạt.

Ký giả Pháp đột nhập nhà tù Thanh Cẩm

Sáng ngày chủ nhật 2-11-1997, ban giám thị nhà tù Thanh Cẩm đã ngỡ ngàng thấy bốn ký giả ngoại quốc xuất hiện ngay giữa sân nhà tù. Cuộc nói chuyện ngôn ngữ bất đồng đã kéo dài mười phút, đủ thì giờ để một máy quay phim kín thu nhận nhiều hình ảnh trong khuôn viên nhà tù trước khi toán phóng viên được dẫn vào văn phòng chánh giám thị. Viên chức này đã giạt mình khi người cầm đầu toán phóng viên đưa ảnh giáo sư Đoàn Viết Hoạt và yêu cầu được gặp ông. Sau khi gọi điện thoại về Hà Nội, viên chánh giám thị mới quyết định yêu cầu toán phóng viên ra về. Ông ta trả lời một cách lúng túng. Đáp lại câu hỏi "Ông Đoàn Viết Hoạt có ở đây không?", ông ta trả lời

"Không nói được vì không có chỉ thị". Một cách gián tiếp xác nhận giáo sư Đoàn Viết Hoạt đang bị giam giữ tại Thanh Cẩm.

Những hình ảnh này đã được chiếu trong bản tin lúc 20 giờ chiều ngày 13-11-1997 trên đài truyền hình TF1 của Pháp, cho mười triệu khán thính giả Pháp, và đồng thời cũng được chiếu trên các đài truyền hình Bỉ (RTBF, TV1), Thụy Sĩ (TSR), Luxembourg (RTL) và Canada (Radio Canada). Ngoài hình ảnh về trại Thanh Cẩm, toán phóng viên TF1 còn quay nhiều hình ảnh về quê quán Đoàn Viết Hoạt, ngôi nhà ông Hoạt đã từng ở Sài Gòn, các nhà giam ông đã trải qua và trường Đại Học Vạn Hạnh nơi ông từng giảng dạy và làm phụ tá viện trưởng.

Toán phóng viên đã thực hiện một phỏng vấn rất dài trong một tuần lễ ở Việt Nam, nhưng khuôn khổ bản tin buổi chiều đã chỉ cho phép chiếu một đoạn trích, dài 4 phút 10 giây, kể cả phần phát biểu của bà Đoàn Viết Hoạt. TF1 cho biết họ sẽ sử dụng tối đa cuốn phim này, mà họ giữ độc quyền.

Điều mà ban giám thị trại tù Thanh Cẩm không biết là trong số bốn phóng viên đột nhập vào Thanh Cẩm có hai ký giả rất lớn của Pháp. Đó là ông Patrick Poivre d'Arvor, ký giả đài truyền hình nổi tiếng nhất của Pháp, và ông Robert Ménard, từng là giám đốc một đài phát thanh lớn và hiện là tổng thư ký-giám đốc tổ chức Ký Giả Không Biên Giới.

Cuộc đột nhập vào trại tù Thanh Cẩm đã được tổ chức Ký Giả Không Biên Giới và đài TF1 chuẩn bị rất chu đáo tại Paris với đầy đủ kỹ thuật để đánh lừa công an và tới được trại Thanh Cẩm an toàn. Điều bất ngờ duy nhất là trại Thanh Cẩm vừa xây một công vào rất kiên cố, tuy nhiên nhờ sự khôn ngoan của ký giả Patrick Poivre d'Arvor toán phóng viên vẫn vào được nhà tù.

Bà Đoàn Viết Hoạt, nhũ danh Trần Thị Thức, đã tới Paris ngày 8-11-1997. Bà đã được phát ngôn viên của tổng thống Jacques Chirac thay mặt tổng thống tiếp kiến một ngày trước khi vị này cùng tổng thống lên đường đi Việt Nam, ngày 11-11-1997.

Sau Thái Bình tới Hồ Nai

Sau Thái Bình, tình hình Xuân Lộc đã căng thẳng từ nhiều tháng nay, sau khi giám mục Nguyễn Minh Nhật phản đối việc cấm hoạt động của nhiều tổ chức tôn giáo. Hồ Nai chỉ chờ một ngòi nổ.

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

Ngôi nỏ đã đến làm tình hình bùng nổ dữ dội vào ngày thứ bảy 8-11-1997 tại xứ Trà Cổ, thuộc xã Thống Nhất, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, cách Sài Gòn 50 cây số.

Nguyên nhân mới đầu chỉ là vì một tranh chấp nhỏ. Cạnh nhà thờ Trà Cổ có một miếng đất rộng 720 m² (25mx30m) thuộc giáo xứ. Sở chính quyền trưng dụng miếng đất này xây dựng trụ sở xã, năm 1990 cha xứ Trà Cổ đã nhờ ông Phạm Thế Dạm, một cựu bí thư xã giữ gìn. Thay vì giữ gìn, ông Dạm đã chiếm dụng làm của riêng và cho xây nhà đúc, chính quyền xã Bình Minh cũng chiếm một lô đất khác của giáo xứ cạnh nhà thờ Trà Cổ, rộng 1.400 m² để xây chợ, một nửa xây nhà lồng và một nửa chia làm 47 lô, mỗi lô trị giá 6 chỉ vàng. Gần đây thấy tình hình khả quan, giáo xứ đã yêu cầu ông Dạm và chính quyền xã trả lại đất, nhưng ông Dạm và UBND xã nổi máu tham không chịu trả lại. Giáo dân Trà Cổ làm đơn tập thể gửi lên huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai và chính phủ kiện đòi lại đất, đơn của họ không được trả lời.

Tranh chấp đã tiềm tàng từ hai tháng nay nhưng còn ở mức độ ôn hòa, thương lượng. Bất ngờ chính quyền xã lại trưng dụng một lô đất khác của giáo xứ, rộng 12.700 m², phân nửa để xây trụ sở và phân nửa còn lại chia lô để bán vì đất Hồ Nai hiện rất có giá. Giáo dân Trà Cổ kéo nhau tới biểu tình phản đối, ông Dạm cùng cán bộ xã cũng không phải tay vừa, kéo công an tới hù dọa. Trước thái độ quyết liệt của dân chúng, công an rút lui. Ngày 8-11-1997 giáo dân kéo một lực lượng đông đảo, khoảng 10.000 người, dẫn đầu là phụ nữ, tới phản đối. Họ trưng ba biểu ngữ với nội dung: "Hồ Chí Minh muôn năm", "Đả đảo tham nhũng cướp đất giáo xứ" và "Trả lại đất cho nhân dân Trà Cổ". Nhưng lần này, dưới sự điều động của chủ tịch xã, ông Hóa, công an và cán bộ xã nhào tới giật ba biểu ngữ nói trên nhưng không được. Chính quyền huyện Thống Nhất điều động hơn 40 cảnh sát đã chiến cùng công an điều tra tiến vào xứ Trà Cổ, dùng roi điện đánh đập những phụ nữ dẫn đầu làm nhiều người bị thương. Giáo dân chống trả lại bằng cách lượm đá hai bên đường ném vào lực lượng đàn áp gây thương tích cho một công an. Về phía giáo dân, một người bị đánh gãy sống mũi phải đưa về Sài Gòn điều trị, một phụ nữ bị đánh gãy xương và một bà cụ 67 tuổi bị thương nặng. Lực lượng cảnh sát đã chiến

phải rút về giáo xứ Tân Bắc, cách đó 4 cây số.

Trong suốt ngày 8-11, lưu thông trên quốc lộ 1 đã bị gián đoạn vì Trà Cổ nằm ngay trên quốc lộ này. Các xe đò trên tuyến Sài Gòn - Phan Thiết phải đi đường vòng qua ngã Bà Rịa. Tin về biến động được biết rất nhanh chóng tại Sài Gòn. Trước khi thế đấu tranh lên cao, chính quyền huyện Thống Nhất đã không dám đàn áp tiếp mà phải tới tòa giám mục Xuân Lộc nhờ giám mục Nguyễn Minh Nhật can thiệp, hai linh mục về tại chỗ kêu gọi đồng bào hãy bình tĩnh.

Sáng ngày 11-11, chính quyền trung ương đưa người về giải quyết. Tình hình hiện nay đã dịu xuống nhưng các yếu tố cho một cuộc đụng độ lớn vẫn còn nguyên vẹn. Giáo dân vẫn giữ nguyên lực lượng và cố thủ trên ba lô đất bị chiếm dụng.

Trà Cổ là một họ đạo người công giáo di dân từ Móng Cái vào thành lập. Xứ Trà Cổ trước đây ở Phương Lâm nhưng do chiến sự hồi đầu thập niên 1970 đã dời về Hồ Nai, nằm trong khu vực đồng bào di cư Bùi Chu, xã Bình Minh.

Tỉnh Đồng Nai có rất nhiều người công giáo. Trước đây bí thư tỉnh ủy là bà Liên, một người nằm vùng hiểu biết dân tình đã đối xử mềm dẻo với dân chúng và tình hình được yên ổn. Từ ngày bà Liên về hưu, tỉnh ủy mới, nhất là ban tôn giáo mới tỏ ra cứng rắn hơn nên đã tạo ra căng thẳng. Đồng bào đang uất ức lại thấy nhân dân Thái Bình nổi dậy buộc nhà cầm quyền cộng sản phải nhượng bộ nên đã quyết tâm tranh đấu hơn.

Tình hình Hồ Nai chắc chắn còn hứa hẹn nhiều biến động khác.

Theo vết chân của Tân Thủy Hoàng?

Ngày 8 tháng 11 vừa qua, Giang Trạch Dân và Lý Bằng đã khánh thành ở Nghi Xương (Yi Chang) công trình chặn đứng lòng sông Trường Giang để bắt đầu xây cất một đập đập khổng lồ nhất của thế giới. Công trình này được ví như việc xây cất Vạn Lý Trường Thành thời trước.

Từ khi quốc hội Trung Quốc cho thông qua dự án xây đập này trong năm 1992 với một phần ba đại biểu chống đối, chương trình này được cho tiến hành từ giữa năm 1994. Đây cũng là một điều khá hi hữu trong một quốc hội "gật". Điều này chứng tỏ là chương trình xây đập chưa được nghiên cứu nghiêm túc. Theo chính quyền Bắc Kinh thì công trình xây cất sẽ được hoàn tất vào năm 2009 và chỉ tốn độ 11 tỷ

USD trong khi những người chống đối cho rằng thời gian phải gấp đôi và chi phí tổn kém sẽ lên tới 72 tỷ USD.

Để biến đoạn sông Trường Giang từ Trung Khánh (Chong Qing) đến Nghi Xương, dài 600 km trở thành một hồ chứa khổng lồ, chính quyền phải dùng 57 triệu thước khối đá trong đó có 10 triệu bê tông cốt sắt. Đập đập với chiều cao 175 m sẽ có một công suất 18 200 Mégawatts, nghĩa là 1,4 lần hơn đập ITAIPU của Ba Tây (Brésil) là đập lớn nhất hiện nay và sẽ cung ứng 10 % điện lực cho Trung Quốc.

Ngoài ra chương trình này cần phải di chuyển một triệu người, 13 thành phố lớn, 114 thị trấn và 1600 công xưởng. Thành phố cổ xưa Vạn Huyền (Wan Xian) sẽ bị xóa bỏ hoàn toàn. Hậu quả về môi sinh còn khó đo lường nhưng điều chắc chắn là cận bả phế thải của hơn 50 thành phố và hàng ngàn công xưởng sẽ ứ đọng vào một hồ chứa chỉ có 630 cây số vuông. Một nhà khoa học nổi tiếng Trung Quốc dự đoán sẽ có ngập lụt do sự tích lũy đất bồi ở đầu đập đập. Điều này khi xảy ra có thể làm hơn nửa triệu người chết và đồng thời gây ra nội loạn ở tỉnh Tứ Xuyên. Một ký giả, bà Dối Tinh (Dai Qing) cho ra một quyển sách về sông Dương Tử (bị chính quyền cấm) đã viết như sau: "*Cũng như việc xây cất Vạn Lý Trường Thành đã đưa đến sự sụp đổ của Tân Thủy Hoàng, chương trình xây đập này sẽ đưa tới sự cáo chung của chế độ*".

Trung Quốc lại vi phạm hải phận Việt Nam

Theo Âu Châu Nhật Báo xuất bản ở Paris ngày 26-11-97, Việt Nam đã chính thức phản kháng cách đây hơn một tháng (ngày 20-10-97) chính quyền Bắc Kinh về việc Trung Quốc đã cho phép một công ty Mỹ khai thác dầu khí trong vịnh Bắc bộ thuộc lãnh thổ Việt Nam. Công ty này đã cho thăm dò dầu khí vào 2,5 hải lý thuộc Việt Nam. Bắc Kinh, trái lại, cho vùng giữa vịnh Bắc bộ và đảo Hải Nam còn ở trong tình trạng tranh chấp. Bản công hàm còn nói: "*Trước khi đàm phán để biết khu tranh chấp thuộc về ai, chúng tôi hy vọng hai bên phải tôn trọng giới tuyến hiện nay*".

Việt Nam có lý phải phản kháng nhưng lời tuyên bố lại quá yếu ớt trong khi Bắc Kinh vẫn ngang ngược phê chuẩn cho một công ty ngoại quốc có quyền khai thác trong các vùng còn đang tranh chấp.

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

Khủng hoảng tài chính Á châu đạt mức độ mới

Lan tràn đến nền kinh tế thứ hai và thứ mười một trên thế giới, cuộc khủng hoảng tài chính Á châu đã đạt đến một mức độ không thể so sánh với những gì đã xảy ra trước đây.

Với một Tổng Sản lượng Nội địa vượt trên 300 tỷ Mỹ kim, trọng lượng của nền kinh tế Đại Hàn bằng Mã Lai Á, Nam Dương, Thái Lan và Tân Gia Ba hợp lại. Ngày 22-11-1997, chính phủ Hán Thành cho biết họ đã kêu gọi sự trợ giúp của Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Ngân hàng Thế giới cùng Nhật Bản. Tổng số tiền huy động để cứu nguy nền kinh tế Đại Hàn sẽ lên tới từ 50 đến 100 tỷ Mỹ kim, tức gấp hai lần số tiền để hỗ trợ Mê Tây Cơ vào năm 1995. Cuộc khủng hoảng tài chính ở Đại Hàn có những nguyên nhân ngoại lai cũng như nội tại. Trước hết, nó nằm trong trào lưu rút vốn khỏi những quốc gia Á Đông đã khởi đầu với Thái Lan và lan tràn khắp vùng Đông Nam Á. Sự giảm sút của những đồng tiền Thái Lan, Mã Lai Á, Nam Dương, Phi Luật Tân, Hương Cảng đã làm cho đồng won tới phiên bị các nhà đầu cơ tấn công. Nhon tổ nội tại là sự suy sụp của những công ty tổng hợp (*chaebol*) mà tầm vóc vĩ đại lẫn mối quan hệ mật thiết với chính quyền đã bảo đảm sự phát triển của Nam Hàn trong các thập niên 60-80. Nhưng bây giờ, các lợi thế ấy đã biến thành những trở ngại vì khó thích ứng với tình thế. Đồi lại sự trợ giúp của các định chế tài chính quốc tế, chính phủ Hán Thành đã cam kết thi hành một chương trình cải cách kinh tế rất đau đớn cho người dân Nam Hàn vì chủ yếu dựa vào sự giải thể của nhiều xí nghiệp và việc sa thải nhơn viên.

Cuộc khủng hoảng thị trường chứng khoán ở Nhật Bản không nằm hẳn trong phạm vi cơn bão tài chính Á Đông. Sự phá sản của nhà môi giới Yamaishi đúng hơn là một tàn dư của cuộc khủng hoảng ngân hàng và địa ốc đã xảy ra ở Nhật vào những năm đầu của thập niên 90. Các nhà kinh tế e ngại tác động của biến cố này trên các định chế tài chính ngân hàng của quần đảo vì điều đó có khả năng làm cho Nhật Bản mất đi vai trò "ngân hàng thế giới" mà họ có tới bây giờ trong lúc thế giới cần nhiều tiền mặt để đối phó cuộc khủng hoảng tài chính Á Đông và nâng đỡ những tiến trình tăng trưởng kinh tế ở Âu châu và Huê Kỳ.

Dụng đến các con rồng Á châu (Đại Hàn, Đài Loan, Hương Cảng và Tân Gia Ba), cơn động đất tài chính sẽ ảnh hưởng mạnh tới nền kinh tế Việt Nam vì đó là những quốc gia cuối cùng còn đầu tư ở nước ta sau khi các nước Tây phương đã rút lui. Sự co cụm của các công ty tổng hợp Đại Hàn và Nhật Bản (*zaibatsu*) là một mối đe dọa lớn trên những chương trình đầu tư ở Việt Nam. Mặt khác, nhu cầu giảm thiểu tiền công sẽ tăng trưởng xu hướng xuất ngoại những đơn vị sản xuất của các xí nghiệp này. Đây có thể là một cơ may cho Việt Nam nếu nước ta có khả năng hấp dẫn thế giới bằng một nhà nước pháp trị công bằng và minh bạch, một bộ máy hành chính nhẹ nhàng và trong sạch và một nguồn nhơn lực thành thạo và lương thiện.

Bà Kim Phúc làm "đại sứ hòa bình" UNESCO

Ngày 8-6-1972, cách đây hơn 25 năm, nhiếp ảnh gia người Mỹ Nick Ut đã cho truyền đi hình ảnh một cô bé gái Việt Nam bị phỏng vì bom napalm đang tràn trường chạy trên đường phố để tránh nạn. Hình ảnh này đã làm cho nhân dân Mỹ và dư luận thế giới thấy sự dã man của chiến tranh Việt Nam. Người con gái đó là bà Kim Phúc nay đã lập gia đình và đang cư ngụ ở Gia Nã Đại.

Cách đây một năm bà Kim Phúc đã gặp lại người phi công dội bom trước đây và hai người đã ôm nhau. Với cử chỉ này bà Kim Phúc đã tha thứ cho người đã làm mình tàn phế suốt đời. Cử chỉ cao đẹp đó đã làm ông Frédéric Mayor, giám đốc Cơ quan quốc tế về Giáo dục, Khoa học và Văn hóa (UNESCO) xúc động. Ông vừa bổ nhiệm bà Kim Phúc "đứa trẻ biểu tượng Việt Nam" làm "đại sứ hòa bình".

Trường La Fontaine mở lớp buổi tối dạy tiếng Việt

Ít lâu nay, việc học tiếng Việt tại Pháp bắt đầu có đà phát triển thuận lợi. Ngoài những lớp tiếng Việt đã được mở tại một số trường trung học, đại học, tại một vài tổ chức tư nhân, một vài bộ của chính phủ Pháp, mới đây trường trung học La Fontaine, Paris quận 16 đã chính thức dạy tiếng Việt nhằm giúp cho các học viên, sau 50 giờ học, đọc và viết đúng tiếng Việt. Trình độ dự liệu của lớp buổi tối này là trình độ sơ cấp để người học có thể giao thiệp trong những cuộc tiếp xúc công bố

quyết định mở một lớp buổi tối thông thường với người Việt Nam. Giáo sư giảng dạy do trường La Fontaine cung cấp. Tuồng cũng nên nhắc lại rằng trường này là trường trung học độc nhất tại Paris đã mở lớp song ngữ Việt-Pháp từ lớp 6, học lên tới tú tài, với tiếng Việt là sinh ngữ thứ nhất. Vào ngày 18-12-1997, trường La Fontaine sẽ tổ chức một buổi họp trong khuôn viên của trường để tiếp xúc với những người muốn theo học. Được biết rằng số học viên tối đa thu nhận cho mỗi lớp là 20 người. Mỗi tuần học 2 giờ, từ 18 g30 đến 20g30 vào ngày thứ tư. Tiền học phí phải trả cho một khóa học 6 tháng từ tháng giêng đến tháng sáu là 2300F.

Muốn biết thêm chi tiết xin trực tiếp liên lạc với trường trung học La Fontaine, 1, place Molitor, 75016 Paris, hỏi bà Paul, điện thoại 01 46 51 31 21.

Mục lục

1. Trường hợp Đoàn Viết Hoạt được đưa ra công luận thế giới
Thông Luận
2. Đoạn đường ngoại giao Pháp thoại Paris-Hà Nội
Trần Thanh Hiệp
3. Tham vọng của Pháp qua tổ chức Pháp thoại
Nguyễn Văn Huy
5. Quan hệ Mỹ-Hoa trong thời đại Giang Trạch Dân
Trần Bình Nam
7. Dân vi quý, Đảng vi khinh
Tôn Thất Thiện
8. Bắt giữa đường
Lê Rân
10. Các cụ già cộng sản bài xích lẫn nhau
Trần Quỳnh
11. Tự do tư tưởng
Võ Xuân Minh
15. Cộng đồng hải ngoại đi về đâu?
Đặng Ứng Hà
19. Hai cách nhìn lịch sử
Hoàng Vũ
24. Nhà Thanh, quân Thanh và vua Quang Trung
Nguyễn Phương
26. Việt Nam dưới mắt một số người ngoại quốc
Nguyễn Anh Tuấn
28. Bạn đọc viết
Nguyễn Chí Hùng
30. Thời sự - Tin tức